KINH PHẬT TUYỂN TỤNG

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

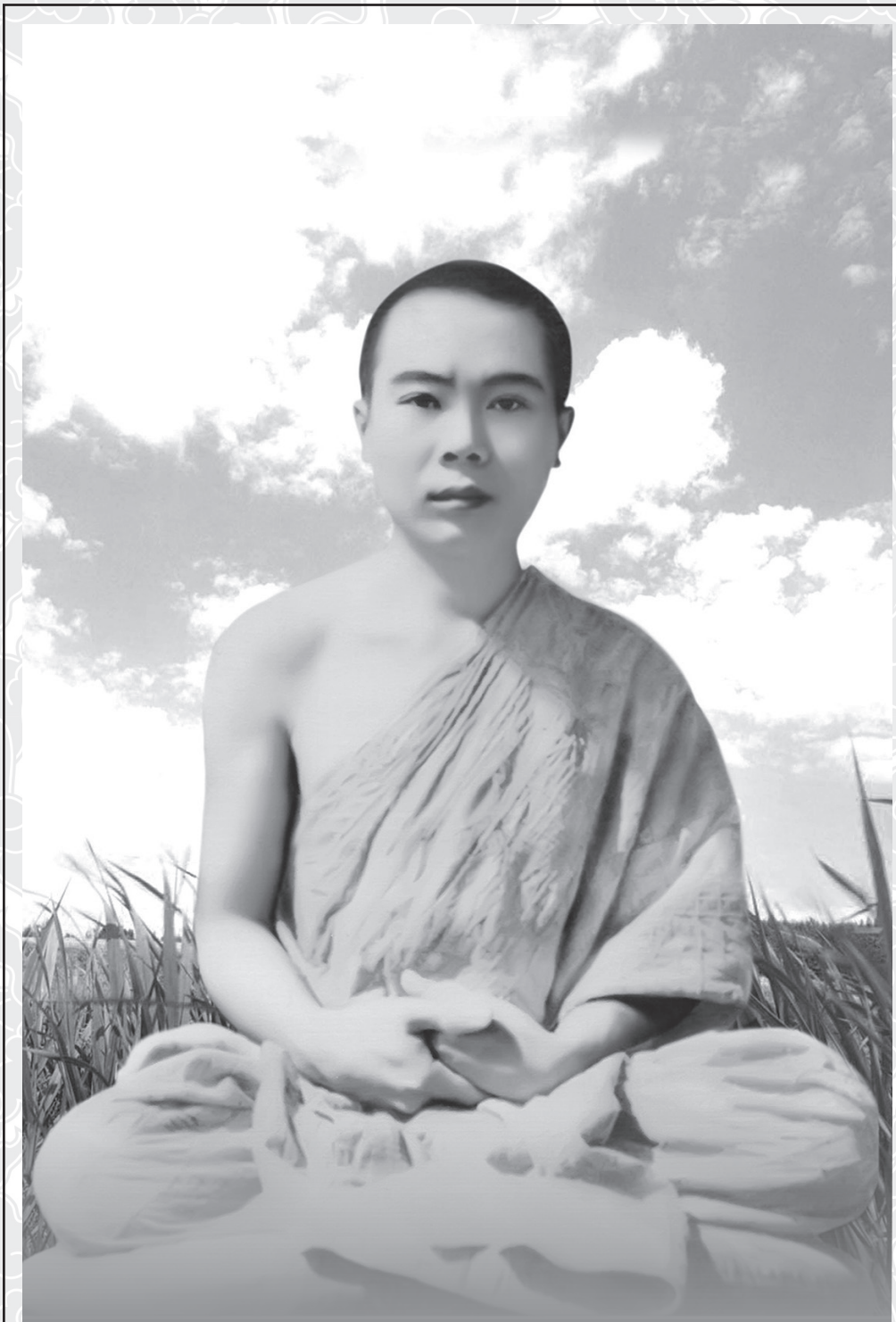

TÔN DUNG ĐỨC TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

LỜI CHỨNG MINH

Kinh điển thật là bao la, bao la như vô số lá rừng trên quả đất này. Ngày xưa, đức Phật cầm nắm lá Simsapa bảo chư Tỳ-kheo rằng pháp mà Ngài thuyết chỉ như lá trong tay, còn pháp mà Ngài thắng tri nhiều như lá trong rừng kia.

Đối với chúng ta ngày nay, một nắm lá của Phật còn vô biên hơn cả lá cây rừng xanh thẳm. Vậy làm sao hốt được một nắm lá để ta có thể tự thân đi đến mục tiêu Phạm hạnh, thành tựu mục đích cứu cánh cho chính mình ngay trong hiện đời mới là quan trọng nhất.

Quyển *"Kinh Phật tuyển tụng"* chỉ là một nắm lá hữu duyên góp nhặt 32 bài kinh trong 5 bộ *Nikāya* được chuyển thành các thể thơ quen thuộc. Mỗi bài kinh là mỗi chiếc lá rừng Simsapa chứa đựng pháp hành căn bản của nhà Phật. Rải rác trong số đó là các bài học thâm sâu, kiến giải minh triết và lời khuyên dạy vô cùng thân thương mà đấng Từ Phụ Thích-ca ân cần để lại cho đời.

Với gần 80 năm Đạo Phật Khất Sĩ hiện diện trên đất nước hình chữ S thân yêu trong niềm tự hào 4000 năm văn hiến và 2000 năm Phật giáo du nhập, quyển *"Kinh Phật tuyển tụng"* là một sự tiếp nối cho sức sống mãnh liệt của tông môn Khất sĩ trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Tôi tin tưởng rằng khi đến với quyển kinh thơ này, mỗi người sẽ nhận được một thắng duyên nào đó với ý pháp lời kinh mà Đại đức Minh Điệp đã gửi gắm trong quãng thời gian 7 năm không ngừng nghiên tầm, học hỏi và sáng tác.

Trân trọng!

HT. GIÁC TOÀN
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ

LỜI GIỚI THIỆU

Cuốn *Kinh Phật tuyển tụng* gồm 32 bài kinh được Đại đức Minh Điệp dành nhiều tâm huyết và thời gian trích lục, nghiên cứu và phổ thơ để cúng dường lên ngôi Tam bảo nhân Đại lễ Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Tổ sư Minh Đăng Quang (26 tháng 9 năm Quý Hợi, 1923 – 26 tháng 9 năm Quý Mão, 2023).

32 bài kinh ắt hẳn là con số hàm chứa ẩn ý đánh dấu kỷ niệm 32 tuế hiện của Tổ sư Minh Đăng Quang (cho đến thời điểm Tổ sư vắng bóng). Xuất phát từ niềm tôn kính và nhớ ơn công đức Tổ sư khai lập giáo pháp Khất sĩ mà Đại đức Minh Điệp đã chọn con số ấy để thực hiện số kinh trong ấn phẩm *Kinh Phật tuyển tụng* là điều rất ý nghĩa và đáng được trân trọng!

Nội dung 32 bài kinh trích từ 5 bộ *Nikāya* cho cả hai giới xuất gia và tại gia được phổ thơ khá đa dạng. Các thể tài văn học thơ ca: ngũ ngôn, lục bát, song thất lục bát đã được Đại đức Minh Điệp vận dụng uyển chuyển, nhuần nhuyễn trong bản *Kinh Phật tuyển tụng* này.

Có thể nói, bản *Kinh Phật tuyển tụng* ra đời trong giai đoạn này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng của thế hệ kế thừa tiếp nối tiền nhân trong sứ mạng truyền lưu Pháp bảo, phổ biến kinh văn dưới dạng thi kệ. Đây là một đặc trưng ngôn ngữ mà Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam đã sử dụng rất thành công trong những ngày đầu thành lập qua các nghi thức mà Tăng Ni, tín đồ thọ trì đọc tụng: *Nghi thức tụng niệm, Kinh Tam bảo, Tinh hoa bí yếu*.

Với hoài bão mang giáo pháp của đức Phật đi vào cuộc sống qua các bản kinh tụng, trong vòng bảy năm, Đại đức vừa học vừa dành thời gian thực hiện, đến nay *Kinh Phật tuyển tụng* cũng đủ nhân duyên chào đời, như là một phẩm vật tâm linh kính dâng lên ngôi Tam bảo và Tổ sư Minh Đăng Quang nhân Đại lễ Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Ngài.

Chúng tôi tin rằng, bản *Kinh Phật tuyển tụng* này sẽ là chất xúc tác thúc đẩy nhiều ấn phẩm kinh tụng bằng thi kệ được ra đời, đóng góp cho nền văn học Phật giáo Khất sĩ nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung. Hơn thế nữa, *Kinh Phật tuyển tụng* là một tác phẩm tạo nên nguồn xúc cảm thù thắng cho chư Tăng Ni và Phật tử Việt Nam khi thọ trì, tụng đọc kinh Phật trong hiện tại và tương lai.

Kính chúc đại chúng vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, thành tựu vô lượng công đức!

Viết tại khóa tu do Giáo đoàn III tổ chức tại tịnh xá Ngọc Vạn, Vạn Ninh, Khánh Hòa

Ngày 25/9/2023 (11 tháng 8 năm Quý Mão)

TT. TS. GIÁC HOÀNG

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Khất sĩ
Chánh Thư ký Ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ

LỜI NÓI ĐẦU

Những dòng kinh thơ của *Kinh Phật tuyển tụng* được sáng tác lần đầu tiên vào mùa An cư năm 2016 tại Pháp viện Minh Đăng Quang sau nhiều lần thao thức về bản kinh tụng của Phật giáo Khất sĩ. Làm sao để có một bản kinh chuyển tải hết các giá trị pháp hành hay sự minh triết bàng bạc trong Tam tạng Thánh điển. Các bài kinh căn bản mang giá trị pháp học, pháp hành có tính đại chúng là những thể tài hết sức cần thiết trên phương diện truyền bá chánh pháp đương đại. Nhờ việc trì tụng hằng ngày, Tăng Ni và Phật tử có thể tiếp cận kinh văn nhà Phật thông qua thể loại thi kệ, thơ ca vốn là nét đặc thù của Phật giáo Khất sĩ.

Từ năm 2016 đến 2023, tác giả đã làm việc liên tục trong việc chuyển thơ bên cạnh việc học hành, nghiên cứu bên trời Ấn Độ. Nhờ ân đức Tam bảo gia hộ, quyển *Kinh Phật tuyển tụng* đã hoàn thành với 32 bài kinh theo truyền thống Thượng Tọa bộ được bảo tồn trong 5 bộ Nikāya *(Pañca Nikāya).* Quyển kinh này chia ra hai phần: Kinh tụng cho giới xuất gia 20 kinh và Kinh tụng cho giới tại gia 12 bài kinh. Dùng từ xuất gia và tại gia nhằm để tạm chia dựa trên nội dung kinh văn và đối tượng nghe pháp, do đó, chúng ta hoàn toàn có thể trì tụng cả hai phần này trên tinh thần tu tập và tiếp nhận giáo pháp chứ không nên bỏ qua một bài kinh nào. Như một nhận định của Ngài Tỳ-kheo Bồ-đề (Bhikkhu Bodhi): *"Đôi khi Phật giáo sơ kỳ được xem như là một công phu tu tập xuất ly thế tục, chủ yếu dành cho các nhà tu khổ hạnh và ẩn sĩ. Nhưng các bài giảng cổ xưa trong kinh điển Pāli cho chúng ta thấy rõ ràng là trí tuệ và lòng từ bi của Đức Phật đã đi sâu vào đời sống thế tục, cung cấp các hướng dẫn cho những người bình thường, để có được đạo đức và nhận thức đúng đắn. Không phải chỉ dành riêng cho tầng lớp tu sĩ, Phật giáo cổ xưa bao gồm sự cộng tác mật thiết giữa hai giới cư sĩ và tu sĩ, trong nhiệm vụ chung là giữ gìn lời dạy của Đức Phật và đồng thời giúp đỡ lẫn nhau trong nỗ lực đi trên con đường đưa đến sự tận diệt đau khổ. Để hoàn thành nhiệm vụ này, giáo*

pháp đã cung cấp những hướng dẫn, cảm hứng, niềm vui và sự khích lệ dồi dào và thâm sâu."[1]

Mở đầu phần kinh là những bài kệ tụng nhằm tán dương, ngợi ca ân đức Tam bảo, một nghi thức khai kinh và phần kết kinh cũng là những bài thi kệ, hồi hướng công đức tụng kinh đến với muôn loài. Trong mỗi bài kinh, tiêu đề vẫn được giữ nguyên theo ấn bản Tam tạng Thánh điển do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành. Các bản chuyển thơ đều có sự nghiên cứu thêm các bản *Chú giải* hoặc các văn bản liên hệ để thuật lại phần duyên khởi, nhân vật, nội dung và sự thọ trì của nhân vật chính được Đức Phật giáo hóa. Phần cuối quyển *Kinh Phật tuyển tụng* là 3 phần phụ lục vô cùng quan trọng. Phụ lục 1 nói về nguồn gốc và ý nghĩa 32 bài kinh. Phụ lục 2 là chú giải các thuật ngữ qua việc dịch thuật các ngôn ngữ Pāli, Sanskrit, Anh và chú giải bằng tiếng Việt. Phụ lục 3 là hướng dẫn nghi thức trì tụng.

Xin kỉnh đội ân đức của HT. Giác Toàn – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái đã chứng minh cho việc sáng tác quyển kinh này. Kỉnh ơn Thầy Bổn sư là HT. Giác Tuấn – Trị sự Trưởng Giáo đoàn VI và Thầy Y chỉ là TT. Giác Nhuận – Trị sự Phó Thường trực Giáo đoàn VI đã giáo dưỡng, tạo điều kiện học hành và nghiên tầm giáo điển nơi đất Phật. Kính ơn TT. Giác Hoàng – Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Chánh Thư ký Hệ phái đã khích lệ cho việc sáng tác và Ngài đã dành thời gian hiệu đính toàn bộ nội dung trong quyển kinh. Kính ơn sự cố vấn cao quý từ NS. Hòa Liên và SC. Thủy Liên đã rà soát và đối chiếu ngữ nghĩa trong tuyển tập này. Kính ơn một vị Sư cô đã dành thời gian quý báu để hoàn thành Phụ lục 2: Chú giải thuật ngữ giúp bản kinh có tính nghiên cứu chuyên sâu. Xin kính ơn quý Tôn đức Tăng Ni đã góp ý chỉnh sửa cho bản kinh được hoàn thiện. Cuối cùng, xin tri ơn quý cư sĩ xa gần đã đóng góp tịnh tài để bản in được ra mắt tốt đẹp nhất.

Mỗi ngày con tụng một bài kinh
Thức tỉnh chân tâm, giác ngộ mình
Ôi những lời vàng chư Phật dạy
Cho người giải thoát, độ hàm linh.

Kính bút,
TỲ-KHEO MINH ĐIỆP

[1] Bhikkhu Bodhi, Bình Anson (dịch), *Những Lời Phật Dạy*, NXB. Tôn giáo, Hà Nội, 2003, tr.9.

TÁN DƯƠNG

Đức Như Lai vô thượng
Đạo sư mọi Thánh hiền
Trọn đời con quy ngưỡng
Bậc Thầy của nhân, thiên.
Nối truyền nguồn Chánh pháp
Xưng tôn Phật Thích-ca,
Minh Đăng Quang sơ Tổ
Rộng độ khắp gần xa.
Y thanh bần giải thoát
Bát đất hạnh viên dung
Đuốc sen ngời Chơn lý
Tuệ giác sáng khôn cùng.
Sanh tử vô lượng kiếp
Biết bao đời khổ ưu
Nguyện kết duyên Tam bảo
Niết-bàn hưởng thiên thu. O

NAM-MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT O

ĐẢNH LỄ

Con xin đảnh lễ Phật
Bất động một niềm tin
Suốt đời con nương tựa
Cho đến khi mãn phần!
Đây là đức Thế Tôn
Là bậc A-la-hán,
Tôn xưng Chánh Đẳng Giác,
Minh Hạnh Túc hoàn toàn,
Thiện Thệ, Thế Gian Giải,
Vô Thượng Sĩ diệu vời,
Bậc Điều Ngự Trượng Phu,
Thiên Nhân Sư cao vợi,
Cùng hiệu Phật, Thế Tôn
Niềm tin sâu tâm hồn
Người chỉ đường dẫn lối
Thành Tứ quả Sa-môn. O

Con xin đảnh lễ Pháp
Bất động một niềm tin
Suốt đời con nương tựa
Cho đến khi mãn phần!
Pháp Thế Tôn khéo thuyết,
Thiết thực hiện tại ngay,
Thời gian không biến đổi
Đến để thấy rõ bày,
Có khả năng hướng thượng
Cho người nghe dựa nương,
Kẻ trí tự giác hiểu
Đạo lộ thẳng một đường.
Ai tin Diệu pháp này
Phương linh dược quý thay,
Hiện tại đắc tuệ giác
Xứng đệ tử Như Lai. O

Con xin đảnh lễ Tăng
Bất động một niềm tin
Suốt đời con nương tựa
Cho đến khi mãn phần!
Người xuất gia chân chính
Là đệ tử Như Lai
Có đức tính cao dày
Một lòng cần niệm tưởng:
Đó là chân Diệu hạnh
Trực hạnh tâm thẳng ngay
Ứng lý hạnh hiển bày
Chân chính hạnh, lành thay!

Gọi bốn đôi, tám vị
Xứng đáng được cúng dường
Xứng đáng được tôn trọng
Và các lời tán dương,
Đáng được người chắp tay
Là phước điền vô thượng
Bậc cao quý thuần tịnh
Nhơn thiên xứng bậc Thầy. O

NAM-MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT O

DÂNG HƯƠNG

Khói trầm tỏa ngát mười phương
Kết mây ngũ sắc cúng dường đài cao
Quang minh tỏa ngát dạt dào
Như vầng nhật nguyệt, như sao sáng ngời
Vô lượng chư Phật ba đời
Vô lượng Bồ-tát khắp trời độ sinh
Vô lượng Hiền Thánh oai linh
Dung thông pháp giới kết tinh đạo vàng
Xin làm pháp lữ nghiêm trang
Trên đường giác ngộ vững vàng tiến tu
Chúng sanh trong cõi thâm u
Quay về tỉnh thức mây mù vượt qua
Giới Định Tuệ pháp rộng xa
Thọ trì viên mãn, ái hà cạn khô
Phá tan khổ ách tam đồ
Nương về Tam bảo nhiễm ô chẳng còn.

NAM-MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG BỒ-TÁT O

LỄ PHẬT

Cúi đầu lạy Phật Bổn sư

Đạo lành cứu độ tâm từ rải ban,

Đoan nghiêm quỳ dưới đài vàng

Lễ ngôi Đại Giác ngập tràn Phật ân. O

LỄ PHÁP

Cúi đầu lạy Pháp cao xa

Từ bi, Trí tuệ bao la tuyệt vời

Tam vô lậu học sáng ngời

Thọ trì Tam tạng một đời thơm hương. O

LỄ TĂNG

Cúi đầu lạy Thánh Hiền Tăng

Tam y, nhất bát thanh bần, giản đơn

Lục hòa, thanh tịnh chánh chơn

Làm gương mô phạm chẳng sờn lòng tu. O

KHAI KINH KỆ

Muôn trùng vòi vọi pháp sâu

Trải muôn ngàn kiếp tầm cầu dựa nương

Lời vàng như ánh thái dương

Kiếp này nguyện giải tỏ tường nghĩa kinh. O

KINH TỤNG
GIỚI XUẤT GIA

1. KINH TẤT CẢ LẬU HOẶC

(Trích KINH *TRUNG BỘ*, SỐ 2)

Một thời đức Thế Tôn
Trú tại thành Xá-vệ
An ngự Kỳ-đà Lâm
Vườn ông Cấp Cô Độc.
Khi ở tại chỗ ấy
Thế Tôn gọi Tỳ-kheo:
- Ta sẽ giảng cho nghe
Một pháp môn phòng hộ
Các ông hãy chú tâm
Khéo như thật quán sát
Tất cả lậu hoặc này
Tu tập không sai khác.
Ta giảng sự diệt tận
Tất cả các lậu hoặc
Cho người có hiểu biết
Chứ không cho kẻ ngu.

Ta giảng cho người thấy
Chứ không cho kẻ mù
Căn cơ người nghe pháp
Có hạ liệt, thắng ưu.
Sự thấy biết khởi lên
Tri kiến được gọi tên
Phải như lý tác ý
Dùng trí tuệ làm nền.
- Không như lý tác ý
Là trạng thái kẻ ngu
Khiến lậu hoặc chưa sanh
Sẽ sanh khởi mịt mù,
Các lậu hoặc sanh rồi
Tăng trưởng mạnh hơn thôi,
Không như lý tác ý
Do thiếu tuệ chiếu soi.
- Với như lý tác ý
Lậu chưa sanh không sanh,
Lậu hoặc nào đã sanh
Liền khiến cho đoạn tận.
1. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Có những loại lậu hoặc
Cần phải được đoạn trừ
Bằng pháp môn tri kiến.
Ở đây kẻ phàm phu
Do ít nghe, ít học
Không thấy, không thuần thục
Với pháp bậc Thánh nhân.

Lại không thấy, không biết
Bậc Chân nhân thuần tịnh
Không nghe pháp bậc ấy
Nên cũng không thuần thục.
Từ đó không tuệ tri
Các pháp cần tác ý
Không như thật tuệ tri
Pháp không cần tác ý.
Do nguyên nhân như vậy
Tác ý pháp không cần,
Lại tâm không tác ý
Đến các pháp phải cần.
- Không cần tác ý gì?
Đó là các pháp chi
Mà dục lậu, hữu lậu,
Cùng với vô minh lậu
Ba lậu này chưa sanh
Tác ý nên phát khởi
Ba lậu này đã sanh
Tác ý nên tăng trưởng.
- Cần phải tác ý gì?
Đó là các pháp chi
Mà dục lậu, hữu lậu,
Cùng với vô minh lậu
Ba lậu này chưa sanh
Tác ý nên không khởi
Ba lậu này đã sanh
Tác ý nên đoạn diệt.

- Không tác ý như sau:
Ta có mặt hay không
Ở trong thời quá khứ?
Ta có như thế nào?
Hình vóc từng ra sao?
Trước kia ta là gì
Và ta đã là gì
Ở trong thời quá khứ?
- Ở trong thời vị lai
Có hay không ngày mai?
Ta có như thế nào
Trong kiếp sau sinh hữu?
Hình vóc ta thế nào
Ngày mai ta ra sao?
Trước kia và kế tiếp
Ta có mặt đường nao?
- Lại ngay trong hiện tại
Nghi ngờ tự nơi lòng
Ta có mặt hay không?
Hiện thân đường nào vậy?
Hình vóc như thế này?
Chúng sinh gọi thân đây
Là từ đâu mà đến?
Nó về đâu kiếp sau?
- Với những kẻ được gọi
Không như lý tác ý
Có sáu tà kiến này
Được khởi lên sau đây:

1.1. Ta có thật tự ngã,
1.2. Ta không có tự ngã,
1.3. Do tự mình tưởng tri
Ta đây có tự ngã,
1.4. Do tự mình tưởng tri
Ta không có tự ngã,
1.5. Lại do không tự mình
Tưởng tri có tự ngã,
1.6. Chính tự ngã ta nói
Cảm giác và hưởng thọ
Quả báo của thiện hành
Hay ác hành đã gieo
Nghiệp thiện ác đã làm
Tại chỗ này, chỗ kia
Chính nơi tự ngã ấy
Của ta là thường hằng,
Chúng thường trú, trường tồn
Không biến chuyển suy giảm
Và luôn luôn có mặt
Sẽ vĩnh viễn thường còn.
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như vậy gọi tà kiến
Cũng là trù lâm kiến
Hay là kiến hoang vu,
Kiến hý luận, tranh chấp,
Kiến kiết phược mịt mù.
Do trói buộc kiết sử
Nên gọi là phàm phu.

Kẻ này ít nghe pháp
Không tránh khỏi sanh, già,
Chết, sầu, bi, khổ, não
Không bao giờ thoát ra.
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Với Thánh nhân, Chân nhân
Đến gần và yết kiến,
Nhờ gần gũi nghe pháp
Thuần thục sanh tuệ tri
Pháp nào cần tác ý
Vị ấy luôn tư duy,
Pháp không cần tác ý
Vị ấy không khởi tâm
Sống như vậy tháng năm
Đoạn trừ hết lậu hoặc.
Dục lậu cùng hữu lậu
Thứ ba: lậu vô minh
Tất cả được tận diệt
Nhờ tuệ giác nơi mình.
Nếu chưa khởi lậu hoặc
Tác ý lậu chẳng sinh
Nếu lậu hoặc đã khởi
Tác ý liền đoạn mất.
- Với như lý tác ý
Vị ấy liền hướng tâm
Nhận ra: "Đây là khổ"
"Đây khổ tập" rõ mầm,

“Đây là Diệt Thánh đế”
Chấm dứt mọi khổ đau,
Nhận ra như thật tuệ:
“Đạo Thánh đế” dạt dào.

Nhờ tác ý như vậy,
Ba kiết sử được trừ:
“Hoài nghi” và “Thân kiến”
“Giới cấm thủ” tàn dư.

Do lậu hoặc tiêu tan
Hưởng an vui Niết-bàn
Gọi là diệt phiền não
Bằng tri kiến vẻ vang.

Nếu không dùng tri kiến
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.

Nhờ pháp môn tri kiến
Lậu hoặc được đoạn trừ
Lậu tàn hại, nhiệt não
Dứt sạch chẳng còn dư.

2. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như thế nào được gọi
Là lậu hoặc được trừ
Bằng pháp môn phòng hộ?

Ở đây có Tỳ-kheo
Với như lý giác sát
Sống với sự canh phòng
Trước cảnh trần qua mắt.

Phòng hộ nhãn căn mình
Không để lậu phát sinh
Lậu tàn hại, nhiệt não
Luôn phòng hộ chí tình.
Với lỗ tai, lỗ mũi
Với cái lưỡi, thân căn
Và cuối cùng là ý
Luôn phòng hộ chuyên cần.
Nếu không thể phòng hộ
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.
Nhờ pháp môn phòng hộ
Lậu hoặc không khởi ra
Lậu tàn hại, nhiệt não
Tiêu tan ngày tháng qua.

3. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như thế nào được gọi
Là lậu hoặc được trừ
Bằng pháp môn thọ dụng?
- Với như lý giác sát
Tỳ-kheo nhận áo chăn
Chỉ để phòng nóng, lạnh
Chống muỗi, ruồi đốt thân,
Ngăn gió lạnh se thắt,
Nắng mặt trời cháy da,
Che kín thân tươm tất,
Chống bò sát cắn ta.

- Với như lý giác sát
Khất thực nhận đồ ăn
Không phải để vui đùa,
Không đam mê thỏa miệng,
Không phải để trang sức,
Không tự làm đẹp mình.
Ăn để sống thêm lâu,
Bổ sung phần dưỡng chất,
Thân không bị thương hại
Hỗ trợ Phạm hạnh thành,
Tâm luôn luôn khởi sanh:
"Diệt trừ thọ cảm cũ,
Không khởi cảm thọ mới,
Ta sống không lỗi lầm
Ta sống được an ổn
Với đồ khất thực này."
- Với như lý giác sát
Thọ nhận bộ sàng tòa
Chỉ mong chút thân lạc
Độc cư nơi vắng xa,
Ngăn lạnh nóng, muỗi mòng
Ngăn nắng gió Hạ - Đông
Chống hiểm nguy thời tiết
An tịnh vững nơi lòng.
- Với như lý giác sát
Thọ dụng phương thuốc này
Ngăn thống khổ đã sanh
Được hoàn toàn ly khổ.

Nếu không khéo thọ dụng
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.

Nhờ pháp môn thọ dụng
Lậu hoặc được đoạn trừ
Lậu tàn hại, nhiệt não
Dứt sạch chẳng còn dư.

4. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như thế nào được gọi
Là lậu hoặc được trừ
Bằng pháp môn kham nhẫn?

Với như lý giác sát
Vị Tỳ-kheo cam lòng
Với lạnh nóng, đói khát,
Xúc chạm với muỗi mòng,
Gió, sức nóng mặt trời,
Bò sát ở khắp nơi,
Kham nhẫn trước mắng chửi
Câu mạ lị, ác lời.

Kham nhẫn ở nơi thân
Cảm thọ xa hay gần
Thống khổ và khốc liệt
Nhức nhối, đau bội phần.
Cảm thọ khổ cùng tột
Không sung sướng nơi thân
Không phải điều thích thú
Đau như chết đến gần.

Nếu không thể kham chịu
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.

Nhờ pháp môn kham nhẫn
Lậu hoặc được đoạn trừ
Lậu tàn hại, nhiệt não
Dứt sạch chẳng còn dư.

5. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như thế nào được gọi
Là lậu hoặc được trừ
Bằng pháp môn tránh né?

Ở đây có Tỳ-kheo
Với như lý giác sát
Tránh né các thú dữ
Thoát hiểm nguy ngặt nghèo
Voi, ngựa, bò, chó dữ
Vực núi và hố sâu,
Rắn, khúc cây, gai góc,
Ao, vũng dơ thảm sầu.

Tránh chỗ không đáng ngồi,
Trú xứ hiểm nên thôi,
Không giao du bạn ác,
Để người trí chiếu soi.

Nếu không thể tránh né
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.

Nhờ pháp môn tránh né
Lậu hoặc được đoạn trừ
Lậu tàn hại, nhiệt não
Dứt sạch chẳng còn dư.

6. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như thế nào được gọi
Là lậu hoặc được đoạn
Bằng pháp môn trừ diệt?
Với như lý giác sát
Thấy sân niệm, dục niệm
Cùng với các niệm hại
Đã khởi phải nghiêm phòng,
Phải trừ diệt, tận diệt
Từ bỏ, tâm lắng trong
Không chấp nhận tồn tại
Bất thiện pháp nơi lòng.
Nếu không thể trừ diệt
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.
Nhờ pháp môn trừ diệt
Lậu hoặc được đoạn trừ
Lậu tàn hại, nhiệt não
Dứt sạch chẳng còn dư.

7. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Như thế nào được gọi
Là lậu hoặc được trừ
Bằng pháp môn tu tập?

Bằng như lý giác sát
Vị Tỳ-kheo khéo tu
Khéo tăng trưởng, sung mãn
Với pháp niệm giác chi,
Trạch pháp cùng tinh tấn,
Hỷ, khinh an, định, xả
Bảy phần đạo Bồ-đề
Ngày đêm luôn tu tập.
Đưa đến y viễn ly
Y ly tham, đoạn diệt,
Nội tâm luôn thi thiết
Hướng từ bỏ diệu kỳ.
Không tu tập như vậy
Lậu hoặc sẽ khởi sinh
Con đường dài vô tận
Luân hồi mãi hữu tình.
Nhờ pháp môn tu tập
Lậu hoặc được đoạn trừ
Lậu tàn hại, nhiệt não
Dứt sạch chẳng còn dư.
- Như vậy các Tỳ-kheo!
Có những loại lậu hoặc
Phải do tri kiến trừ,
Hay phải do phòng hộ,
Đoạn hoặc do thọ dụng,
Hay kham nhẫn mới thành,
Hoặc phải nhờ tránh né,
Hay trừ diệt chóng nhanh,

Hoặc nhờ pháp tu tập
Lậu hoặc hết hoàn toàn.
Bảy pháp môn phòng hộ
Tâm ý được hỷ hoan.
Đây là vị Tỳ-kheo
Đã sống trong Chánh pháp
Phòng hộ các lậu hoặc
Được hưởng vui Niết-bàn
Đoạn diệt mọi khát ái
Kiết sử đã thoát ly
Đã chánh tri kiêu mạn
Diệt tận khổ sầu bi.
Thế Tôn thuyết như vậy
Các Tỳ-kheo kính vâng
Tín thọ lời Phật dạy
Tu tập pháp chuyên cần.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

2. KINH THỪA TỰ PHÁP

(Trích KINH *TRUNG BỘ*, SỐ 3)

(1)

Một thời Chánh Đẳng Hiền Vương
Đến thành Xá-vệ thuận đường hóa duyên
Chư Tăng từ khắp trăm miền
Trở về lễ Phật nối liền bóng y.
Sau giờ trai ngọ hồi quy
Thế Tôn cất tiếng thiết thi diệu thù:
- Hỡi này các vị Tỳ-khưu!
Gắng công tu học mây mù lánh xa
Làm người thừa tự Pháp Ta
Đừng ham tài vật vạy tà thế gian.
Vì lòng thương tưởng các hàng
Từ bi khuyên nhắc cho đàn hậu sinh
Lòng Ta suy nghĩ tận tình
Giúp cho đệ tử nhẹ mình thanh tu,
Pháp Ta bất tử thiên thu

Hãy nên thừa tự công phu vững bền
Đừng ham tài vật lênh đênh
Của kia giả tạm làm nền khổ đau
Để cho mai hậu về sau
Tránh điều tiếng xấu nhắm vào Phật Tăng.
Người đời sẽ tán thán rằng:
Thầy trò vì pháp chuyên cần xuất gia
Không vì tài vật bôn ba
Thừa tư của tạm, người ta chê mình.

(2)

Thế Tôn chứng đạt Tam minh
Nên Ngài rõ thấu chúng sinh sáu đường
Để cho Chánh pháp hoằng dương
Dùng câu chuyện đạo tỏ tường pháp âm
Rằng: Theo duyên hợp tháng năm
Hai Tỳ-kheo đến viếng thăm đạo tràng
Sau khi lễ lạy nghiêm trang
Khẽ ngồi an tịnh theo hàng hạ niên.
Ta vừa kết thúc trai duyên
Thức ăn thừa ấy Ta liền đem cho.
Tỳ-kheo thứ nhất đắn đo:
Đồ dư rồi cũng ra tro hoại hình
Nhưng nghe lời dạy tận tình
Thế Tôn thường nhắc đừng sinh tâm phàm
Tu hành chế ngự tánh tham

Thọ trì giới luật đừng ham vật này
Thừa tự Pháp bảo Như Lai
Chớ nên thừa tự vật tài giả duyên.

(3)
Tỳ-kheo kham nhẫn an nhiên
Chịu đựng đói khát khổ liền một đêm
Dù cho mệt lả khó kiềm
Tứ chi kiệt quệ, sức mềm oằn thây
Cũng không ăn món dư này
Xả thân hành đạo tháng ngày sạch trong.
Thế Tôn tùy thuận hài lòng
Khen người đệ tử nghiêm phòng giới hương.
Nhẹ mình trên bước du phương
Kế thừa Chánh pháp tỏ tường Như Lai.

(4)
Tỳ-kheo vừa đến thứ hai
Cũng được ban tặng thức này tàn dư
Cho rằng: cơm sẽ bị hư
Thân này vốn cũng đói từ hôm qua.
Tạm dùng hết mệt đường xa
Khỏe thân, hồi sức ôn hòa sắc dung,
Thế Tôn quở trách vô cùng
Ngọ thời đã trễ mà dùng cơm kia
Lòng tham chưa thể đoạn lìa
Cuối đời tự hổ canh khuya dạ sầu.

(5)

Thế Tôn tán thán tròn câu
Tỳ-kheo vì Pháp tầm cầu xuất gia
Đừng vì tài vật ngoài da
Mà ăn tàn thực người ta chê mình,
Ta khen người có trí minh
Không ăn sái quấy tận tình chuyên tu
Thế gian ngũ dục mịt mù
Thừa tư Pháp bảo công phu tháng ngày.
Nghiệp lành nối tiếp hậu mai
Ít tham, ít muốn trần ai chóng tàn
Dễ nuôi dưỡng, chẳng kêu than
Tinh cần vượt thoát thế gian vô thường.

(6)

Sau lời Chánh pháp nêu gương
Thế Tôn trở bước vào vườn thảo am
Giờ này giữa chốn già-lam
Chúng Tăng tiếp tục luận đàm nghĩa kinh
Pháp đây chẳng phải vì mình
Còn vì đến cả hữu tình đời sau.
Bằng lời nhã nhặn thanh tao
Tôn giả Xá-lợi nói vào trọng tâm:
- Tu hành tần tảo tháng năm
Chư Hiền cần phải suy tầm nghĩa kinh
Có ba trường hợp đáng khinh
Đáng nên chê trách điển hình nặng hư

Một là khi vị Đạo sư
Viễn ly đời sống chối từ nhiễm ô
Học trò lại tóm thâu vô
Không biết ly dục trước đồ giả duyên
Không lo tùy học thầy hiền
Sống đời cấu tạp đảo điên thế trần.

Hai là thầy đã dạy răng
Pháp nên từ bỏ phải cần nhẹ buông
Nhưng trò lại chẳng y khuôn
Tâm không từ bỏ để tuôn vật tài.

Ba là sung túc đêm ngày
Vô cùng lười biếng thân rày nằm không
Dẫn đầu đọa lạc mênh mông
Bỏ rơi đời sống sạch trong Phật truyền.

Có ba pháp bảo hằng khuyên
Đáng nên tán thán chư Hiền niệm suy:
Một là thầy sống viễn ly
Trò nên tùy học thọ trì nhất như;
Hai là khi vị Đạo sư
Dạy nên từ bỏ, phải từ bỏ ngay;
Ba không sống quá đủ đầy
Không nên lười biếng trương thây suốt đời
Không còn đọa lạc rụng rơi
Viễn ly, tùy pháp nhẹ vơi nghiệp trần.

Pháp này là ác tham, sân
Con đường Trung đạo chuyên cần vẻ vang
Trí sanh, tỉnh thức, khinh an
Hướng đến tịch tịnh, Niết-bàn chánh tri
Con đường Bát chánh thẳng đi
Trọn phần giác ngộ thiết thi đời này.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

3. KINH NIỆM XỨ

(Trích KINH *TRUNG BỘ*, SỐ 10)

Xưa ở xứ Gu-ru
Phật dạy các Tỳ-khưu:
- Có con đường độc nhất
Đoạn tận các sầu ưu.
Giúp thanh tịnh chúng sinh
Vượt hết các bi não
Thành tựu chánh tri kiến
Không còn lui hữu tình.
Được chứng ngộ Niết-bàn
Vượt các khổ thế gian
Đó là "Tứ niệm xứ"
Giúp chứng ngộ hoàn toàn.
Thế nào là bốn pháp?
Các Tỳ-khưu lắng tâm:
Với pháp tu thứ nhất
Sống quán thân trên thân.

Nhiệt tâm và tỉnh giác
Trên thân trong, thân ngoài
Chánh niệm để chế ngự
Mọi tham ưu ở đời.

Với pháp tu thứ hai
Sống quán thọ trên thọ
Tập trung và giác sát
Theo thọ trong, thọ ngoài.

Nhiệt tâm và tỉnh giác
Tinh tấn mãi không ngơi
Chánh niệm để chế ngự
Mọi tham ưu ở đời.

Với pháp tu thứ ba
Sống quán tâm trên tâm
Tập trung và giác sát
Theo dòng tâm trong ngoài.

Nhiệt tâm và tỉnh giác
Tinh tấn mãi không ngơi
Chánh niệm để chế ngự
Mọi tham ưu ở đời.

Với pháp tu thứ tư
Sống quán pháp trên pháp
Tập trung và giác sát
Theo pháp trong, pháp ngoài.

Nhiệt tâm và tỉnh giác
Tinh tấn mãi không ngơi
Chánh niệm để chế ngự
Mọi tham ưu ở đời.

1. Thế nào được gọi là
Sống quán thân trên thân?
Lấy thân làm đối tượng
Mà tập trung làm nhân,
Vị Tỳ-khưu đi đến
Khu rừng hay gốc cây
Bãi tha ma, nhà trống
Ngồi kiết-già, thẳng lưng.
Tâm vị ấy an trú
Với chánh niệm trước mặt
Tỉnh giác vị ấy thở
Hơi vào và hơi ra.
Thở vô dài, tuệ tri
Rằng: "Ta thở vô dài"
Thở ra dài, tuệ tri:
"Ta đang thở ra dài"
Thở vô ngắn, tuệ tri:
Rằng: "Ta thở vô ngắn"
Thở ra ngắn, tuệ tri:
"Ta đang thở ra ngắn"
Với toàn thân hơi thở
Cảm giác sẽ thở vô
Chánh niệm vị ấy tập
"Toàn thân hơi thở vô"
Với toàn thân hơi thở
Cảm giác sẽ thở ra
Chánh niệm vị ấy tập
"Toàn thân hơi thở ra"

Với toàn thân hơi thở
"An tịnh tập thở vô"
Với toàn thân hơi thở
"An tịnh tập thở ra".
Như một người thợ quay
Hay học trò người ấy
Thiện xảo quay dài, ngắn
Tâm trí liền biết ngay.
Như vậy, với pháp quán
Trên nội thân, ngoại thân,
Cả nội thân ngoại thân
Đều lấy làm đối tượng.
Quán thân tánh sanh khởi
Tánh tận diệt của thân
Tánh hoại diệt của nó
Dù thân xa hay gần.
Vị ấy tâm an trú
Chánh niệm: "Có thân đây"
Tâm hy vọng hướng đến
Chánh trí, chánh niệm này.
Vị ấy không nương tựa
Không chấp trước vật gì
Trên cõi đời nhờ pháp
Sống quán thân trên thân.
Lại nữa, các Tỳ-khưu
Khi đi, tuệ tri: "đi"
Khi đứng, tuệ tri: "đứng"
Ngồi, biết rõ: "đang ngồi"

Lúc nằm, biết: "đang nằm"
Ghi nhận rõ trong tâm
Tuệ tri thân như thế
Là chánh quán thiện tầm.
Lại nữa, khi bước tới
Hay khi chân bước lui,
Mắt ngó sau, ngó trước
Hoặc tay duỗi, tay co,
Khi đắp y, mặc áo
Tay ôm bát, mang y
Khi uống, ăn, nhai, nếm
Cả khi tiểu tiện thời,
Đến việc đi, đứng, ngồi
Thức, nói hay im lặng
Tuệ tri vị ấy biết
Thấy rõ việc đang làm.
Lại nữa, quán sát thân
Bắt đầu từ bàn chân
Trở lên đến đảnh tóc
Ba mươi hai thân phần.
Bao bọc bởi lớp da
Bên trong là máu, thịt
Tủy, xương và nội tạng
Quán sát kỹ gần xa.
Lại nữa, quán thân này
Vị trí của sắc giới
Cách sắp đặt của nó
Theo bốn món sau đây:

“Thân ta có địa đại
Thủy, hỏa đại cùng phong
Đầy đủ bốn vật lớn
Nhóm họp tấm thân trong.”
Cũng như tên đồ tể
Cắt chia thây con bò
Giữa ngã tư đường lớn
Tứ đại như tàn tro.
Lại nữa, quán tử thi
Chẳng còn lại chút chi
Bị quăng trong nghĩa địa
Chim thú xé mang đi,
Một thây người chết khác
Chỉ còn xương liền nhau
Dính lại chút máu, thịt
Các dây chằng sát sao,
Với bộ xương gần đó
Không còn miếng thịt da
Còn đường gân nối lại
Mùi tử khí thối tha,
Với bộ xương vấy máu
Chỉ còn chút dây gân
Xương rớt ra từng đốt
Nằm chỗ này, chỗ kia,
Ở đây là xương tay,
Ở kia là xương chân,
Xương sống, xương bắp vế
Xương đầu và xương mông,

Bộ xương màu trắng bạch
Vài năm thời gian trôi
Hoại tan như bột cát
Khép lại kiếp luân hồi,
Tỳ-khưu quán như sau:
"Thân này lâu hay mau
Tánh sanh diệt biến hoại
Bản chất là khổ đau,
Tính chất vô thường ấy
Thân này luôn như vậy
Tự tri nên biết rõ
Không thể nào vượt qua."
Vị ấy tâm an trú
Chánh niệm: "Có thân đây"
Tâm hy vọng hướng đến
Chánh trí, chánh niệm này.
Vị ấy không nương tựa
Không chấp trước vật gì
Trên cõi đời nhờ pháp:
Sống quán thân trên thân.

2. Thế nào được gọi là
Quán thọ trên các thọ?
Lấy thọ làm đối tượng
Mà tập trung làm nhân,
Khi cảm giác "lạc thọ"
Tuệ tri lạc thọ này,
Khi cảm giác "khổ thọ"
Tuệ tri khổ thọ ngay,

“Không lạc không khổ thọ”
Tuệ tri xả thọ này
Ba thọ luôn sinh khởi
Phải tuệ tri đêm ngày.

“Cảm thọ lạc vật chất”
Tuệ tri rõ trong tâm
“Lạc không thuộc vật chất”
Tuệ tri rõ các tầm,

“Khổ thọ thuộc vật chất”
“Không thuộc vật chất” này,
Không lạc không khổ thọ
Mọi cảm giác đều hay.

Vị ấy quán các thọ
Thuộc bên trong, bên ngoài
Tánh sanh khởi, tận diệt
Đoạn hết các thọ thôi,

Vị ấy tâm an trú
Chánh niệm: “Có thọ đây”
Tâm hy vọng hướng đến
Chánh trí, chánh niệm này.

Vị ấy không nương tựa
Không chấp trước vật gì
Trên cõi đời nhờ pháp:
Quán thọ trên các thọ.

3. Thế nào được gọi là
Quán tâm trên các tâm?
Lấy tâm làm đối tượng
Mà tập trung làm nhân,

Khi tâm tham sanh khởi
Tuệ tri: "Ta có tham"
Khi tham không có mặt
Tuệ tri: "Ta không tham"
"Sân" có mặt hay không
Tuệ tri rõ trong lòng
Tâm "si" cũng như vậy
Phải thấy rõ một dòng.
Tâm thâu nhiếp, tán loạn
Tâm quảng đại hay không
Tâm hữu thượng, vô thượng
Tâm có định nghiêm phòng,
Tâm ta có giải thoát
Hay tâm chưa giải thoát
Tuệ tri rõ tâm này
Như thật lòng thẳng ngay,
Vị ấy quán các tâm
Thuộc bên trong, bên ngoài
Tánh sanh khởi, tận diệt
Đoạn diệt mọi ý tầm
Vị ấy được an trú
Chánh niệm: "Có tâm đây"
Lòng hy vọng hướng đến
Chánh trí, chánh niệm này.
Vị ấy không nương tựa
Không chấp trước vật gì
Trên cõi đời nhờ pháp:
Quán tâm trên các tâm.

4. Thế nào được gọi là
Quán pháp trên các pháp?
Lấy pháp làm đối tượng
Mà tập trung làm nhân,
Đối với năm triền cái:
"Ái dục" cùng "tâm sân"
"Hôn trầm theo thụy miên"
"Hoài nghi" và "trạo hối"
Chánh niệm luôn theo dõi
Nội tâm có hay không
Tuệ tri chúng chưa sanh
Đã sanh nay đoạn diệt?
Năm triền đã đoạn xong
Tương lai không khởi nữa
Tuệ tri vị ấy biết
Thoát triền, tâm sạch trong.
Đối với năm thủ uẩn:
"Sắc, thọ, tưởng, hành, thức"
Tuệ tri tính Tập, Diệt
Khéo chánh niệm hành trì.
Đối với sáu nội xứ:
"Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân"
Cùng với nội xứ "ý"
Tương quan với sáu trần
Kiết sử có khởi sanh
Hay kiết sử đoạn diệt?
Hiện tại và tương lai
Còn trở sinh hay hết?

Trên sáu xứ quán sát
Pháp bên trong, bên ngoài
Hướng tâm đến chánh trí
Diệt các mầm khổ đau.
Đối với bảy giác chi:
"Trạch pháp, tấn" cùng "hỷ",
Khinh an, niệm, định, xả"
Phải chú trọng hành trì
Bảy pháp này sạch trong
Nội tâm có hay không?
Tuệ tri không và có
Như thật ở nơi lòng.
Đối với Tứ diệu đế
Quán sát bằng trí tuệ:
"Khổ, Tập, Diệt" và "Đạo"
Để tâm hồn hết mê,
Quán sát bốn pháp rằng:
Đây: "Khổ, Tập, Diệt, Đạo"
Thấy rõ từng chi phần
Gọi như thật tuệ tri.
Vị ấy quán các pháp
Thuộc pháp trong, pháp ngoài
Tánh sanh khởi, tận diệt
Đoạn diệt mọi pháp tầm,
Vị ấy được an trú
Chánh niệm: "Có pháp đây"
Lòng hy vọng hướng đến
Chánh trí, chánh niệm này.

Vị ấy không nương tựa
Không chấp trước vật gì
Trên cõi đời nhờ tu:
Quán pháp trên các pháp.
Các ông hãy chú tâm
Hành trì "Tứ niệm xứ"
Sẽ vào bậc Bất hoàn
Nếu còn hữu dư y,
Hoặc ngay trong hiện tại
Chứng được vào Chánh trí
Trong thời gian bảy năm
Tu tập bốn pháp này.
Hai quả này sẽ đắc
Có thể trong sáu năm
Năm, bốn, ba, hai, một
Đều có thể đạt thành.
Hoặc thời gian bảy tháng
Sáu tháng rồi đến một
Hoặc là trong nửa tháng
Đều chứng hai quả này.
Cuối cùng trong bảy ngày
Tu tập "Tứ niệm xứ"
Một, đắc quả Chánh trí
Hai, Bất hoàn chứng xong.
- Này các vị Tỳ-khưu!
Lắng nghe và tác ý
Có con đường độc nhất
Đoạn tận các sầu ưu.

Giúp thanh tịnh chúng sinh
Vượt hết các bi não
Thành tựu chánh tri kiến
Không còn lui hữu tình.
Được chứng ngộ Niết-bàn
Vượt các khổ thế gian
Đó là "Tứ niệm xứ"
Giúp chứng ngộ hoàn toàn.
Thế Tôn thuyết như vậy
Các Tỳ-khưu hỷ hoan
Khởi niềm tin bất động
Tín thọ pháp nghiêm trang.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

4. KINH TƯ LƯỢNG

(Trích KINH *TRUNG BỘ*, SỐ 15)

Tôn giả Mục-kiền-liên
Một thời an trú tại
Núi Sum-su-ma-ra
Rừng Bê-sa-ka-la.
Khi ấy tại Lộc Uyển
Có các vị Tỳ-kheo
Đến Tôn giả thỉnh nguyện
Nghe pháp để hành trì.
Tôn giả Mục-kiền-liên
Nêu mười sáu ác pháp
Cần phải được đoạn trừ
Và thường xuyên quán xét.
Ai có ác pháp này
Không đáng được nói đến
Không đáng được giáo huấn
Không đáng đặt lòng tin.

Thứ nhất có ác dục
Là tâm không tự chủ
Khi tiếp xúc cảnh trần
Lòng đắm say dục vọng.
Thứ hai tự khen mình
Tự thấy mình hay giỏi
Ỷ lại vào tài năng
Đi chê bai người khác.
Thứ ba tâm phẫn nộ
Lửa sân hận cháy bùng,
Tăng trưởng thêm hiềm hận
Là ác pháp thứ tư.
Thứ năm sa cố chấp
Tánh ngang bướng vọng tình
Không nghe lời khuyên nhắc
Ngoan cố mãi phát sinh.
Thứ sáu thốt những lời
Chứa đầy câu giận dữ.
Thứ bảy luôn chống đối
Với đại chúng, chư Tăng.
Kèm theo trong khẩu nghiệp
Chỉ trích là thứ tám.
Cùng ác pháp thứ chín
Là chất vấn mọi người.
Do tật xấu như vậy
Việc thật nói lảng đi
Nói những lời tránh né
Là ác pháp thứ mười.

Không giải thích những điều
Làm sai và làm trái
Cứ cho mình là đúng
Là ác pháp mười một.
Ác pháp thứ mười hai
Hư ngụy là tâm xấu,
Với tâm tư uế trược
Làm não hại mọi người.
Ác pháp thứ mười ba
Tật đố lòng ganh tị
Hơn thua trong cuộc sống
Xan tham của cúng dường.
Lừa đảo để tìm vui
Lường gạt để hưởng lợi
Phật tử hay Tăng sư
Là ác pháp mười bốn.
Ngoan mê gồm mê muội
Kèm theo sự ngoan cố
Ngã mạn thêm quá mạn
Là ác pháp mười lăm.
Chấp trước việc thế tục
Cố chấp vào tư kiến
Gọi tánh khó hành xả
Là ác pháp sau cùng.
Tôn giả Mục-kiền-liên
Dạy người tu cần phải
Tu mười sáu pháp lành
Để tiến vào đạo quả:
Không sa vào ác dục
Không khen mình chê người
Không phẫn nộ, hiềm hận
Không cố chấp, ác lời,

Không chống đối, chỉ trích
Không chất vấn, biện minh
Biết giải thích lỗi lầm
Không hư ngụy, não hại,
Không tật đố, xan tham
Không lừa đảo, lường gạt
Không ngoan mê, quá mạn
Không chấp trước, khó hành.
Tôn giả Mục-kiền-liên
Dùng hình ảnh chiếc gương
Và dùng một bát nước
Dạy người tu soi mình,
Tự thấy sự bẩn nhơ
Hay trong sạch trên mặt
Hiện lên qua chiếc gương
Hiện rõ trong bát nước,
Từ đó hãy đoạn trừ
Mười sáu bất thiện pháp
Sống bằng tâm hoan hỷ
Ngày đêm thiện pháp tu.
Tôn giả Mục-kiền-liên
Khéo thuyết giảng như vậy
Chư Tỳ-kheo hỷ hoan
Tín thọ lời Ngài dạy.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

5. ĐẠI KINH THÍ DỤ LÕI CÂY

(Trích *KINH TRUNG BỘ*, SỐ 29)

Kinh thành Vương Xá thuở xưa
Thế Tôn an ngự bao mùa tại đây
Thiền môn bá tánh dựng xây
Thiên sơn Linh Thứu gần mây, gần trời
Pháp âm Phật thuyết đầy vơi
Lời vàng vi diệu nơi nơi thường hằng.
Bấy giờ trong giáo đoàn Tăng
Đề-bà ngã mạn muôn phần hại nguy
Tự mình bỏ chúng ra đi
Tự mình rơi rụng thoát ly đạo vàng.
Thế Tôn ngự giữa pháp đàn
Ý đây nhân việc lỡ làng vừa xong
Cũng vì lợi ích số đông
Dạy rằng: (1) - Nam tử vì lòng xuất gia
Niềm tin chí thiết lìa nhà

Sống đời khất sĩ ta-bà tạm nương
Tâm luôn nghĩ tưởng vô thường:
"Ta chìm trong chốn sầu, thương, bệnh, già
Khổ ưu, áo não xót xa
Buồn thay cái chết thân ta mấy hồi
Con đường sanh tử than ôi!
Một bầu khổ uẩn ai rồi cũng mang."
Tâm lành sau nỗi thở than
Tự mình nghĩ lại vén màn vô minh:
"Khổ đau toàn bộ do mình
Khổ đau có thể vì mình dứt tiêu."
Vị này thấu hiểu mọi điều
Tu hành tinh tấn sáng chiều dụng công
Đàn-na hoan hỷ mở lòng
Cúng dường hộ pháp tâm không đổi dời.
Tỳ-kheo cuộc sống nhẹ vơi
Lợi dưỡng, cung kính mọi nơi về mình
Khi nhiều vật chất phồn vinh
Vị này ỷ lại phát sinh tâm phàm
Do không chế ngự tánh tham
Tự thân ngã mạn việc làm nhố nhăng
Khen mình chê kẻ khó khăn:
"Ta được như vậy vì hằng lo tu
Kẻ kia chẳng biết công phu
Ít ai biết đến, ít thu cúng dường."
Khi lòng kiêu mạn phô trương
Vị kia mê đắm con đường lợi danh

Bao nhiêu phóng dật phát sanh
Ngày càng to lớn trở thành khổ đau
Lòng tham như lửa thêm dầu
Suốt đời chìm giữa một bầu mê say.
Như người đi lấy lõi cây
Băng rừng vượt suối đêm ngày chẳng lo
Ngày kia đứng trước cây to
Sum suê cành lá, đắn đo trong lòng
Sau cùng làm việc vô công
Bỏ qua lõi, giác, vỏ trong, vỏ ngoài
Chặt cành, chặt lá mang vai
Lòng luôn hớn hở đang nài lõi cây.
Một người có mắt cho hay:
"Người kia chẳng biết lõi cây là gì?
Bao nhiêu cành lá mang đi
Bỏ qua lõi, giác biết chi gỗ rừng
Ôm cành mà lại vui mừng
Bao giờ tìm được mấy từng lõi kia?"
Thiện nam gia thế xa lìa
Lòng tin chân chính phân chia đúng đường
Thành người Khất sĩ du phương
Xuất gia rời bỏ đêm trường khổ đau
Nếu vì danh lợi tự cao
Mê say, phóng dật, sa vào hố mê
Chỉ là cành lá sum suê
Con đường Phạm hạnh đề huề còn xa
Tỳ-kheo nắm giữ khó ra
Dừng chân giữa chốn phong ba thế trần.

(2)

Lại thêm có kẻ thiện nhân
Lòng tin chí thiết ân cần xuất gia
Làm Tăng ôm bát lìa nhà
Sống đời Khất sĩ ta-bà tạm nương
Tâm luôn nghĩ tưởng vô thường:
"Ta chìm trong chốn sầu, thương, bệnh, già
Khổ ưu, áo não xót xa
Buồn thay cái chết thân ta mấy hồi
Con đường sanh tử than ôi!
Một bầu khổ uẩn ai rồi cũng mang."
Tâm lành sau nỗi thở than
Tự mình nghĩ lại vén màn vô minh:
"Khổ đau toàn bộ do mình
Khổ đau có thể vì mình dứt tiêu."
Vị này thấu hiểu mọi điều
Tu hành tinh tấn sáng chiều dụng công
Đàn-na thí xả bền lòng
Cúng dường hộ pháp tâm không đổi dời.
Tỳ-kheo cuộc sống nhẹ vơi
Lợi dưỡng, cung kính mọi nơi về mình
Khi nhiều lợi dưỡng rộng thinh
Vị này không để phát sinh tâm phàm
Tu hành xả bỏ xan tham
Bỏ tâm thế tục, nghiệp phàm đắm mê
Không vì danh lợi gớm ghê
Mà khen tự ngã, mà chê mọi người.

Do không phóng dật, thảnh thơi
Vị này thành tựu một đời sạch trong
Giới đức đạt được mênh mông
Thỏa thuê hoan hỷ chẳng phòng chẳng ngăn
Vị ấy tự mãn chợt tăng
Thấy mình giữ giới có phần tịnh thanh
Nghĩ mình thiện pháp phát sanh
Chê người phá giới đều thành bợn nhơ:
"Kẻ kia ác pháp đầy vơi
Còn ta giới đức tốt tươi vô cùng."
Tỳ-kheo chấp giới một khung
Dù thành tựu được khó dùng tinh anh
Mê say, tham đắm phát sanh
Lại thêm phóng dật mà thành khổ đau.
Như người đứng trước cây cao
Thân to, dáng thẳng xiết bao cội cành
Người này chặt bỏ tán xanh
Lột da lấy vỏ bó thành nhiều dây
Đây là lớp vỏ ngoài cây
Còn kia lõi, giác, bỏ đây chẳng cần
Một người có mắt định phân:
"Kẻ kia chẳng biết những phần ngoài trong
Phần cành, phần lá đều không
Phần lõi, phần giác chẳng lòng kiến tri
Vỏ ngoài bó lại ôm đi
Không hề lấy được lõi gì của cây."
Tu thành giới đức hôm nay

Mà còn phóng dật, mê say đắm chìm
Khen mình thanh tịnh chưa yên
Còn chê kẻ khác khổ liền cuốn trôi
Đường tu như vỏ ngoài thôi
Dừng chân Phạm hạnh hết rồi còn đâu.

(3)

Lại thêm trước cảnh bể dâu
Có người xuống tóc tầm cầu xuất gia
Làm Tăng ôm bát lìa nhà
Sống đời Khất sĩ ta-bà tạm nương
Tâm luôn nghĩ tưởng vô thường:
"Ta chìm trong chốn sầu, thương, bệnh, già
Khổ ưu, áo não xót xa
Buồn thay cái chết thân ta mấy hồi
Con đường sanh tử than ôi!
Một bầu khổ uẩn ai rồi cũng mang."
Tâm lành sau nỗi thở than
Tự mình nghĩ lại vén màn vô minh:
"Khổ đau toàn bộ do mình
Khổ đau có thể vì mình dứt tiêu."
Vị này thấu hiểu mọi điều
Tu hành tinh tấn sáng chiều dụng công
Đàn-na thí xả bền lòng
Cúng dường hộ pháp tâm không đổi dời.
Tỳ-kheo cuộc sống nhẹ vơi
Lợi dưỡng, cung kính mọi nơi về mình

Khi nhiều lợi dưỡng bất minh
Vị này không để phát sinh tâm phàm
Tu hành xả bỏ xan tham
Bỏ tâm thế tục, nghiệp phàm đắm mê
Không vì danh lợi gớm ghê
Mà khen tự ngã, mà chê mọi người.
Do không phóng dật, thảnh thơi
Vị này thành tựu một đời sạch trong
Giới đức đạt được mênh mông
Thành tựu Phạm hạnh nên không tâm phàm
Bỏ qua mê đắm, xan tham
Không khen tự ngã, không làm hại ai
Không chê người ấy đúng sai
Nên không phóng dật, đêm ngày định tâm
Vị ấy tu tập tháng năm
Thành tựu thiền định ươm mầm Thánh nhân
Có thiền nhưng chẳng tiến thân
Sinh ra tự mãn nhiều phần hỷ hoan:
"Tâm ta nhiếp định hoàn toàn
Kẻ kia không định lang thang, mịt mùng
U mê tán loạn tứ tung
Do không có định nên bùng phát ra."
Vị ấy tham đắm cao xa
Mê say, phóng dật, thật là khổ đau.
Như người đứng trước cây cao
Bỏ qua cành lá, lột vào vỏ trong
Vỏ ngoài, lõi, giác đều không

Vỏ trong lột hết vui lòng về ngay.
Một người có mắt cho hay:
"Kẻ kia tìm được cây này lớn to
Nhưng không biết cách ướm đo
Đâu lõi, đâu giác, xét dò tinh thông
Hiểu về cây gỗ đều không
Bỏ qua lõi quý, vỏ trong đem về."
Tỳ-kheo vì tánh chấp mê
Thành tựu thiền định chẳng hề tiến tu
Say mê, đắm nhiễm công phu
Sanh ra phóng dật, mặc dù dụng công
Khổ đau phát khởi mênh mông
Con đường Phạm hạnh buộc lòng dừng đây.

(4)
Lại thêm có kẻ thẳng ngay
Phát lòng chánh tín thân này xuất gia
Làm Tăng ôm bát lìa nhà
Sống đời Khất sĩ ta-bà tạm nương
Tâm luôn nghĩ tưởng vô thường:
"Ta chìm trong chốn sầu, thương, bệnh, già
Khổ ưu, áo não xót xa
Buồn thay cái chết thân ta mấy hồi
Con đường sanh tử than ôi!
Một bầu khổ uẩn ai rồi cũng mang."
Tâm lành sau nỗi thở than
Tự mình nghĩ lại vén màn vô minh:

“Khổ đau toàn bộ do mình
Khổ đau có thể vì mình dứt tiêu.”
Vị này thấu hiểu mọi điều
Tu hành tinh tấn sáng chiều dụng công
Đàn-na thí xả bền lòng
Cúng dường hộ pháp tâm không đổi dời.
Tỳ-kheo cuộc sống nhẹ vơi
Lợi dưỡng, cung kính mọi nơi về mình
Khi nhiều lợi dưỡng bất minh
Vị này không để phát sinh tâm phàm
Tu hành xả bỏ xan tham
Bỏ tâm thế tục, nghiệp phàm đắm mê
Không vì danh lợi gớm ghê
Mà khen tự ngã, mà chê mọi người.
Do không phóng dật, thảnh thơi
Vị này thành tựu một đời sạch trong
Giới đức đạt được mênh mông
Thành tựu Phạm hạnh nên không tâm phàm
Bỏ qua mê đắm, xan tham
Không khen tự ngã, không làm hại ai
Không chê người ấy đúng sai
Nên không phóng dật, đêm ngày định tâm
Vị ấy tu tập tháng năm
Thành tựu thiền định, ươm mầm Thánh nhân
Tâm thiền tu tập tiến thân
Từ, bi, hỷ, xả dứt lần khen chê
Bỏ buông lung, bỏ đắm mê
Và không phóng dật, trọn bề thảnh thơi

Thành tựu chánh kiến tuyệt vời
Mở con mắt tuệ nhất thời kiến tri
Nhưng không thấu lẽ huyền vi
Tâm sanh ngã mạn, mê si, đắm chìm
Sa vào phóng dật, trói niêm
Khen mình, chê bạn tạo niềm tự cao
Rằng: "Ta tri kiến xiết bao
Những điều thấy biết gom vào tâm đây
Ngoài kia kẻ sống trương thây
Không tri, không kiến nên đầy tối tăm."
Quan niệm như vậy tháng năm
Nuôi lòng phóng dật, ươm mầm khổ đau.
Tỳ-kheo bể khổ dạt dào
Như một kẻ nọ đi vào rừng hoang
Đứng trước cây lớn đầy tàng
Bỏ lá, bỏ vỏ, tách làn giác cây
Mang về vui sướng ngất ngây
Một người có mắt cho hay sai lầm:
"Cây lớn cứng cỏi nhiều năm
Lại bỏ cành lá, lấy nhầm giác thôi
Lõi cây bỏ lại bên đồi
Tàn hơi phí sức việc rồi luống công."
Tri kiến cao vợi mênh mông
Kho tàng pháp học hư không sánh vời
Tham mê, phóng dật, đánh rơi
Giác cây Phạm hạnh suốt đời dựa nương
Dừng chân ở giữa con đường
Lối về giải thoát dặm trường còn xa.

(5)

Lại thêm có kẻ xuất gia
Sống đời Khất sĩ ta-bà du phương
Tâm luôn nghĩ tưởng vô thường:
"Ta chìm trong chốn sầu, thương, bệnh, già
Khổ ưu, áo não xót xa
Buồn thay cái chết thân ta mấy hồi
Con đường sanh tử than ôi!
Một bầu khổ uẩn ai rồi cũng mang."
Tâm lành sau nỗi thở than
Tự mình nghĩ lại vén màn vô minh:
"Khổ đau toàn bộ do mình
Khổ đau có thể vì mình dứt tiêu."
Vị này thấu hiểu mọi điều
Tu hành tinh tấn sáng chiều dụng công
Đàn-na thí xả bền lòng
Cúng dường hộ pháp tâm không đổi dời.
Tỳ-kheo cuộc sống nhẹ vơi
Lợi dưỡng, cung kính mọi nơi về mình
Khi nhiều lợi dưỡng bất minh
Vị này không để phát sinh tâm phàm
Tu hành xả bỏ xan tham
Bỏ tâm thế tục, nghiệp phàm đắm mê
Không vì danh lợi gớm ghê
Mà khen tự ngã, mà chê mọi người.
Do không phóng dật, thảnh thơi
Vị này thành tựu một đời sạch trong

Giới đức đạt được mênh mông
Thành tựu Phạm hạnh nên không tâm phàm
Bỏ qua mê đắm, xan tham
Không khen tự ngã, không làm hại ai
Không chê người ấy đúng sai
Nên không phóng dật, đêm ngày định tâm
Vị ấy tu tập tháng năm
Thành tựu thiền định, ươm mầm Thánh nhân
Tâm thiền tu tập tiến thân
Từ, bi, hỷ, xả dứt lần khen chê
Bỏ buông lung, bỏ đắm mê
Từ không phóng dật, trọn bề thảnh thơi
Thành tựu chánh kiến tuyệt vời
Mở con mắt tuệ nhất thời kiến tri
Tâm thông mọi lẽ huyền vi
Tham lam, sân hận, mê si đoạn lìa
Không vì thành tựu trí kia
Mà sanh kiêu mạn phân chia ta người
Tịnh tu không chút biếng lười
Nên sanh quả báu tốt tươi vô vàn.
Do không phóng dật, lạc an
Chứng "Thời giải thoát" thế gian sáng lòa
Sự tình có thể xảy ra:
Tỳ-kheo có thể bỏ qua tâm này.
Bỏ thời giải thoát hôm nay
Như người tìm kiếm lõi cây trong rừng
Đứng trước cổ thụ rộng bưng

Cưa cây lấy lõi vui mừng xiết bao
Được khen: "Người đạt trí cao
Bỏ cành, vỏ, giác lấy vào lõi trong."

(6)
Người tu vào cõi thong dong
Bỏ đời thế tục vào dòng xuất gia
Đem thân bốn biển làm nhà
Sống đời Khất sĩ ta-bà du phương
Tâm luôn nghĩ tưởng vô thường:
"Ta chìm trong chốn sầu, thương, bệnh, già
Khổ ưu, áo não xót xa
Buồn thay cái chết thân ta mấy hồi
Con đường sanh tử than ôi!
Một bầu khổ uẩn ai rồi cũng mang."
Tâm lành sau nỗi thở than
Tự mình nghĩ lại vén màn vô minh:
"Khổ đau toàn bộ do mình
Khổ đau có thể vì mình dứt tiêu."
Vị này thấu hiểu mọi điều
Tu hành tinh tấn sáng chiều dụng công
Đàn-na thí xả bền lòng
Cúng dường hộ pháp tâm không đổi dời.
Tỳ-kheo cuộc sống nhẹ vơi
Lợi dưỡng, cung kính mọi nơi về mình
Khi nhiều lợi dưỡng bất minh
Vị này không để phát sinh tâm phàm

Tu hành xả bỏ xan tham
Bỏ tâm thế tục, bỏ làm đắm mê
Không vì danh lợi gớm ghê
Mà khen tự ngã, mà chê mọi người.
Do không phóng dật, thảnh thơi
Vị này thành tựu một đời sạch trong
Giới đức đạt được sạch ròng
Thành tựu Phạm hạnh nên không tâm phàm
Bỏ qua mê đắm, xan tham
Không khen tự ngã, không làm hại ai
Không chê người ấy đúng sai
Nên không phóng dật, đêm ngày định tâm
Vị ấy tu tập tháng năm
Thành tựu thiền định ươm mầm Thánh nhân
Tâm thiền tu tập tiến thân
Từ, bi, hỷ, xả, dứt lần khen chê
Bỏ buông lung, bỏ đắm mê
Và không phóng dật, trọn bề thảnh thơi
Thành tựu chánh kiến tuyệt vời
Mở con mắt tuệ nhất thời kiến tri
Tâm thông mọi lẽ huyền vi
Tham lam, sân hận, mê si đoạn lìa
Không vì thành tựu trí kia
Mà sanh kiêu mạn phân chia ta người
Tịnh tu không chút biếng lười
Thành tựu "Giải thoát phi thời" rộng xa
Sự tình không thể xảy ra:

“Phi thời giải thoát” bỏ qua tâm này.
Vậy nên đại chúng hôm nay
Con đường Phạm hạnh thẳng ngay một đường
Không vì lợi ích đơn phương
Chú tâm trước những việc thường cuốn trôi
Bao nhiêu vật chất đắp bồi
Bao nhiêu giới đức cũng rồi luống qua
Thành tựu quả chứng thiền-na
Thành tựu tri kiến cũng là chưa xong
Mục đích Phạm hạnh cuối cùng
Giải thoát bất động muôn trùng cao thâm
Như người tầm kiếm bao năm
Lõi cây Phạm hạnh đã nằm trong tay.
Thế Tôn Chánh pháp hiển bày
Tỳ-kheo lãnh thọ đêm ngày kính vâng
Độc cư tu tập chuyên cần
Lõi cây Phạm hạnh muôn phần hỷ hoan.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

6. TIỂU KINH NGƯỜI CHĂN BÒ

(Trích *KINH TRUNG BỘ*, SỐ 34)

Một thuở nọ trên đường thiên lý
Gót chân sen tùy hỷ độ đời
Thế Tôn đi khắp muôn nơi
Chuyển luân Chánh pháp trời người lạc bang.
Ngài đứng ngắm muôn ngàn ngọn sóng
Dòng sông Hằng nước rộng xiết bao
Nhấp nhô xanh thẳm một màu
Muôn trùng ý pháp dạt dào đường mây.
Chúng Sa-môn đủ đầy tuổi hạ
Nương Tăng đoàn một dạ thiết thi,
Thôn trang dân xứ Bạt-kỳ
Mỗi ngày tứ sự trai nghi cúng dường.
Đức Thế Tôn du phương cùng khắp
Gọi Tăng đoàn vân tập bên sông
Cất lời: - Này hỡi các ông

Tỳ-kheo lớn nhỏ thảy đồng nghe Ta.
Thuở xưa ấy, hằng sa kiếp trước
Ma-kiệt-đà cõi nước bình yên
Mục đồng kém trí đảo điên
Chăn bò chẳng biết thời duyên mùa màng.
Cuối tháng mưa, hiện đang mùa gặt
Chẳng khéo nhìn hai mặt bờ sông
Lùa bò lao xuống giữa dòng
Tại nơi nguy hiểm chỗ không lội vào.
Những con bò xô nhau tụ lại
Giữa muôn trùng sóng dữ nước sâu
Cố kiềm chẳng được bao lâu
Gặp nhiều tai nạn mặc dầu gắng bơi.
Nỗi khổ ấy do nơi người chủ
Kẻ chăn bò chẳng đủ trí minh
Nguồn cơn đều tại tâm mình
Qua sông chẳng biết thủy trình hiểm nguy.
Người tu hành khác chi kẻ ấy
Chăn thức tâm cũng vậy mà thôi
Nếu không tri kiến trau dồi
Xuống lên sáu nẻo luân hồi mênh mông.
Những Sa-môn trí không khéo biết
Về đời này, nối tiếp đời sau
Ma giới chẳng biết thế nào
Cùng phi ma giới thấp cao, xa gần
Lại không biết tử thần hạn giới
Phi tử thần vời vợi ngoài tâm

Những ai kém phước tin lầm
Nghe theo học pháp đã nhầm đạo sư.
Vì chẳng rõ thực hư tri kiến
Như đàn bò nguy biến ngoài sông
Chẳng tìm được pháp chánh tông
Tự thân lặn ngụp vào trong khổ sầu.
Lại kiếp số dài lâu quá khứ
Kẻ mục đồng nam tử thông minh
Tỏ tường dòng nước thủy trình
Chăn bò chẳng để hy sinh con nào.
Cuối tháng mưa, đang vào mùa gặt
Khéo ngắm nhìn hai mặt bờ sông
Thấy nơi dễ lội ngang dòng
Qua bờ an ổn sẽ không hại gì.
Con đầu đàn đuổi đi trước nhất
Lội an toàn ẩn khuất dòng sâu
Bờ kia bò ấy qua đầu
Mục đồng rũ sạch lo âu lạc bầy.
Rồi theo dấu đường này thẳng mực
Nối tiếp là con đực lớn cao
Bò này khỏe mạnh bước mau
Đã qua huấn luyện thuộc làu lối đi.
Bò con lớn chuyển di tiếp nối
Những con này chịu nổi gió sương
Hai loại đực cái chung đường
Xuống dòng nước xiết theo gương đầu đàn.
Những con nhỏ hiện đang còn bú

Theo sát gần gom đủ phía sau
Giữa cơn sóng nước ba đào
Vượt sông nhờ sự nương nhau của bầy.
Những bò non đúng ngày sinh nở
Bước khó khăn nên ở cuối cùng
Bò non lo sợ mông lung
Theo bên bò mẹ vẫy vùng tứ chi
Dẫu dòng nước có khi chảy xiết
Bò mới sinh tự biết lo toan
Vững tâm theo khúc khải hoàn
Nương bên bò mẹ an toàn qua sông.
Người tu hành cũng không khác mấy
Chăn thức tâm như vậy mà thôi
Ngày đêm tri kiến trau dồi
Thoát ra sáu nẻo luân hồi tương lai.
Những Sa-môn trí tài khéo biết
Về đời này, nối tiếp đời sau
Ma giới biết rõ thế nào
Cùng phi ma giới thấp cao, xa gần;
Lại rõ biết tử thần hạn giới
Phi tử thần vời vợi trong tâm
Những ai hữu phước ươm mầm
Theo nghe học pháp tháng năm hầu kề
Vị ấy đạt đề huề tri kiến
Như đàn bò vượt biển ngoài sông
Đã tìm được pháp chánh tông
Tự thân an hưởng vào trong yên lành.

(1)

Các Tỳ-kheo chứng thành đạo quả
Khéo đoạn trừ tất cả nhiễm ô
Tu hành mãn nguyện hải hồ
Tam y dùng tạm vải thô che mình
Đặt gánh nặng vô minh khỏi trí
Việc cần làm trọn ý ước mong
Mục đích đã đạt Nhập dòng
Mười hữu kiết sử diệt xong hoàn toàn
Các lậu hoặc chẳng còn sinh khởi
Cắt ngang dòng tầm với Ma vương
An toàn trên bến Phật đường
A-la-hán quả mười phương hưởng nhờ.
Như bò nọ đến bờ an ổn
Con đầu đàn nguy khốn vượt qua.
An lành trong mảnh cà-sa
Bậc A-la-hán ta-bà vân du.

(2)

Những Tỳ-kheo thiện tu, lánh dữ
Năm hạ phần kiết sử diệt tiêu
Giữ gìn tròn đủ giới điều
Tu hành dứt tuyệt bao nhiêu não phiền
Vị ấy sớm xa miền tục lụy
Cõi Niết-bàn cao quý hóa sanh
Tâm luôn giữ mực tịnh thanh
Tương lai rồi sẽ chóng thành Thánh nhơn

Như bò đực mạnh hơn bò khác
Cắt ngang dòng tham ác Ma vương
Kiến tri tâm thức tỏ tường
A-na-hàm quả dứt đường tử sanh.

(3)
Những Tỳ-kheo tâm lành khẳng khái
Nguội lược dần dục ái và sân
Đoạn diệt kiết sử ba phần
Tái sinh trở lại một lần nữa thôi
Sẽ diệt tận gốc chồi phiền não
Rồi đắc thành quả đạo Sa-môn
Vững an tận đáy tâm hồn
Tà dương rực ánh hoàng hôn bên đời.
Như bò con thảnh thơi sang bến
Bờ sông Hằng đã đến nơi yên
Tu hành giữ phận nhơn hiền
Tư-đà-hàm quả trọn duyên đạo vàng.

(4)
Những Tỳ-kheo trong hàng Sơ quả
Công tu hành tấc dạ chánh tri
Thế gian không thể sánh vì
Quả mầu cao thượng thiết thi hồng trần
Mười kiết sử: ba phần đầu diệt
Thân kiến, nghi phải thiệt đoạn trừ
Giới cấm thủ kiến tàn dư

Ba phần đoạn hết, tâm từ rải ban.
Như bò con nương đàn đi trước
Lội cắt ngang dòng nước Ma vương
Chánh tri kiến ấy tỏ tường
Tu-đà-hoàn quả con đường Sa-môn.

(5)

Các Tỳ-kheo tâm hồn an tịnh
Tùy pháp hành, tùy tín hành xong
Ma vương đã cắt ngang dòng
Không còn lo sợ vào trong khổ sầu,
Như bò con ngày đầu xuất dạ
Bên mẹ hiền êm ả dựa nương
Lòng tin sức mạnh phi thường
Dẫn người vào đạo thoát đường tử sanh.

(6)

Đức Như Lai đắc thành Toàn Giác
Biết đời này và các đời sau
Ma giới biết rõ thế nào
Cùng phi ma giới thấp cao, xa gần
Lại rõ biết tử thần hạn giới
Phi tử thần vời vợi trong tâm
Những ai hữu phước ươm mầm
Theo nghe học pháp tháng năm hầu kề
Vị ấy nghĩ phải về thân cận
Bên Như Lai an phận tu trì

Lòng tin chứng đạt chánh tri
Nhờ nghe Chánh pháp khắc ghi bên mình,
Kẻ ấy sớm phát sinh an lạc
Được lâu dài hưởng các niềm vui
Bao nhiêu phiền não đẩy lùi
Trọn niềm hạnh phúc thẳng xuôi Niết-bàn.
Lời Chánh pháp chứa ngàn đạo lý

Đức Thế Tôn tùy hỷ kệ rằng:
Kiếp này, kiếp vị lai
Trí giả khéo trình bày
Ma giới, tử thần giới
Đắc, không đắc đều hay.

Bậc Chánh Giác, thắng tri
Biết cõi giới hữu vi
Rộng mở cửa bất tử
Đạt Niết-bàn vô vi.

Dòng Ma vương cắt ngang
Hoại diệt và nát tan
Sống sung mãn tùy hỷ
An vui hưởng Niết-bàn.

Sau pháp thoại lời vàng Phật thuyết
Chúng Tỳ-kheo tha thiết thọ trì
Đồng tâm kính nhớ, khắc ghi
Tu hành dưới bóng từ bi Phật-đà. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

7. KINH KHẤT THỰC THANH TỊNH

(Trích KINH *TRUNG BỘ*, SỐ 151)

Một thời đức Thế Tôn
An ngự tại Trúc Lâm
Chỗ nuôi dưỡng bầy sóc
Cư sĩ đều tín tâm.
Tôn giả Xá-lợi-phất
Vào một buổi chiều kia
Từ thiền định đứng dậy
Nhẹ nhàng đến Thế Tôn.
Tôn giả đảnh lễ Phật
Cung kính ngồi một bên,
Phật vừa lòng hoan hỷ
Cất lên câu hỏi rằng:
- Hỡi này Xá-lợi-phất!
Các căn ông sáng trong
Màu da mịn tươi tốt
Tâm thái thật an lòng,

Ông tu tập pháp gì
Phần lớn an trú nào?
Pháp môn gì thù thắng
An trú ấy ra sao?
Ngài Xá-lợi vâng đáp:
- Kính bạch đức Thế Tôn
Sự an trú trong con
Phần lớn với Không trú.

1. - Lành thay! Tốt lành thay!
Sự an trú lạc này
Ta xem phần lớn đó
Thuộc pháp bậc Đại nhân.
Đại nhân tức Không tánh
Hãy khởi lòng ước mong:
"*Tâm tôi hằng an trú*
***Phần lớn với tánh Không*."**

2. Lại tư duy như sau:
- Trên con đường khất thực
Từ trú xứ ta đi
Từ nơi khất thực về,
Chỗ ấy đối với sắc
Do tiếp xúc nhãn căn
Do con mắt nhận thức
Có khởi lên pháp trần?
Ở ta có dục tham
Tâm sân, si, tà kiến
Hay với pháp hận tâm
Ta có khởi ngấm ngầm?

Sau khi khéo giác sát
Thấy nhóm này khởi sinh
Đây là bất thiện pháp
Phải đoạn diệt tận tình.
Nhưng nếu tư duy rõ
Thấy nhóm này tiêu tan,
Đêm ngày hãy an trú
Với hỷ và hân hoan.

3. Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Trên con đường ta đi
Khất thực đến và về
Tại trú xứ cần quán:
Các tiếng do tai biết
Các hương do mũi ghi
Các vị do lưỡi nếm
Các xúc do thân trì,
Pháp do ý nhận thức
Có khởi lên dục, si
Tham, sân cùng với hận
Có - không đều tuệ tri.
Sau khi khéo giác sát
Thấy nhóm này khởi sinh
Đây là bất thiện pháp
Phải đoạn diệt khỏi mình.
Nhưng nếu tư duy rõ
Thấy nhóm này tiêu tan,
Đêm ngày hãy an trú
Với hỷ và hân hoan.

4. Lại nữa Xá-lợi-phất!
Với năm dục trưởng dưỡng
Tỳ-kheo cần quán tưởng
Đã tận trừ hay chưa?
Nếu tư duy kỹ càng
Thấy năm dục rõ ràng
Hãy tinh tấn đoạn diệt
Năm ác pháp hoàn toàn.
Nhưng nếu tư duy rõ
Thấy nhóm này tiêu tan,
Đêm ngày hãy an trú
Với hỷ và hân hoan.
5. Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Đối với năm triền cái
Tỳ-kheo cần quán tưởng
Đã tận trừ hay chưa?
Nếu tư duy kỹ càng
Thấy năm triền rõ ràng
Hãy tinh tấn đoạn diệt
Năm ác pháp hoàn toàn.
Nhưng nếu tư duy rõ
Thấy nhóm này tiêu tan,
Đêm ngày hãy an trú
Với hỷ và hân hoan.
6. Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Tỳ-kheo cần tư duy
Đối với năm thủ uẩn
Ta có thật liễu tri?

Nếu tư duy kỹ càng
Năm uẩn chưa rõ ràng
Hãy tinh tấn tu học
Liễu tri chúng hoàn toàn.
Nhưng nếu tư duy rõ
Năm uẩn đã liễu tri
Đêm ngày hãy an trú
Hỷ, hân hoan ai bì.

7. Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Tỳ-kheo cần chú tâm
Đối với bốn niệm xứ
Chắc thật không mê lầm,
Nếu sau khi tư duy
Thấy chưa tu pháp chi
Khởi tâm cần tinh tấn
Bốn niệm xứ hành trì,
Nhưng nếu tư duy rõ
Bốn pháp này đã tu
Đêm ngày an trú vững
Hỷ, hân hoan diệu thù.

8. Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Tỳ-kheo cần suy tư
Với thiện pháp rộng lớn
Phiền não chẳng còn dư.
Đối với bốn chánh cần
Bốn như ý thần túc
Năm lực và năm căn
Thất giác chi bảy phần,

Bát chánh đạo tám ngành
Đường giải thoát chúng sanh
Hướng Niết-bàn độc lộ
Tỳ-kheo phải hiểu rành.

Nếu sau khi tư duy
Thấy chưa tu pháp chi
Khởi tâm cần tinh tấn
Các thiện pháp hành trì,

Nhưng nếu tư duy rõ
Các pháp này đã tu
Đêm ngày an trú vững
Hỷ, hân hoan diệu thù.

9. Lại nữa, Xá-lợi-phất!
Tỳ-kheo phải tư duy
Pháp tu Chỉ và Quán
Tinh tấn một đường đi.

Sau khi đã nghĩ suy
Thấy chưa tu pháp chi
Khởi tâm cần tinh tấn
Chỉ và Quán hành trì,

Nhưng nếu như thấy rõ
Các pháp này đã tu
Đêm ngày an trú vững
Hỷ, hân hoan diệu thù.

10. Lại nữa, Xá-lợi-phất!

Tỳ-kheo thường xét soi
Với Minh và Giải thoát
Được chấm dứt luân hồi.
Nếu sau khi tư duy
Thấy chưa tu pháp chi
Khởi tâm cần tinh tấn
Minh, Giải thoát hành trì,
Nhưng nếu như thấy rõ
Hai pháp này đã tu
Đêm ngày an trú vững
Hỷ, hân hoan diệu thù.

11. Hỡi này, Xá-lợi-phất!

Tất cả các Sa-môn,
Cùng các Bà-la-môn
Suốt trong thời quá khứ,
Trải dài tận tương lai
Và chính trong hiện tại
Cần chánh niệm tư duy
Với các pháp như vậy,
Suy tư các pháp đó
Phiền não không phát sanh
Trên đường Tỳ-kheo đi
Khất thực được tịnh thanh,

Thiện pháp được trưởng dưỡng
Quá khứ cùng vị lai
Trong hiện tại lạc trú
Đạo quả chóng viên thành.
Này hỡi Xá-lợi-phất!
Phải như thật tuệ tri
Như vậy pháp khất thực
Ông nên khéo hành trì.
Thế Tôn thuyết như vậy
Xá-lợi-phất kính vâng
Hoan hỷ phụng hành pháp
Ngày đêm luôn chuyên cần.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

8. KINH BỘC LƯU

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN*)

Một thời Phật tại Thắng Lâm
Chư Tăng tu học tháng năm bên Thầy
Thế Tôn phước trí cao dày
Làm gương mô phạm đời này dựa nương.

Bấy giờ đêm tối mù sương
Canh khuya gần cuối gà thường gáy vang
Vị thiên hiện xuống nhân gian
Dung nghi tỏa chiếu ánh vàng Thắng Lâm.
Thế Tôn vừa trở tướng nằm
Nhẹ nhàng an tọa như thầm chờ đây
Vị thiên nhẹ cất gót hài
Lạy liền ba lạy Như Lai chứng lòng.
Đứng lên nhẹ thốt mấy dòng
Dâng câu pháp vấn để mong hưởng nhờ

Không gian im lặng như tờ
Địa cầu thức tỉnh trong giờ nghe kinh:

- Thưa Ngài Tôn giả trí minh
Là đèn rọi sáng chúng sinh mịt mù
Làm sao thoát khỏi bộc lưu
Niết-bàn an ngự thiên thu sáng lòa?

Như Lai lời nói như hoa
Sắc màu, hương vị đậm đà hạnh ngôn:
- Ta không đứng lại bồn chồn
Cũng không bước tới tâm hồn như nhiên
Bộc lưu Ta vượt bình yên
Niết-bàn an ngự trăng hiền soi tâm.

Vị thiên lại hỏi pháp âm:
- Nghe lời hồi đáp con thầm khởi nghi
Đứng lại là gọi pháp chi
Sao không bước tới thoát trì bộc lưu?

Thế Tôn lời dạy nhẹ ru:
- Nếu Ta bước tới mịt mù dạt trôi,
Nếu Ta đứng lại bồi hồi
Sẽ bị chìm xuống loi ngoi bềnh bồng
Do vậy hai pháp đều không
Ta nay vượt khỏi một dòng bộc lưu.

Vị thiên tâm sáng trăng thu
Khởi lên chánh kiến diệu thù trong tâm
Hướng về Điều Ngự xướng âm
Cất lên lời kệ ca ngâm thế này:

Từ xưa đến hôm nay
Luân hồi mãi dựng xây
Dài lâu vô số kiếp
Mới được thấy đời này,

Vị Chánh giác tịch tĩnh
Vượt sầu ưu ở đời
Không: đứng lại, bước tới
Chấp trước đã rụng rơi.

Thế Tôn chánh pháp cao vời
Vị Thiên đảnh lễ trước người Trí Minh
Tự tri Phật chấp nhận mình
Đi quanh hữu nhiễu đăng trình về thiên.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

9. KINH VÔ NGÃ TƯỚNG

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG UẨN*)

Một thuở xa xưa nọ
Tại thành Ba-la-nại
Chỗ chư thiên đọa xứ
Tên gọi là Vườn Nai.
Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác
Thuyết một thời pháp âm
Đoàn Tỳ-kheo năm vị
Lắng nghe và chú tâm.
Thế Tôn nói như sau:
- Sắc, này các Tỳ-kheo!
Sắc này là vô ngã
Không thể mãi mang theo.
Nếu cho sắc là ngã
Thời sắc không thể nào,
Mở ra đường đi đến
Bệnh hoạn đầy khổ đau.

Và có thể đạt được
Các sắc với ước mong:
"Sắc tôi như thế này
Sắc tôi chẳng thế khác."
Và này các Tỳ-kheo!
Vì sắc là vô ngã
Do vậy chính sắc này
Bệnh hoạn cứ đến gieo.
Và không thể có được
Các sắc với ước mong:
"Sắc tôi như thế này
Sắc tôi chẳng thế khác."
Thế Tôn lại thuyết giảng:
- Thọ, này các Tỳ-kheo!
Thọ này là vô ngã
Không thể mãi mang theo.
Nếu cho thọ là ngã
Thời thọ không thể nào,
Mở ra đường đi đến
Bệnh hoạn đầy khổ đau.
Và có thể đạt được
Các thọ với ước mong:
"Thọ tôi như thế này
Thọ tôi chẳng thế khác."
Và này các Tỳ-kheo!
Vì thọ là vô ngã
Do vậy chính thọ này
Bệnh hoạn cứ đến gieo.

Và không thể có được
Các thọ với ước mong:
"Thọ tôi như thế này
Thọ tôi chẳng thế khác."
Thế Tôn lại thuyết giảng:
- Tưởng, này các Tỳ-kheo!
Tưởng này là vô ngã
Không thể mãi mang theo.
Nếu cho tưởng là ngã
Thời tưởng không thể nào,
Mở ra đường đi đến
Bệnh hoạn đầy khổ đau.
Và có thể đạt được
Các tưởng với ước mong:
"Tưởng tôi như thế này
Tưởng tôi chẳng thế khác."
Và này các Tỳ-kheo!
Vì tưởng là vô ngã
Do vậy chính tưởng này
Bệnh hoạn cứ đến gieo.
Và không thể có được
Các tưởng với ước mong:
"Tưởng tôi như thế này
Tưởng tôi chẳng thế khác."
Thế Tôn lại thuyết giảng:
- Các hành, này Tỳ-kheo!
Các hành là vô ngã
Không thể mãi mang theo.

Nếu cho hành là ngã
Thời hành không thể nào,
Mở ra đường đi đến
Bệnh hoạn đầy khổ đau.
Và có thể đạt được
Các hành với ước mong:
"Hành tôi như thế này
Hành tôi chẳng thế khác."
Và này các Tỳ-kheo!
Vì hành là vô ngã
Do vậy chính hành này
Bệnh hoạn cứ đến gieo.
Và không thể có được
Các hành với ước mong:
"Hành tôi như thế này
Hành tôi chẳng thế khác."
Thế Tôn lại thuyết giảng:
- Thức, này các Tỳ-kheo!
Thức này là vô ngã
Không thể mãi mang theo.
Nếu cho thức là ngã
Thời thức không thể nào,
Mở ra đường đi đến
Bệnh hoạn đầy khổ đau.
Và có thể đạt được
Các thức với ước mong:
"Thức tôi như thế này
Thức tôi chẳng thế khác."

11. Và này các Tỳ-kheo!
Vì thức là vô ngã
Do vậy chính thức này
Bệnh hoạn cứ đến gieo.
Và không thể có được
Các thức với ước mong:
"Thức tôi như thế này
Thức tôi chẳng thế khác."
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Các ông nghĩ thế nào
Với các sắc như vậy
Thường hay là vô thường?
- Kính bạch đức Thế Tôn!
Sắc này là vô thường.
- Với cái gì vô thường
Là khổ hay là lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn!
- Cái gì vô thường, khổ
Đều chịu sự biến hoại
Nên thường tự tư duy
Có hợp lý hay chăng
Khi nghĩ cái ấy là:
"Cái này là của tôi,
Cái này chính là tôi,
Cái này cũng chính là
Tự ngã của tôi vậy?"
Các Tỳ-kheo đồng đáp:
- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Các ông nghĩ thế nào
Với các thọ như vậy
Thường hay là vô thường?
- Kính bạch đức Thế Tôn!
Thọ này là vô thường.
- Với cái gì vô thường
Là khổ hay là lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn!
- Cái gì vô thường, khổ
Đều chịu sự biến hoại
Nên thường tự tư duy
Có hợp lý hay chăng
Khi nghĩ cái ấy là:
"Cái này là của tôi,
Cái này chính là tôi,
Cái này cũng chính là
Tự ngã của tôi vậy?"
Các Tỳ-kheo đồng đáp:
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Các ông nghĩ thế nào
Với các tưởng như vậy
Thường hay là vô thường?
- Kính bạch đức Thế Tôn!
Tưởng này là vô thường.
- Với cái gì vô thường
Là khổ hay là lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn!
- Cái gì vô thường, khổ
Đều chịu sự biến hoại
Nên thường tự tư duy
Có hợp lý hay chăng
Khi nghĩ cái ấy là:
"Cái này là của tôi,
Cái này chính là tôi,
Cái này cũng chính là
Tự ngã của tôi vậy?"
Các Tỳ-kheo đồng đáp:
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Các ông nghĩ thế nào
Với các hành như vậy
Thường hay là vô thường?
- Kính bạch đức Thế Tôn!
Hành này là vô thường.
- Với cái gì vô thường
Là khổ hay là lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn!
- Cái gì vô thường, khổ
Đều chịu sự biến hoại
Nên thường tự tư duy
Có hợp lý hay chăng
Khi nghĩ cái ấy là:
"Cái này là của tôi,
Cái này chính là tôi,

Cái này cũng chính là
Tự ngã của tôi vậy?"
Các Tỳ-kheo đồng đáp:
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Các ông nghĩ thế nào
Với các thức như vậy
Thường hay là vô thường?
- Kính bạch đức Thế Tôn!
Thức này là vô thường.
- Với cái gì vô thường
Là khổ hay là lạc?
- Là khổ, bạch Thế Tôn!
- Cái gì vô thường, khổ
Đều chịu sự biến hoại
Nên thường tự tư duy
Có hợp lý hay chăng
Khi nghĩ cái ấy là:
"Cái này là của tôi,
Cái này chính là tôi,
Cái này cũng chính là
Tự ngã của tôi vậy?"
Các Tỳ-kheo đồng đáp:
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Do vậy, các Tỳ-kheo!
Phàm sắc gì quá khứ
Hiện tại hay vị lai,
Đến sắc trong, sắc ngoài,

Sắc thô hay sắc tế
Hạ liệt hay thắng ưu
Sắc xa hay sắc gần
Đều cũng không ngoại lệ
Tất cả các sắc uẩn
Cần như thật quán soi
Với chánh trí tuệ này
Quán như nhau không khác:
“Cái này không của tôi,
Cái này không là tôi,
Cũng không phải tự ngã
Của bản thân tôi vậy.”
Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Phàm thọ gì quá khứ
Hiện tại hay vị lai,
Đến thọ trong, thọ ngoài,
Thọ thô hay thọ tế
Hạ liệt hay thắng ưu
Thọ xa hay thọ gần
Đều cũng không ngoại lệ
Tất cả các thọ uẩn
Cần như thật quán soi
Với chánh trí tuệ này
Quán như nhau không khác:
“Cái này không của tôi,
Cái này không là tôi,
Cũng không phải tự ngã
Của bản thân tôi vậy.”

Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Phàm tưởng gì quá khứ
Hiện tại hay vị lai,
Đến tưởng trong, tưởng ngoài,
Tưởng thô hay tưởng tế
Hạ liệt hay thắng ưu
Tưởng xa hay tưởng gần
Đều cũng không ngoại lệ
Tất cả các tưởng uẩn
Cần như thật quán soi
Với chánh trí tuệ này
Quán như nhau không khác:
"Cái này không của tôi,
Cái này không là tôi,
Cũng không phải tự ngã
Của bản thân tôi vậy."
Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Phàm hành gì quá khứ
Hiện tại hay vị lai,
Đến hành trong, hành ngoài,
Hành thô hay hành tế
Hạ liệt hay thắng ưu
Hành xa hay hành gần
Đều cũng không ngoại lệ
Tất cả các hành uẩn
Cần như thật quán soi
Với chánh trí tuệ này
Quán như nhau không khác:

“Cái này không của tôi,
Cái này không là tôi,
Cũng không phải tự ngã
Của bản thân tôi vậy.”
Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Phàm thức gì quá khứ
Hiện tại hay vị lai,
Đến thức trong, thức ngoài,
Thức thô hay thức tế
Hạ liệt hay thắng ưu
Thức xa hay thức gần
Đều cũng không ngoại lệ
Tất cả các thức uẩn
Cần như thật quán soi
Với chánh trí tuệ này
Quán như nhau không khác:
“Cái này không của tôi,
Cái này không là tôi,
Cũng không phải tự ngã
Của bản thân tôi vậy.”
Thấy vậy, các Tỳ kheo!
Yếm ly đối với sắc,
Yếm ly đối với thọ,
Yếm ly đối với hành,
Yếm ly đối với tưởng,
Yếm ly đối với thức.
Do sự yếm ly này
Vị ấy được ly tham.

Ly tham nên giải thoát,
Trong sự giải thoát ấy
Trí tuệ được khởi lên:
"Giải thoát chính nơi ta."
Vị ấy tự biết rõ:
Với như thật trí minh:
"Sanh nay đã đoạn tận,
Phạm hạnh đã đạt thành,
Việc nên làm đã xong,
Khi thân đã mạng chung
Sẽ không còn trở lại
Trạng thái như nay nữa."
Thế Tôn thuyết như vậy
Nhóm năm thầy Tỳ-kheo
Khởi lên lòng hỷ hoan
Tín thọ lời Phật dạy.
Trong khi Như Lai thuyết
Những lời dạy thâm sâu
Tỳ-kheo hết chấp thủ,
Thoát lậu hoặc ưu sầu. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

10. KINH LỬA CHÁY

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG UẨN)*

Thuở Phật ở Già-da
Thuyết bài pháp sâu xa
Tỳ-kheo một ngàn vị
Chư thiên đồng tán hoa.

Thế Tôn bảo đại chúng:
- Các ông khéo tư duy
Tất cả đều bốc cháy
Cháy bất kể vật gì.

1. Mắt, này các Tỳ-kheo!
Mắt đang bị bốc cháy
Do sắc trần khởi lên
Nhãn thức lan từ đó.

Nhãn xúc bị bốc cháy
Làm cảm thọ khởi sinh,
Cảm thọ chúng hữu tình
Chính từ thân tứ đại.

Cảm thọ lạc chứa chan
Cảm thọ khổ vô vàn
Không lạc không khổ thọ
Ba thọ này cháy lan.
Cái gì đang bốc cháy?
Đó là lửa tham xan
Lửa từ tâm sân nộ
Lửa si mê ngút ngàn.
Ta nói rằng bị cháy
Bởi sanh, già, sầu, bi
Bởi thống khổ, ưu, não
Cháy không chừa pháp chi.
2. Tai, này các Tỳ-kheo!
Tai đang bị bốc cháy
Do thinh trần khởi lên
Nhĩ thức lan từ đó.
Nhĩ xúc bị bốc cháy
Làm cảm thọ khởi sinh,
Cảm thọ chúng hữu tình
Chính từ thân tứ đại.
Cảm thọ lạc chứa chan
Cảm thọ khổ vô vàn
Không lạc không khổ thọ
Ba thọ này cháy lan.
Cái gì đang bốc cháy?
Đó là lửa tham xan
Lửa từ tâm sân nộ
Lửa si mê ngút ngàn.

Ta nói rằng bị cháy
Bởi sanh, già, sầu, bi
Bởi thống khổ, ưu, não
Cháy không chừa pháp chi.

3. Mũi, này các Tỳ-kheo!
Mũi đang bị bốc cháy
Do hương trần khởi lên
Tỷ thức lan từ đó.
Tỷ xúc bị bốc cháy
Làm cảm thọ khởi sinh,
Cảm thọ chúng hữu tình
Chính từ thân tứ đại.
Cảm thọ lạc chứa chan
Cảm thọ khổ vô vàn
Không lạc không khổ thọ
Ba thọ này cháy lan.
Cái gì đang bốc cháy?
Đó là lửa tham xan
Lửa từ tâm sân nộ
Lửa si mê ngút ngàn.
Ta nói rằng bị cháy
Bởi sanh, già, sầu, bi
Bởi thống khổ, ưu, não
Cháy không chừa pháp chi.

4. Lưỡi, này các Tỳ-kheo!
Lưỡi đang bị bốc cháy
Do vị trần khởi lên
Thiệt thức lan từ đó.

Thiệt xúc bị bốc cháy
Làm cảm thọ khởi sinh,
Cảm thọ chúng hữu tình
Chính từ thân tứ đại.
Cảm thọ lạc chứa chan
Cảm thọ khổ vô vàn
Không lạc không khổ thọ
Ba thọ này cháy lan.
Cái gì đang bốc cháy?
Đó là lửa tham xan
Lửa từ tâm sân nộ
Lửa si mê ngút ngàn.
Ta nói rằng bị cháy
Bởi sanh, già, sầu, bi
Bởi thống khổ, ưu, não
Cháy không chừa pháp chi.

5. Thân, này các Tỳ-kheo!
Thân đang bị bốc cháy
Do xúc trần khởi lên
Thân thức lan từ đó.
Thân xúc bị bốc cháy
Làm cảm thọ khởi sinh,
Cảm thọ chúng hữu tình
Chính từ thân tứ đại.
Cảm thọ lạc chứa chan
Cảm thọ khổ vô vàn
Không lạc không khổ thọ
Ba thọ này cháy lan.

Cái gì đang bốc cháy?
Đó là lửa tham xan
Lửa từ tâm sân nộ
Lửa si mê ngút ngàn.
Ta nói rằng bị cháy
Bởi sanh, già, sầu, bi
Bởi thống khổ, ưu, não
Cháy không chừa pháp chi.
6. Ý, này các Tỳ-kheo!
Ý đang bị bốc cháy
Do pháp trần khởi lên
Ý thức lan từ đó.
Ý xúc bị bốc cháy
Làm cảm thọ khởi sinh,
Cảm thọ chúng hữu tình
Chính từ thân tứ đại.
Cảm thọ lạc chứa chan
Cảm thọ khổ vô vàn
Không lạc không khổ thọ
Ba thọ này cháy lan.
Cái gì đang bốc cháy?
Đó là lửa tham xan
Lửa từ tâm sân nộ
Lửa si mê ngút ngàn.
Ta nói rằng bị cháy
Bởi sanh, già, sầu, bi
Bởi thống khổ, ưu, não
Cháy không chừa pháp chi.

7. Thấy vậy, các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Nhàm chán với nhãn này
Các sắc trần không theo.
Nhàm chán đối với mắt
Nhàm chán các dục trần
Chán nhãn xúc, nhãn thức
Chán các sắc xa gần.
Do nhãn xúc khởi sinh
Lạc, khổ và xả thọ
Khéo chánh niệm, tỉnh giác
Nhàm chán ba thọ này.
8. Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Nhàm chán với nhĩ này
Các thinh trần không theo.
Nhàm chán đối với tai
Nhàm chán các dục trần
Chán nhĩ xúc, nhĩ thức
Chán các thinh xa gần.
Do nhĩ xúc khởi sinh
Lạc, khổ và xả thọ
Khéo chánh niệm, tỉnh giác
Nhàm chán ba thọ này.
9. Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Nhàm chán với tỷ này
Các hương trần không theo.

Nhàm chán đối với mũi
Nhàm chán các dục trần
Chán tỷ xúc, tỷ thức
Chán các hương xa gần.

Do tỷ xúc khởi sinh
Lạc, khổ và xả thọ
Khéo chánh niệm, tỉnh giác
Nhàm chán ba thọ này.

10. Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Nhàm chán với thiệt này
Các vị trần không theo.

Nhàm chán đối với lưỡi
Nhàm chán các dục trần
Chán thiệt xúc, thiệt thức
Chán các vị xa gần.

Do thiệt xúc khởi sinh
Lạc, khổ và xả thọ
Khéo chánh niệm, tỉnh giác
Nhàm chán ba thọ này.

11. Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Nhàm chán với thân này
Các xúc trần không theo.

Nhàm chán đối với thân
Nhàm chán các dục trần
Chán thân xúc, thân thức
Chán các xúc xa gần.

Do thân xúc khởi sinh
Lạc, khổ và xả thọ
Khéo chánh niệm, tỉnh giác
Nhàm chán ba thọ này.

12. Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Đa văn Thánh đệ tử
Nhàm chán với ý này
Các pháp trần không theo.
Nhàm chán đối với ý
Nhàm chán các dục trần
Chán ý xúc, ý thức
Chán các pháp xa gần.
Do ý xúc khởi sinh
Lạc, khổ và xả thọ
Khéo chánh niệm, tỉnh giác
Nhàm chán ba thọ này.

13. Do chán nên ly tham
Vị ấy được giải thoát
Khởi lên sự hiểu biết:
"Ta giải thoát hoàn toàn,
Sự sanh đã đoạn tận
Phạm hạnh đã đạt thành
Việc cần làm đã xong
Không lui đời này nữa."

14. Thế Tôn thuyết như vậy,
Các Tỳ-kheo hỷ hoan
Thân tâm đều tín thọ
Phụng hành pháp nghiêm trang.

Nghe Phật dạy vừa xong
Các Tỳ-kheo ghi lòng
Đoạn tận hết lậu hoặc
Diệt chấp thủ bên trong.
Tâm xả ly cảm thọ
Qua xúc giác lục căn
Chứng ngay A-la-hán
Đắc đạo quả toàn phần.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

11. KINH VÍ DỤ KHÚC GỖ THỨ NHẤT

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG SÁU XỨ*)

Một thời Thánh đức Như Lai
Pháp âm trỗi nhịp hiển bày tuyên dương
Kô-sam-bi một cung đường
Đạo tràng tịnh xá Phật thường trú chân
Khắp nơi Hiền giả xa gần
Đắp y, ôm bát ân cần theo sau.

Giữa cơn sóng nước ba đào
Khúc cây gỗ lớn dạt dào đang trôi
Sông Hằng một hướng xa xôi
Thế Tôn thấy gỗ bèn ngồi thuyết kinh:
- Hỡi này Khất sĩ chuyên tinh
Khúc cây dưới nước linh đinh giữa dòng

Các ông có thấy hay không
Chỗ Ta đang trú bên sông Hằng này?

Tỳ-kheo lòng dạ thẳng ngay
Đáp rằng: Con thấy khúc cây xa bờ
Bị dòng nước cuốn chơ vơ
Sẽ trồi hụp mãi không giờ ngừng trôi.

Thế Tôn an ngự cao ngôi
Dùng câu Thắng trí sáng soi mở lời:
- Sông kia dòng chảy chẳng ngơi
Đưa cây về thẳng khung trời đại dương
Nếu không gặp chuyện bất thường
Thuận dòng gỗ đến đoạn đường ngoài đây:
Nếu không bị tắp bờ này,
Bờ kia không tắp không cày bùn đâu,
Không chìm giữa đáy dòng sâu,
Không sa bãi cạn hồi lâu nằm lì,
Không người nhặt lấy mang đi,
Phi nhơn không lấy gỗ khi nổi chìm,
Không bị nước xoáy trói niêm,
Không bị mục nát tận niềm lõi cây.

Không sa tám nạn như vầy
Xuôi dòng nước cuốn nhập ngay đại hà
Sông Hằng một hướng chảy ra
Nên cây theo đó về nhà đại dương.

Tỳ-kheo cất bước lên đường
Bỏ nhà thế tục đoạn trường nghiệp duyên
Tháng ngày tần tảo tinh chuyên
Nhàn cư cô độc trăng hiền tri âm
Không để tám nạn ươm mầm
Niết-bàn an ngự tháng năm hưởng nhờ.

Thế nào gọi tắp vào bờ?
Là sáu nội xứ đừng lơ nghiêm phòng.

Bờ kia cũng để ý trông
Là sáu ngoại xứ lay lòng người tu.

Bị chìm đáy nước mịt mù
Hỷ tham phá nát công phu hành trì.

Mắc cạn là ác pháp chi?
Chính danh ngã mạn khinh khi cuộc đời.

Bị nhặt từ chính tay người
Là do lối sống dể ngươi mà thành
Liên hệ cư sĩ chung quanh
Vui buồn gắn kết, rách lành cùng chia
Đường tu đã bị đoạn lìa
Bị người nhặt lấy về kia xa rồi.

Phi nhơn nhặt lấy than ôi!
Chính tâm cộng trú ý đòi sanh thiên

Cõi này cứ ngỡ vĩnh yên
Lên trời rồi cũng sa miền trần lao.

Tỳ-kheo xoáy nước mắc vào
Chính là năm dục xiết bao tội tình.

Khúc cây ngoài thấy đẹp xinh
Bên trong mục nát là sinh ác gì?
Chính là tà giới ngu si
Chứa nhiều ác pháp hành vi đáng ngờ
Hành động che đậy bẩn dơ
Nội tâm hủ bại vật vờ như điên
Giả trang Tăng tướng tốt hiền
Sa-môn mạo nhận của tiền tóm thâu
Không biết Phạm hạnh nửa câu
Dối đời hiện tướng tu lâu trong chùa
Tâm đầy tranh đấu hơn thua
Làm điều tà mị trêu đùa thế gian
Lòng đầy dục vọng chứa chan
Một đống rác bẩn của đàng bất lương.

Đây là tám nạn nhiễu nhương
Tỳ-kheo cẩn trọng phải thường xét coi
Ngày đêm học giới trau dồi
Pháp này thẳng hướng về ngôi Niết-bàn.

Bấy giờ từ một thôn trang
Nan-đà chăm chú cho đàn bò ăn
Được nghe pháp nhủ toàn phần
Đến bên đức Phật ân cần kính thưa:

- Thế Tôn lời dạy móc mưa
Đạo vàng cao quý con vừa lãnh thâu
Đời con mưa nắng dãi dầu
Tám pháp Ngài dạy con đâu phạm gì
Dưới trời lồng lộng thiết thi
Con xin trọn dạ quy y theo Ngài
Cho con thế phát hôm nay
Cầu thọ Đại giới đêm ngày hành theo
Cho con thành một Tỳ-kheo
Để xa khỏi kiếp bọt bèo nghiệp duyên.

Thế Tôn rõ dạ trò hiền
Dạy về gặp chủ trả liền bò kia
Đừng làm bò mẹ xa lìa
Với đàn bê nhỏ ngoài rìa đồng hoang.

Nan-đà vâng dạ lo toan
Trả đàn bò ấy khải hoàn như xưa
Rồi về lễ Phật vâng thừa
Nguyện xin quy ngưỡng để ngừa nhiễm ô.

Thế Tôn thâu nhận môn đồ
Truyền trao Đại giới nhập vô đạo tràng
Nan-đà y bát nghiêm trang
Độc cư thiền định, tịnh an cõi lòng.

Thời gian như nước trôi sông
Hằng giang thẳng nhập một dòng về xuôi
Nan-đà Thánh đức cao ngôi
Thành A-la-hán chiếu soi cuộc đời.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

12. KINH BỆNH

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG GIÁC CHI*)

Một thời Phật ngự Trúc Lâm
Tại thành Vương Xá, thân tâm bất hòa
Tuổi Ngài trong độ tàn hoa
Các hành đau nhức như xoa than hồng
Khổ sinh hiện khởi mênh mông
Gặp cơn trọng bệnh nhưng lòng vững an.

Thuần-đà hiền giả nghiêm trang
Viếng thăm đức Phật hiện đang nghiêng mình
Thế Tôn bèn bảo môn sinh:
- Hãy nên thuyết lại tận tình Giác chi.

Thuần-đà một dạ chuẩn y
Chắp tay kính đáp hồi quy thế này:
- Con nghe từ chính Như Lai
Những lời giảng thuyết rõ bày pháp âm

Bảy điều cao thượng nơi tâm
Thất Giác chi ấy phải tầm xét soi
Làm cho sung mãn rạch ròi
Đưa đến thắng trí trụ ngôi Niết-bàn
Là pháp cao quý vô vàn
Giúp cho giác ngộ nên trang sĩ hiền:

Một là Niệm giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng
Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

Hai Trạch pháp giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng
Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

Ba Tinh tấn giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng
Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

Bốn là Hỷ giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng
Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

Năm Khinh an giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng

Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

Sáu là Định giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng
Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

Bảy là Xả giác chi
Do Thế Tôn thuyết giảng
Tu tập cho sung mãn
Chứng Niết-bàn vô vi.

- Thật là pháp Bảy giác chi
Thuần-đà nói đúng theo y Ta truyền.
Thế Tôn xác nhận tròn duyên
Cho người đệ tử nhẹ yên cõi lòng.

Thuần-đà tuyên thuyết vừa xong
Thế Tôn chấp nhận pháp trong tuyệt vời
Thế Tôn cảm thấy nhẹ người
Bệnh kia đoạn tận theo lời thuyết kinh
Thần oai khắp cõi hữu tình
Giác chi bảy pháp chúng sinh thọ trì.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

13. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG SỰ THẬT*)

1. Một thời đức Thế Tôn
Trú tại Ba-la-nại
An ngự nơi Vườn Nai
Năm Tỳ-kheo nghe pháp.

2. Phật bảo năm Tỳ-kheo:
- Các ông đừng hành theo
Hai cực đoan điên đảo
Chỉ khổ lụy hiểm nghèo.
Thế nào là hai pháp
Không thể đoạn sầu ưu
Chỉ là pháp phù phiếm
Gây khổ nghiệp mịt mù.

3. Một là luôn đắm say
Trong các dục hạ liệt,
Đê tiện và phàm phu
Không xứng đáng bậc Thánh.

Hai tự hành khổ mình
Tự thân khổ phát sanh
Không thể nào xứng đáng
Pháp bậc Thánh nhơn hành.
Tránh hai cực đoan này
Là con đường Trung đạo
Do Như Lai chánh giác
Tác thành nên nhãn quang,
Tác thành nên trí tuệ,
Đưa đến nơi an tịnh,
Thắng trí và giác ngộ,
Chứng an vui Niết-bàn.
4. Thế nào là con đường
Được gọi là Trung đạo
Do Như Lai chánh giác
Tác thành nên nhãn quang,
Tác thành nên trí tuệ,
Đưa đến nơi an tịnh,
Thắng trí và giác ngộ,
Chứng an vui Niết-bàn?
Đó chính là đạo lộ
"Thánh đạo tám ngành" đi
Độc nhất đến vô lậu
Chấm dứt mọi sầu bi:
Chánh kiến, chánh tư duy,
Chánh ngữ và chánh nghiệp,
Chánh mạng, chánh tinh tấn
Chánh niệm, chánh định này.

Đây chính là con đường
Được gọi là Trung đạo
Do Như Lai chánh giác
Tác thành nên nhãn quang,
Tác thành nên trí tuệ,
Đưa đến nơi an tịnh,
Thắng trí và giác ngộ,
Chứng an vui Niết-bàn.

5. Hỡi này năm Tỳ-kheo!
Đây là Thánh đế Khổ:
Sanh, già, bệnh là khổ,
Thêm khổ chết héo sầu,
Sầu, bi, khổ, ưu, não
Là những khổ trần lao,
Oán hận khổ gặp nhau,
Ái biệt ly thống khổ,
Nỗi khổ cầu không được
Chống trái trong xác thân.
Tóm lại khổ xa gần
Đều từ năm thủ uẩn.

6. Hỡi này năm Tỳ-kheo!
Tiếp theo là Thánh đế
Sự thật Chánh pháp này
Về Khổ tập cần nghe:
Chính ái gây tái sanh
Câu hữu hỷ và tham,
Thúc giục sự tầm cầu
Lạc nơi này, nơi khác.

Tức là ba loại ái:
Dục ái và hữu ái
Phi hữu ái một nguồn
Tái sanh mãi luôn luôn.

7. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Lắng nghe và suy ngẫm
Thánh đế về Khổ diệt
Nhiệt tâm để hành theo:
Chính là sự ly tham
Đoạn diệt mọi muốn ham
Hết tàn dư khát ái
Mọi khát khao không làm,
Quăng bỏ, từ bỏ hết
Mọi tham ái đã vương
Giải thoát, không chấp trước
Niết-bàn, cõi dựa nương.

8. Hỡi này các Tỳ-kheo!
Lắng nghe và suy ngẫm
Con đường Đạo Thánh đế
Nhiệt tâm để hành theo:
Đó chính là đạo lộ
"Thánh đạo tám ngành" đi
Độc nhất đến vô lậu
Chấm dứt mọi sầu bi:
Chánh kiến, chánh tư duy,
Chánh ngữ và chánh nghiệp,
Chánh mạng, chánh tinh tấn
Chánh niệm, chánh định này.

9. Đây là Thánh đế Khổ
Pháp trước chưa từng nghe
Nay nghe sanh: nhãn, trí,
Tuệ, minh và quang sanh.
Khổ cần phải liễu tri,
Đã liễu tri Khổ đế,
Như vậy chính tâm sanh:
Tuệ, quang, minh, nhãn, trí.

10. Đây là Tập Thánh đế
Pháp trước chưa từng nghe
Nay nghe sanh: nhãn, trí,
Tuệ, minh, quang cùng sanh.
Cần đoạn tận Tập này,
Đoạn tận xong Tập đế,
Như vậy chính tâm sanh:
Tuệ, quang, minh, nhãn, trí.

11. Đây là Thánh đế Diệt
Pháp trước chưa từng nghe
Nay nghe sanh: nhãn, trí,
Tuệ, minh, quang cùng sanh.
Diệt cần phải chứng tri,
Đã chứng ngộ Diệt đế,
Như vậy chính tâm sanh:
Tuệ, quang, minh, nhãn, trí.

12. Đây là Đạo Thánh đế
Pháp trước chưa từng nghe
Nay nghe sanh: nhãn, trí,
Tuệ, minh, quang cùng sanh.

Đạo cần phải tu tập,
Đã tu xong Đạo này,
Như vậy chính tâm sanh:
Tuệ, quang, minh, nhãn, trí.

13. Hỡi này năm Tỳ-kheo!
Cho đến tận khi nào
Trong chân lý thù thắng
Bốn Thánh đế thanh cao,
Đầy đủ với tam chuyển
Đúng mười hai hành tướng
Tri kiến như thật kia
Không khéo thanh tịnh Ta,
Thì hỡi các Tỳ-kheo!
Cho đến tận khi ấy
Tính từ cõi giới đây
Đến chư thiên, ma giới,
Phạm thiên giới cao vợi,
Cùng với các Sa-môn,
Bà-la-môn, thiên chúng,
Đến cõi nhân loại này,
Ta đã không chứng tri,
Ta đã không chánh giác,
Không chứng được Vô thượng
Đẳng chánh giác hôm nay.

14. Hỡi này năm Tỳ-kheo!
Và cho đến khi nào
Trong chân lý tối thắng
Bốn Thánh đế thanh cao,

Đầy đủ với tam chuyển
Đúng mười hai hành tướng
Tri kiến như thật kia
Khéo thanh tịnh nơi Ta,
Thì hỡi các Tỳ-kheo!
Cho đến tận khi ấy
Tính từ cõi giới đây
Đến chư thiên, ma giới,
Phạm thiên giới cao vợi,
Cùng với các Sa-môn,
Bà-la-môn, thiên chúng,
Đến cõi nhân loại này,
Ta mới được chứng tri,
Ta mới được chánh giác,
Chứng được vào Vô thượng
Đẳng chánh giác hôm nay.
Tri kiến nơi Ta khởi
Như thật với liễu tri
Tự thân Ta giác hiểu
Tối hậu không còn nghi:
"Bất động chính là tâm
Giải thoát nơi Ta hiện,
Đây là kiếp cuối cùng
Không còn tái sanh nữa."

15. Thế Tôn thuyết như vậy
Năm Tỳ-kheo hỷ hoan
Tín thọ lời Phật dạy
Được an lạc vô vàn,

Trong khi nghe bài pháp
Tôn giả Kiều-trần-như
Khởi lên pháp nhãn tịnh
Ly cấu uế thế này:
"Phàm vật gì tập khởi
Pháp ấy diệt hoàn toàn"
Bao nhiêu phiền não rụng
Lậu hoặc thảy tiêu tan.

16. Khi Pháp luân vận chuyển
Bởi chính đức Thế Tôn
Chư thiên khắp cõi đất
Hạnh phúc loan tin đồn:
"Vô thượng Pháp luân này
Được Thế Tôn chuyển vận
Chỗ chư thiên đọa xứ
Tên gọi là Vườn Nai.
Một Pháp luân tối thượng
Chưa từng được chuyển xoay
Dù thiên hay ma giới
Trên đời không một ai."

17. Khi nghe lời tán thán
Xưng tụng đức Thế Tôn
Từ chư thiên cõi đất
Lên cõi trời cao hơn,
Tứ Đại Thiên vương ấy
Tán dương đức Thế Tôn
Lặp lại lời như vậy
Hoan hỷ loan tin đồn:

“Vô thượng Pháp luân này
Được Thế Tôn chuyển vận
Chỗ chư thiên đọa xứ
Tên gọi là Vườn Nai.
Một Pháp luân tối thượng
Chưa từng được chuyển xoay
Dù thiên hay ma giới
Trên đời không một ai.”

18. Khi nghe lời tán thán
Xưng tụng đức Thế Tôn
Từ Tứ Thiên vương tụng
Lên cõi trời cao hơn,
Cõi trời Ba Mươi Ba,
Cõi Dạ-ma, Đâu-suất,
Cõi Hóa Lạc cao xa,
Đến Tha Hóa Tự Tại,
Đến tận Phạm thiên giới
Tán dương đức Thế Tôn
Lặp lại lời như vậy
Hoan hỷ loan tin đồn:
“Vô thượng Pháp luân này
Được Thế Tôn chuyển vận
Chỗ chư thiên đọa xứ
Tên gọi là Vườn Nai.
Một Pháp luân tối thượng
Chưa từng được chuyển xoay
Dù thiên hay ma giới
Trên đời không một ai.”

19. Như vậy, sát-na ấy
Khoảnh khắc, phút giây ấy
Tiếng ấy đến Phạm thiên
Và ngàn phương chuyển động.
Rung động, chấn động mạnh
Ngàn thế giới nhơn thiên.
Một hào quang vô lượng
Phóng ra rực sáng hiền,
Quảng đại chiếu rực rỡ
Uy lực chẳng bày phân
Thấu soi ngàn thiên giới
Vượt hơn gấp bội phần.
20. Thế rồi đức Như Lai
Chuyển Pháp luân hiển bày
Nhìn năm Tỳ-kheo đó
Thốt lên cảm hứng này:
“Chắc chắn được giác hiểu
Chính là Kiều-trần-như!
Chắc chắn được giác hiểu
Chính là Kiều-trần-như!”
Như vậy chính Tôn giả
A-nhã Kiều-trần-như
Được thành danh từ đấy
Nhập Thánh mãi ngàn thu. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

14. KINH RỪNG SIM-SA-PA

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG SỰ THẬT*)

(1)

Một thời đức Phật độ sinh
Tại rừng cây nọ hữu tình kết duyên
Nghìn trăm Tôn giả, chư Hiền
Du hành theo Phật khắp miền gần xa
Kô-sam-bi, xứ đàn-na
Có ngôi phạm vũ cư gia cúng dường.

(2)

Bấy giờ Phật lại lên đường
Đến nơi sơn dã chỗ thường tĩnh tâm
Rừng cây tuổi đã vạn năm
Như quen bóng Phật rì rầm trên cao
Sim-sa-pa, lá xạc xào
Đón Hiền Vương đến đúng vào giấc trưa
Lá rừng rơi rụng như mưa

Thế Tôn nhặt lá đủ vừa nắm tay
Thốt lên cảm hứng ngữ này:
- Tỳ-kheo! Có thấy lá cây trong rừng
Và lá một nắm tay bưng
Các ông so sánh độ chừng là bao
Lá rừng khắp tán cây cao
Lá Ta đang nắm ra sao ít nhiều
Bàn tay lá độ bao nhiêu
Có hơn số lá đồng đều cổ lâm?

(3)
Tỳ-kheo cùng đáp một âm:
- Thật là quá ít lá cầm trên tay
Thật nhiều là lá trên cây
Không thể so sánh lá này như nhau.

(4)
Thế Tôn thuận ý tròn câu:
- Thật là quá ít lời hầu đã tuyên
Pháp mà Ta đã ban truyền
Vô cùng ít ỏi trong miền trí Ta
Tại sao chẳng nói hết ra?
Bởi không liên hệ chuyện xa luân hồi,
Không phải Phạm hạnh trau dồi,
Yếm ly, đoạn diệt chưa thôi hiện hành,
An tịnh, thắng trí chẳng thành,
Niết-bàn, giác ngộ quả lành còn lâu

Do vậy Ta chẳng nói đâu
Các pháp siêu việt mặc dầu Thắng tri.

(5)
Vậy nên Ta nói những gì
Đưa đến mục đích yểm ly dục trần
Đó là Tứ đế bày phân:
Đây là Khổ đế phải cần thấy ngay
Tập đế duyên hệ khổ này
Đây là Diệt đế hiển bày quả linh
Con đường Bát chánh trí minh
Chính là Đạo đế chúng sinh tu trì.

(6)
Hãy xem Ta nói một khi
Pháp này đoạn tận sân si nhiều đời
Căn bản Phạm hạnh rộng khơi
Đưa đến an tịnh, nghỉ ngơi Niết-bàn
Là pháp giác ngộ vĩnh an
Đoạn diệt ác pháp vô vàn chân ngôn.

(7)
Tỳ-kheo cần phải luyện ôn
Liễu tường Tứ đế tâm hồn sáng trong
Nhập vào Thánh quả một dòng
Đó là nỗ lực các ông phụng hành:
Này là Khổ đế hao hanh

Này là Khổ tập đã thành gốc căn
Này là Khổ diệt trọn phần
Con đường diệt khổ chuyên cần sớm hôm.
Trọn nên Tứ quả Sa-môn
Xứng hàng đệ tử Thế Tôn kiếp này.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

15. KINH THUẬN DÒNG

(Trích KINH *TĂNG CHI BỘ*, CHƯƠNG BỐN PHÁP)

Thuở xưa tại xứ Bạt-kỳ
Chư Tăng câu hội bát y du hành
Ban-đa làng nhỏ cây xanh
Đường mòn đất đỏ chạy quanh sông hồ
Trời trong mây trắng điểm tô
Có làn gió mát thổi vô đạo tràng.
Giữa ngôi tịnh xá nghiêm trang
Tỳ-kheo câu hội luận bàn nghĩa kinh
Thế Tôn pháp bảo oai linh
Gọi hàng Tăng chúng tận tình giáo khuyên:
- Hỡi này Khất sĩ chư Hiền
Trên đời bốn hạng sống liền bên ta
Cần nên suy nghĩ rộng xa
Xét xem đặc tánh để mà ngó trông.

Một là kẻ sống thuận dòng
Đam mê hưởng dục nặng lòng thế gian
Tam nghiệp bất thiện vô vàn
Tương lai sinh hữu vào đàng ác thôi.

Hai là người biết trau dồi
Nên đi ngược hướng kẻ ngồi trương thây
Không tham thọ hưởng dục này
Không làm ác nghiệp nhưng hay khổ sầu
Với ưu, than khóc, buồn rầu
Phạm hạnh viên mãn lòng cầu tịnh thanh.

Ba là Hiền trí nhơn lành
Đã tự đứng lại trước mành trầm luân
Diệt năm kiết sử hạ phần
Hóa sanh tại đấy nhẹ thân vô cùng
Tự tri thoát chốn mông lung
Niết-bàn an ngự Đại hùng đời nay
Không còn trở lại cõi này
Yểm ly trọn kiếp tự rày về sau.

Bốn là người thoát trần lao
Vượt bờ qua đứng trên cao đất liền
Người đã thật sự vĩnh yên
Tận trừ lậu hoặc đảo điên hoàn toàn
Tự mình thắng trí trú an
Chứng ngộ, chứng đạt muôn ngàn tốt tươi
Đắc tâm giải thoát vẹn mười

Đắc tuệ giải thoát một đời tu nên
Trú trong vô lậu gốc nền
Gọi là đứng thẳng ở bên đất liền.

Sau lời Pháp bảo giáo khuyên
Bốn hạng nhân loại cố nhiên trên đời
Thế Tôn tuệ trí rộng khơi
Vì hàng Tăng chúng nói lời kệ thi:

Giữa cõi thế hữu vi
Các dục khởi ngút nghi
Ai không biết chế ngự
Không biết sống yểm ly

Thọ hưởng dục sung mãn
Xoay mãi trong sanh già
Lặp lại dòng sinh tử
Khát ái chẳng buông tha.

Do vậy bậc Hiền trí
Không sống thuận dòng đời
Chánh niệm trước dục lạc
Ác pháp được nhẹ vơi.

Sống độc cư, kham nhẫn
Mặc cơ cực dãi dầu
Lội ngược dòng sinh tử
Giải thoát chẳng còn lâu.

Bậc Hữu học Thinh văn
Diệt kiết sử năm phần

Không còn gì thối thất
Đã điều phục tự thân.

Các căn được tịch tĩnh
Ác nghiệp chẳng còn vương
Gọi người tự đứng lại
Niết-bàn ắt dựa nương.

Bậc đã tự giác tri
Phạm hạnh đã hành y
Quét sạch mọi kiết sử
Pháp trần đã yểm ly.

Xứng danh bậc Hiền trí
Mục tiêu đã hoàn thành
Đã đến nơi cần đến
Tận cùng chỗ cao thanh.

Đã đứng trên đất liền
Bờ cao được mãn duyên
Phạm hạnh đã thành tựu
Niết-bàn đắc vĩnh yên.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

16. KINH TÔN GIẢ ƯU-ĐÀ-DI

(Trích KINH *TĂNG CHI BỘ*, CHƯƠNG NĂM PHÁP)

Đức Thế Tôn thương đời đau khổ
Ngài du hành cứu độ nhơn thiên
Tiếng thơm tỏa ngát trăm miền
Những nơi Phật ngự an nhiên vô vàn.

Có một thuở tại làng quê nọ
Kiều-thưởng-di cây cỏ tươi màu
Gô-si-ta đẹp biết bao
Khu vườn xanh tốt Phật vào trú chân.

Lúc bấy giờ chúng dân tụ hội
U-đà-di đang trỗi pháp lành
Lời vàng văn nghĩa tịnh thanh
Bá gia, cư sĩ vây quanh ghi lòng.
Đức A-nan hiện trong Tăng chúng
Thấy những điều uy dũng thiết thi
Ngài bèn cất bước ra đi
Đến nơi Phật ngự oai nghi sáng bừng.

Đức A-nan lạy chừng ba lạy
Ngồi một bên khấp bái sự tình:
- Bạch Thế Tôn! Thật oai linh
Tại vườn diệu mát đẹp xinh nơi này.
U-đà-di hiển bày pháp thí
Hội chúng nhiều cư sĩ vây quanh
Giữa vườn gió mát, cây xanh
Lời vàng tuyên thuyết an lành vô biên.
Đức Thế Tôn điềm nhiên tĩnh tọa
Khẽ mỉm cười như đóa Vô Ưu
Mặt Ngài như ánh trăng thu
Mở lời dạy bảo điều nhu hợp thời:
- Này A-nan! Những lời thuyết pháp
Chẳng dễ gì khế hạp nhơn căn
Kẻ xa cho đến người gần
Nội tâm phải đủ năm phần cao siêu.
Có tất cả năm điều cao quý
Phải thọ trì nhớ kỹ không quên
Lấy đây mà tạo gốc nền
Cho người thuyết pháp làm nên hạnh lành.

(1)
Khi thuyết pháp tâm sanh ý nghĩ:
Ta nói lời hợp trí Thánh nhơn
Lời này tuần tự giản đơn
Theo từng bước một sẽ hoàn bổn nguyên.

(2)
Ta sẽ thuyết văn chuyên rành mạch
Lý rõ ràng trong sạch đúng câu

Người nghe nắm bắt đuôi đầu
Tận tường lý lẽ trước sau một nguồn.

(3)
Ta sẽ thuyết vì luôn từ mẫn
Tấc lòng này ngay thẳng thước đo
Tình thương vô lậu thơm tho
Mở tâm từ lớn rải cho người người.

(4)
Ta sẽ thuyết không khơi lợi dưỡng
Không mong cầu thọ hưởng lợi danh
Không cho tham dục phát sanh
Bỏ ngoài tài vật lòng thanh, trí hiền.

(5)
Ta sẽ thuyết vì yên nghiệp ác
Không hại mình và các chúng sinh
Không cho thương tổn hữu tình
Cả hai đều hưởng quang minh pháp mầu.
Thật chẳng dễ thuyết câu kinh pháp
Khó dùng lời an hợp căn cơ
Nên khi thuyết pháp đúng giờ
Năm phẩm chất ấy từng lời khắc ghi.
Gắng học hiểu, thọ trì ghi khắc
Đường độ sinh chắc thật chẳng lầm
Năm điều phải có trong tâm
Mới nên tuyên thuyết thậm thâm lời vàng. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

17. KINH TIẾNG RỐNG SƯ TỬ

(Trích KINH *TĂNG CHI BỘ*, CHƯƠNG CHÍN PHÁP)

Thuở đức Phật còn đương tại thế
Ta từng nghe Thiện Thệ thuyết kinh
Lời vàng Đại Giác rộng thinh
Pháp âm trỗi nhịp oai linh ta-bà.
Vào thuở ấy Tăng-già hòa hợp
Hàng xuất gia bao lớp Thánh phàm
Ngày ngày giữa chốn già-lam
Tọa thiền, hộ giới vẫn làm tròn xong.
Lúc bấy giờ từ trong quốc độ
Xá-vệ thành tịnh thổ vườn cây
Thiện nam Tu-đạt dựng xây
Kỳ Viên tịnh xá công dày kính dâng.
Đức Thế Tôn nhiều lần an ngự
Chư Tỳ-kheo phận sự thường hành
Những mùa kiết hạ qua nhanh

Bao hàng Thánh đức trưởng thành vẻ vang.
Xá-lợi-phất thuộc hàng thượng thủ
Tuệ xuất trần gồm đủ trí minh
Hôm kia đảnh lễ bạch xin
Dâng lên đức Phật lời trình du phương:
- Bạch Thế Tôn con thường tinh tấn
Suốt mùa mưa diệt tận gốc mê
Nay xin đi khắp thôn quê
Du hành quốc độ bốn bề thong dong.
Đức Thế Tôn rộng lòng hứa khả:
- Hãy làm điều tấc dạ hỷ hoan
Hợp thời, hợp cảnh bình an
Tùy duyên hoá độ bao hàng thiện nhơn.
Có Tỳ-kheo ganh hờn Tôn giả
Đến Thế Tôn hối hả kêu than
Rằng: - Ông Xá-lợi làm gan
Buông lung giới hạnh nghênh ngang vô cùng
Xâm phạm con muôn trùng đau khổ
Rồi ra đi như chỗ không người
Ông còn chẳng lấy một lời
Xin con thứ lỗi cho đời nhẹ yên.
Bậc Đạo Sư điềm nhiên tĩnh tọa
Ban pháp lành để rõ nguồn cơn
Cho người theo bước Hiền nhơn
Ý truyền trở lại giải hờn oan khiên.
A-nan cùng Mục-liên Tôn giả
Gọi chư Tăng tất cả hiệp đoàn

Chỉnh tề y áo nghiêm trang
Cùng về chánh điện theo hàng đều nhau
Cùng lễ Phật hỏi chào, an vị
Cùng lắng nghe tùy hỷ sự tình
Dưới bầu không khí nghiêm linh
Tiếng gầm sư tử sẽ kinh tâm phàm.
Đức Thế Tôn vấn đàm Xá-lợi:
- Có Tỳ-kheo đang đợi ông về
Nói ông tật xấu u mê
Phạm người đau khổ chẳng hề tiếc thương
Không xin lỗi lên đường hành đạo
Bỏ Tỳ-kheo áo não trong lòng
Việc làm ông có hay không?
Chân thành sám hối để mong an hòa.
Xá-lợi-phất thiết tha đảnh lễ
Cầu Thế Tôn trí tuệ cao vời
Xét soi đệ tử dâng lời
Sáng bừng hạnh đức ngôn từ hiền nhân:
- Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(1)
Bạch Thế Tôn! Ví như trên đất
Người ta quăng bao vật nhuốc nhơ
Máu me, phẩn uế hôi dơ

Hay đồ trong sạch bên bờ đồng hoang
Dù dơ sạch hoàn toàn vững chãi
Mặt đất kia không hãi không kinh
Không tâm nhàm chán phát sinh
Không tâm xấu hổ, chẳng tình âu lo.
Cũng như vậy tâm so như đất
Cõi lòng con chân thật tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(2)

Bạch Thế Tôn! Ví như trong nước
Bao người đem rửa trược nhuốc nhơ
Máu me, phẩn uế hôi dơ
Hay đồ thơm sạch đôi bờ nước trong
Dòng nước kia cũng không oán hận
Không âu lo, không giận, không phiền
Thẹn lòng, nhàm chán tư riêng
Không hề khuấy đục nỗi niềm vàng son
Cũng như vậy tâm con như nước
Cõi lòng không ô trược, tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần.

Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(3)
Bạch Thế Tôn! Ví như ngọn lửa
Đốt những đồ thối rữa nhuốc nhơ
Máu me, phẩn uế hôi dơ
Hay đồ trong sạch giữa trời lửa cao
Ngọn lửa kia không sầu không hận
Không âu lo, không giận, không phiền
Thẹn lòng, nhàm chán tư riêng
Không hề sanh khởi trong miền lửa lan
Con xét thấy tâm can như lửa
Cõi lòng thơm như sữa tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần.
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(4)
Bạch Thế Tôn! Ví như cơn gió
Thổi những đồ vứt bỏ nhuốc nhơ
Máu me, phẩn uế hôi dơ

Hay đồ trong sạch giữa trời gió đưa
Ngọn gió nọ không ưa, không hận
Không âu lo, không giận, không phiền
Thẹn lòng, nhàm chán tư riêng
Bao điều mừng giận gió liền cuốn toang
Dường thế ấy tâm con như gió
Cõi lòng con muôn ngõ tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(5)
Bạch Thế Tôn! Ví như miếng giẻ
Lau những đồ của kẻ nhuốc nhơ
Máu me, phẩn uế hôi dơ
Hay đồ trong sạch suốt đời dài lâu
Miếng giẻ ấy không sầu không hận
Không âu lo, không giận, không phiền
Thẹn lòng, nhàm chán tư riêng
Chẳng còn vấy đục tâm hiền sắt son
Cũng thế ấy lòng con như giẻ
Cõi lòng tu mát mẻ tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần

Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(6)
Bạch Thế Tôn! Có người hạ liệt
Chiên-đà-la quả thiệt thấp hèn
Ăn xin thân phận ố hoen
Trong manh áo rách đua chen khắp làng
Tay cầm bát thuộc hàng hư bể
Lòng lo âu trước kẻ thừa tiền
Lòng luôn hạ liệt chẳng yên
Phận đời đói khát không phiền trách ai
Tâm kẻ đó, tâm này đồng nhất
Cõi lòng con thường nhật tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần.
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(7)
Bạch Thế Tôn! Kìa con bò đực
Bị cưa sừng hết mực đáng thương
Dễ dàng điều phục hiền lương

Lang thang khắp chốn giữa đường khổ ưu
Đi mỏi gót ngã tư lê bước
Chẳng hại ai xuôi ngược vô chừng
Cuộc đời lầm lũi còng lưng
Không còn sức mạnh để sừng sộ ai.
Bạch Thế Tôn! Tâm hoài nghiêm mật
Như bò kia cột chặt dây thừng
Tâm không sân giận cháy phừng
Tâm hiền như vật chẳng mừng chẳng lo
Cõi lòng tu lớn to muôn trượng
Cõi lòng tu cao thượng tốt hiền
Cõi lòng vô lượng, vô biên
Không vui, không giận, an nhiên muôn phần.
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(8)

Bạch Thế Tôn! Như người nam nữ
Tuổi đương xuân thích giữ sắc hình
Se sua trang điểm tươi xinh
Sau khi tắm gội giữ mình thơm hương
Những kẻ ấy luôn thường kinh ghét
Cột cổ mình xác chết thú hoang
Xác người, xác chó, xà, lang
Vô cùng dơ bẩn kinh hoàng gớm ghê

Cũng như vậy chẳng hề ưa thích
Thân giả đây ổ dịch bệnh hành
Lo âu, xấu hổ, hôi tanh
Tâm con nhàm chán chúng sanh xác phàm.
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.

(9)
Bạch Thế Tôn! Ví người mang bát
Mỡ chứa đầy như vạc dầu nung
Thủng nhiều đường, lỗ ngoài trong
Rỉ ra, chảy khắp chẳng phòng, chẳng ngăn
Rồi đến kỳ mạng căn sụp đổ
Lủng nhiều đường, nhiều lỗ chảy ra
Một bầu xương máu, thịt da
Xác thân tứ đại chỉ là tạm nương
Do duyên hợp vô thường thoáng chốc
Thân người như gỗ mục rỗng thôi
Uống ăn vật thực đắp bồi
Một mai rồi cũng ra ngoài gò hoang.
Bạch Thế Tôn! Ai không hành niệm
Thân trên thân không kiểm ý mình
Mới vì thất niệm phát sinh
Phạm người đồng hạnh đăng trình ra đi.
Tiếng Chánh pháp sánh vì sư tử

Chúa sơn lâm rống giữa đất trời
Tỳ-kheo sợ hãi rụng rời
Quỳ lên bạch Phật những lời ăn năn:
- Bạch Thế Tôn! Nghiệp căn chưa dứt
Con ghét ganh với bực Thánh hiền
Đem lời xuyên tạc đảo điên
Vu oan Xá-lợi để phiền lụy thân
Vì vô minh tham sân sinh khởi
Xuyên tạc người do bởi lòng gian
Trống không, ý thức nghênh ngang
Vọng ngôn, không thật thành hàng bất lương
Nay sợ hãi con đường tội lỗi
Trước Thế Tôn sám hối chí tình
Một lòng khẩn thiết cầu xin
Thế Tôn chấp nhận tội mình đã gieo.
Trước đại chúng Tỳ-kheo phát lộ
Ác pháp này phòng hộ tương lai
Con đường tu học hôm nay
Cầu xin xả đoạ từ rày ăn năn.
Đức Thế Tôn ân cần dạy bảo:
- Trọng tội gieo quả báo cao vời
Ngu si, bất thiện tày trời
Vô minh xuyên tạc, hại người thiện lương
Nay tỉnh ngộ biết đường sám hối
Giữa đại Tăng trọng tội phát lồ
Cứu nguy nghiệp ác tam đồ
Như Lai chấp nhận những lời thật tâm

Trong Pháp, Luật biết mầm ác nghiệp
Thấy tội gieo nếu kịp dứt chừa
Không cho tội lỗi dây dưa
Vừa là tiến bộ cũng vừa tự răn.
Đức Thế Tôn dạy rằng: - Xá-lợi
Hãy thứ tha những tội kẻ này
Trước khi quả báo trùng lai
Đầu kia bảy mảnh vỡ ngay chẳng còn.
Xá-lợi-phất bạch: - Con dung thứ
Tôn giả kia muôn sự an hoà
Một lời xin hãy thứ tha
Con xin tha thứ bỏ qua lỗi người
Cũng như vậy xin người tha lỗi
Cho thân con nếu tội có làm
Đệ huynh giữa chốn già-lam
Bỏ qua tất cả nghiệp phàm của nhau.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

18. KINH NGƯỜI XUẤT GIA LUÔN QUÁN SÁT

(Trích KINH *TĂNG CHI BỘ*, CHƯƠNG MƯỜI PHÁP)

Một thời đức Phật độ sinh
Vì hàng Tăng chúng tận tình giáo khuyên
Xuất gia rời bỏ trần duyên
Tăng đoàn hòa hợp bình yên cõi lòng
Dạy rằng: - Này hỡi các ông
Tỳ-kheo niệm tưởng vào trong trí mình
Có mười Pháp bảo oai linh
Như mười câu hỏi tận tình nghĩ suy:

(1)
Thân này trạng thái đang đi
Đến không giai cấp, đoạn ly thói thường
Không tự ti, chẳng phô trương
Người không giai cấp, thẳng đường tu thôi.

(2)

Quán rằng nuôi sống thân tôi
Nhờ vào người khác đắp bồi bữa cơm
Đời ta phụ thuộc sớm hôm
Cư gia cấp dưỡng bao gồm chúng Tăng.

(3)

Xuất gia luôn phải chuyên cần
Xét xem cử chỉ mười phần đổi thay
Oai nghi đĩnh đạc hiển bày
Duy trì chánh niệm dù ngày hay đêm.

(4)

Dùng tâm quán sát dò tìm
Xét coi tự ngã có chìm nghiệp căn
Tự ta có trách ta chăng?
Giới điều, hạnh nết mười phần sai không?

(5)

Hãy xem tịnh giới sạch trong
Những bậc Hiền trí có đồng thuận chăng?
Ta là Khất sĩ thanh bần
Có ai chỉ trích ta cần lãnh thâu.

(6)

Xét điều khả ái chẳng lâu
Những vật khả ý cũng hầu đổi thay

Muôn vật biến đổi đêm ngày
Dần dần băng hoại của này mất đi.

(7)
Xem nghiệp là chỗ hồi quy
Chúng là thai tạng, nghiệp gì cũng ta
Ta là chủ, ta là cha
Ta là thừa tự, cũng là bà con
Rồi đây thân mạng hao mòn
Nhân ác hay thiện mãi còn đuổi đeo
Chết rồi vẫn cứ mang theo
An vui do phước, tội trèo núi đao.

(8)
Xem coi ta đã thế nào
Thành người hiền đức hay vào ác nhơn
Đêm ngày mải miết không hơn
Thời gian bạc tóc có sờn lòng tu?

(9)
Xem lòng như ánh trăng thu
Có vui những lúc sương mù lạnh căm
Giữa ngôi nhà trống âm thầm
Có hoan hỷ pháp ươm mầm Sa-môn?

(10)
Hỏi lòng dưới bóng hoàng hôn
Cuối đời có đạt tâm hồn Thượng nhân?

Pháp vị thù thắng muôn phần
Tri kiến cao tột mười phân vẹn mười
Có xứng danh phận nên người
Bốn tầng Thánh quả cả đời được chưa?
Khi đồng Phạm hạnh hỏi thưa
Ta có xấu hổ nghiệp thừa gì không?
Mục tiêu đạo quả mênh mông
Có nhập chút ít vào dòng Dự lưu?
Hay là tội lỗi mịt mù
Tự thân hổ thẹn vụng tu kiếp này?

Mười pháp vừa dạy trên đây
Xuất gia cần phải đêm ngày tư duy
Vô thường sẽ đến một khi
Tự thân có đạt pháp gì hay chưa?
Thời gian thấm thoát thoi đưa
Gắng tu đừng để nghiệp thừa khổ đau
Vững tâm thoát chốn trần lao
Tu hành thanh tịnh dạt dào đường mây.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

19. KINH HẠNH PHÚC

(Trích KINH *TIỂU BỘ, TIỂU TỤNG*)

Một thuở nọ tại thành Xá-vệ
Bài pháp mầu xiết kể an nhiên
Tại ngôi tịnh xá Kỳ Viên
Lời vàng Phật dạy thắng duyên trời, người.
Đêm gần mãn sương rơi đẫm lá
Một vị thiên vừa hạ cõi phàm
Dung nghi rực rỡ thảo am
Hào quang chiếu diệu già-lam sáng bừng.
Nơi Phật ngự thơm lừng hương đạo
Vị thiên kia nhẹ rảo bước mình
Đến nơi thiền thất nghiêm linh
Cúi đầu lễ Phật chứng minh lòng thành.
Rồi đứng dậy chắp vành tay ngọc
Búp sen thiêng cầu học pháp mầu
Dâng lên lời kệ thâm sâu
Chư thiên, nhân loại mong cầu xưa nay:

- Bạch Thế Tôn, xưa rày hạnh phúc
Bao nghĩ suy sung túc đủ đầy
Chư thiên các cõi Đông, Tây
Đến nơi hạ giới cũng hay truy tầm.

Hằng trông ngóng thân tâm thọ hỷ
Sống an lành như ý khát khao.
Thế Tôn trí tuệ tối cao
Đâu chân hạnh phúc truyền trao hợp thời?
Đức Thế Tôn tùy lời thưa hỏi
Do tâm lành mong mỏi pháp ban
Mở bày kim khẩu lời vàng
Dạy bài pháp nhũ chứa ngàn đạo thiêng:

(1)
Không gần gũi kẻ chuyên làm ác
Thân cận người chững chạc hiền lương
Lễ người đáng lễ mà nương
Là chân hạnh phúc con đường này đi.

(2)
Ở trú xứ tùy nghi thích hợp
Công đức lành tích góp từ xưa
Tự tâm chân chính vâng thừa
Là chân hạnh phúc sẽ đưa sáng ngần.

(3)
Nghề nghiệp giỏi, đa văn tài trí
Sáng như gương giữ kỹ giới điều

Nói lời trong sạch mến yêu
Là chân hạnh phúc thêm nhiều thuần lương.

(4)

Biết hiếu thảo cúng dường cha mẹ
Nuôi dưỡng con, giữ lẽ vợ chồng
Sở hành thiện nghiệp sạch trong
Là chân hạnh phúc xuôi dòng chơn như.

(5)

Hạnh bố thí tâm từ ban rải
Giúp thân bằng, quyến ái tư gia
Chánh thân nuôi mạng an hòa
Là chân hạnh phúc nở hoa diệu kỳ.

(6)

Tâm niệm ác xả ly cho tỏ
Chế ngự thân từ bỏ say sưa
Buông lung, phóng dật dứt chừa
Là chân hạnh phúc dư thừa dựa nương.

(7)

Hạnh cung kính, khiêm nhường phải lúc
Biết tri ân, tri túc sáng ngời
Nghe kinh học pháp đúng thời
Là chân hạnh phúc một đời nhẹ an.

(8)

Hạnh nhẫn nại, lời vàng nhu nhuyến
Bậc Sa-môn yết kiến hầu kề

Tùy thời luận pháp dứt mê
Là chân hạnh phúc hướng về thân tâm.

(9)
Sống tự chủ, thậm thâm Phạm hạnh
Giác ngộ cao trụ cảnh Niết-bàn
Liễu tri Tứ đế rõ ràng
Là chân hạnh phúc nhẹ an tâm hồn.

(10)
Khi xúc chạm gia môn thế sự
Không động tâm bất cứ vui sầu
Tự do vô nhiễm, vô cầu
Là chân hạnh phúc ngõ hầu mãn viên.

Hành như vậy thường xuyên tươm tất
Không lúc nào thối thất lòng tu
An vui chỗ dụng công phu
Là chân hạnh phúc thiên thu vững bền.
Lời Phật dạy làm nền đạo đức
Đưa chúng sanh lên bực Thánh hiền.
Vị trời tâm được nhẹ yên,
Kinh văn truyền tụng nhơn thiên thọ trì. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

20. KINH CHÂU BÁU

(Trích KINH *TIỂU BỘ* & CHÚ GIẢI *TIỂU TỤNG*)

Một thuở nọ nổi chìm dâu bể
Tỳ-xá-ly xiết kể thảm sầu
Nạn tai chẳng biết từ đâu
Một mùa hạn hán trút đầu người dân.
Khi xác chết ngàn thân thối rữa
Dịch bệnh lan từng cửa từng nhà
Thêm nhiều ác quỷ dạ-xoa
Hiện hình giày xéo thịt da con người.
Đức Thế Tôn thương đời đau khổ
Quán nhân duyên phổ độ xứ này
Dạy truyền Thánh chúng đến ngay
A-nan Tôn giả đêm ngày trì kinh.
Dẫn Tỳ-kheo đăng trình sứ mạng
Năm trăm ngài La-hán cùng đi
Đến nơi xướng tụng thiết thi
Đồng tâm hộ niệm từ bi cứu đời.

Ngày hôm ấy khắp trời mưa lớn
Cuốn trôi đi cấu bợn một dòng
Dịch tan, ác quỷ tiêu vong
Qua cơn hạn hán trời trong, nắng vàng.
Khắp cõi nước ngập tràn Pháp bảo
Chúng chư thiên hồi đáo hộ trì
Vua quan bỏ ác mê si
Phụng hành kinh điển, quy y Tăng đoàn.
Kinh Châu báu khải hoàn trỗi khúc
Khơi thượng tâm cội phúc sáng ngần
Uy hùng nơi Phật, Pháp, Tăng
Ba ngôi thường trụ ban ân cho đời.
Ba thảm nạn đồng thời tan biến
Khắp nhơn thiên phụng hiến kinh này
Thọ trì sáng tỏ trời mây
Càng cao công đức, càng dày quả linh:

(1)
Phàm cõi thế chúng sinh tụ hội
Tại địa cầu, giữa cõi hư không
Chánh tri một niệm ước mong
Sinh linh hoan hỷ mở lòng lắng nghe.

(2)
Do vậy hãy kết bè sanh chúng
Hãy chú tâm khởi dụng lòng thương
Những ai hộ pháp cúng dường

Ban ngày cho đến tận tường ban đêm.
Khắp vạn vật cộng thêm nhân loại
Khởi từ bi cho toại tấc lòng
Vậy tâm phóng dật cũng không
Giúp hộ trì họ thong dong đêm ngày.

(3)

Phàm tài sản đời này, đời trước
Tại nhân gian quả phước sáng ngời
Tính luôn châu báu cõi trời
Vô cùng thù diệu suốt đời vẹn phân.
Nhưng không thể sánh bằng đức Phật
Ngôi Như Lai tột bậc muôn vàn
Ngôi cao Thiện Thệ nghiêm trang
Thế Tôn châu báu thuộc hàng vô vi.
Những đệ tử quy y Phật bảo
Tùy tín hành châu báu quý thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Sống chơn hạnh phúc đêm ngày được an.

(4)

Pháp đoạn diệt, ly tham cao quý
Pháp vô sanh thượng vị diệu thù
Đêm ngày tinh tấn công phu
Thế Tôn chứng đạt khi tu định thiền.

Nương Chánh pháp qua miền Diệu giác

Là báu châu thơm ngát trên đời
Không gì sánh vẻ tốt tươi
Pháp thù diệu ấy cho người thực thi.
Những đệ tử quy y Pháp bảo
Tùy pháp hành châu báu quý thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Sống chơn hạnh phúc đêm ngày được an.

(5)
Lời tán thán muôn ngàn thù diệu
Đức Thế Tôn thấu hiểu pháp mầu
Nhập thiền liên tục dài lâu
Không cho gián đoạn ngõ hầu minh tâm.
Và như vậy thậm thâm Chánh pháp
Tùy pháp hành châu báu quý thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Sống chơn hạnh phúc đêm ngày an vui.

(6)
Thánh đệ tử bốn đôi, tám vị
Được bậc Hiền hoan hỷ tán dương
Chúng Tăng xứng đáng cúng dường
Bố thí Tăng bảo chơn thường quả to.
Người cư sĩ biết lo phụng sự
Nương Tăng đoàn tĩnh lự quý thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Sống chơn hạnh phúc đêm ngày an vui.

(7)

Các vị ấy đẩy lùi ái dục
Ý kiên trì gạn đục khơi trong
Nương lời Phật dạy tốt ròng
Đắc lần bốn bậc nhập dòng Thinh văn.
Họ chứng đắc dễ dàng đạo quả
Ngôi Vô sanh cao cả Niết-bàn
Thong dong tịch tịnh dự hàng
Thể nhập bất tử được an tâm hồn.
Và như vậy vô ngôn bất thuyết
Hàng chúng Tăng khôn xiết quý thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày yên vui.

(8)

Như trụ đá chôn vùi xuống đất
Khéo tựa nương vững chắc vô cùng
Gió từ khắp cõi không trung
Không hề dao động lay lung trụ này.
Bậc chân nhân đêm ngày bất động
Tuệ sáng bừng đã chóng liễu tri
Bốn chân Thánh đế diệu kỳ
Vị ấy thể nhập tư duy rõ ràng.
Và như vậy nơi hàng Tăng bảo
Trồng cội lành châu báu tốt thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày vững tâm.

(9)

Những vị trỗi pháp âm tuyên thuyết
Chân lý này cao tuyệt nghĩa kinh
Sự thật Thánh đế tường minh
Thẩm sâu tuệ giác quả linh hiển bày.
Nếu vị ấy chẳng may phóng dật
Không bao giờ vắng bặt lòng tu
Tám lần sanh hữu mịt mù
Không lui trở lại cõi u minh này.
Với sự thật hiển bày thấu đáo
Nơi Tăng đoàn châu báu tốt thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày sống an.

(10)

Nhờ đầy đủ vững vàng chánh kiến
Ba kiết đầu được khiến đoạn tiêu
Này là thân kiến, nghi nhiều
Giới cấm thủ kiến, ba điều dứt xong.
Bốn đọa xứ sẽ không trở gót
Được hoàn toàn giải thoát khổ đau
Sáu ác căn bản điều nào
Cũng không thể phạm dấy vào thân tâm.

Thật như vậy thậm thâm Phạm hạnh
Nơi Tăng đoàn vững mạnh tốt thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày sống an.

(11)

Dù vị ấy lỡ làm việc ác
Thân hay lời, ý tác khởi sinh
Không thể che đậy bất minh
Vị ấy luôn hiện việc mình đã gây.
Có thể nói nghiệp gầy tái tạo
Không sa vào ác đạo đời nay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày sống an.

(12)

Rừng cây đẹp muôn ngàn xanh lá
Bông đầu cành sơ hạ ngát ươm
Tháng Ba nóng bức hoa đơm
Pháp mầu thù thắng hương thơm ngút ngàn.
Pháp thẳng đến Niết-bàn thù diệu
Nơi pháp mầu muôn điệu tốt thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày yên vui.

(13)

Từ cao thượng biết ngôi cao thượng
Ban lời lành vô lượng chân tâm
Bậc cao thượng thuyết pháp âm
Thế Tôn tột bực tán ngâm hết lời.

Pháp cao diệu tốt tươi thù thắng
Ngôi Phật-đà thượng thặng quý thay

Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày yên vui.

(14)

Nghiệp cũ được đẩy lùi tất cả
Nghiệp mới này tấc dạ chẳng gieo
Tâm tư các bậc Tỳ-kheo
Tương lai sanh hữu chẳng theo bên mình.
Các hột giống vô minh dứt tuyệt
Như ngọn đèn thi thiết sáng soi
Niết-bàn bậc trí dự ngôi
Không tăng trưởng ác, đắp bồi thiện duyên.
Được như vậy ngự yên Tăng bảo
Quý nhất đời châu báu tốt thay
Ngưỡng mong với sự thật này
Được chơn hạnh phúc đêm ngày hiển linh.

(15)

Phàm cõi thế chúng sinh tụ hội
Tại địa cầu, giữa cõi hư không
Sinh linh tất cả hằng mong
Thảy đều hoan hỷ mở lòng đến đây.
Hãy đảnh lễ bậc Thầy ba cõi
Đức Như Lai sáng chói trên đời
Chúng nhơn cho đến loài trời
Nhiếp thân đảnh lễ, thọ lời Thế Tôn.

Đã như thật ngàn muôn châu báu
Pháp cúng dường Phật bảo quý thay
Ngưỡng mong với hạnh lành này
Mọi loài hạnh phúc đêm ngày hiển linh.

(16)
Phàm cõi thế chúng sinh tụ hội
Tại địa cầu, giữa cõi hư không
Sinh linh tất cả hằng mong
Thảy đều hoan hỷ mở lòng kính vâng.
Hãy đảnh lễ muôn phần Chánh pháp
Lời khế kinh nói hạp căn cơ
Bến mê chấm dứt một giờ
Nương thuyền Bát-nhã qua bờ bên kia.
Đã như thật đoạn lìa phiền não
Pháp cúng dường Pháp bảo quý thay
Ngưỡng mong với hạnh lành này
Mọi loài hạnh phúc đêm ngày hiển linh.

(17)
Phàm cõi thế chúng sinh tụ hội
Tại địa cầu, giữa cõi hư không
Sinh linh tất cả hằng mong
Thảy đều hoan hỷ mở lòng kính vâng.
Hãy đảnh lễ chúng Tăng thanh tịnh
Sống lục hòa tâm định như nhiên

Tam y, nhất bát hóa duyên
Hoằng truyền Chánh pháp an yên cõi đời.

Đã như thật từ nơi Tăng bảo
Pháp cúng dường quý báu tốt thay
Ngưỡng mong với hạnh lành này
Mọi loài hạnh phúc đêm ngày an vui. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

KINH TỤNG
GIỚI TẠI GIA

1. KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT

(Trích KINH *TRƯỜNG BỘ*, SỐ 31)

Thuở Phật ở Trúc Lâm
Trú tại thành Vương Xá
Chỗ bầy sóc hay ăn
Chúng Tăng tu vững dạ.
Sáng sớm Phật đắp y
Ôm bát, từng bước đi
Vào kinh thành khất thực
Tôn dung chẳng ai bì.
Thế Tôn thấy gia chủ
Bên sông lễ sáu phương
Mái tóc thấm đẫm nước
Chắp tay đang cúng dường.
Đức Thế Tôn liền hỏi:
- Hỡi này gia chủ tử!
Sáng sớm thấm ướt tóc
Lễ sáu phương làm gì?

Gia chủ tử liền bạch:
- Cha con trước khi chết
Dặn dò các lễ nghi
Dạy con việc làm này.
Vâng lời đấng sinh thành
Mỗi sáng con hành theo
Cầu mong điều hạnh phúc
An vui lúc hiểm nghèo.
Đức Phật liền khuyên lơn:
- Có sáu phương khác hơn
Trong Pháp, Luật bậc Thánh
An lạc mãi không sờn.
Thi-ca-la-việt bạch:
- Mong Thế Tôn dạy con
Lễ sáu phương bậc Thánh
Để phước báu hằng còn.
- Hãy chú tâm lắng nghe
Hỡi này gia chủ tử!
Thế nào gọi sáu phương
Trong Pháp, Luật bậc Thánh?
Đối với Thánh đệ tử
Bốn nghiệp phiền não trừ
Tam nghiệp phải đoạn sạch
Ác báo chẳng còn dư.
Diệt trừ nghiệp sát sanh,
Diệt trộm cắp lộng hành,
Diệt tà dâm nhơ nhớp,
Diệt nói láo ghét ganh.

Sát nghiệp và trộm đạo
Tà dâm cùng nói láo
Kẻ trí không tán dương
Bốn nghiệp đầy tội báo.
Lại có bốn lý do
Không tạo ác nghiệp to
Luôn luôn tự phản tỉnh
Tránh đường ác lần mò.
Không sa lầy tham dục,
Không để khởi hận sân,
Ngu si không nghi ngút,
Tâm sợ hãi không gần.
Chánh pháp ai ngược đường
Vì dục, sân, hãi, si
Thanh danh bị hư mất
Như trăng khuyết lần đi
Ai thuận dòng Chánh pháp
Diệt si, hãi, dục, sân
Thanh danh càng viên mãn
Như mặt trăng sáng dần.
Lại có sáu căn nguyên
Phí tài sản, bạc tiền
Cần phải nên quán sát
Tránh xa chúng trước tiên:
Thú đam mê uống rượu,
Du hành lúc nửa đêm,
Vui đình đám hí viện,
Cờ bạc lao đầu tìm,

Giao du phường ác hữu,
Lười biếng thành tật quen.
Sáu nguyên nhân tệ hại
Phí tài sản, bạc tiền.

Rượu có sáu hiểm nguy:
Tốn hao của hiện tại,
Tăng trưởng sự đấu tranh,
Bệnh dễ dàng xâm nhập,
Thương tổn danh dự mình,
Âm tàng lộ người khinh,
Trí lực bị tổn hại,
Rượu tàn phá hữu tình.

Phi thời đi ra đường
Sáu nguy hiểm dễ vương:
Tự mình không bảo hộ,
Vợ con chẳng đường nương,
Không giữ được tài sản,
Tình nghi có ác phần,
Dính tin đồn thất thiệt,
Khổ não tự vào thân.

La cà nơi hí viện
Sáu nguy hiểm chực chờ:
Luôn thích nơi nhảy múa,
Thích chỗ ca tiếng lời,
Thích chỗ có trỗi nhạc,
Tán tụng thích đến nơi,
Thích nhạc tay, đánh trống
Sáu hiểm nguy vô bờ.

Kẻ đam mê bài bạc
Lại có sáu hiểm nguy:
Thắng, thì sanh oán thù,
Thua, sầu muộn ai bi,
Tài sản liền tổn thất,
Lời nói nơi pháp đình
Chẳng có người nào tin,
Bằng hữu lại miệt thị,
Trong vấn đề cưới gả
Không một ai dám nương
Vì không xứng được vợ
Mọi tầng lớp coi thường.
Gần gũi phường ác hữu
Sáu hiểm nguy cận kề:
Dễ thân kẻ cờ bạc,
Kẻ loạn hành dễ mê,
Thích bạn kẻ nghiện rượu,
Trá ngụy và gạt lường,
Lại thêm tính bạo động,
Sáu tính này thảm thương.
Kẻ quen thói lười biếng
Lại sinh sáu hiểm nguy:
Không làm vì "chê lạnh",
"Chê nóng" chẳng làm gì,
"Quá trễ" không làm việc,
"Quá sớm" chẳng làm luôn,
"Đói bụng" làm không nổi,
"Quá no" nghỉ một luồng.

Những việc cần: không làm
Việc chẳng đáng: lại ham,
Không dựng xây tài sản
Có rồi như khói lam.
Kẻ đam mê uống rượu,
Du hành lúc nửa đêm,
Mê đình đám, hí viện,
Cờ bạc mãi đi tìm,
Giao du phường ác hữu,
Lười biếng thành tật quen,
Sáu nguyên nhân tệ hại,
Phí tài sản, bạc tiền.
Lại có bốn hạng người
Không được xem là bạn
Dù họ tự xưng bạn
Thì cũng nên tránh xa.
Kẻ vật gì cũng lấy,
Kẻ nói giỏi, không làm,
Kẻ nịnh hót, bợ đỡ,
Kẻ xa xỉ tiêu pha.
Kẻ vật gì cũng lấy
Bốn trường hợp sau đây:
Lấy bất kể lớn nhỏ,
Cho ít xin nhiều ngay,
Vì sợ hãi mà làm,
Hoặc làm vì mưu lợi.
Bốn bằng hữu tự nhận
Người trí quyết không ham.

Kẻ chỉ biết nói giỏi
Đụng việc chẳng làm chi
Có bốn trường hợp khác
Chẳng nhận bạn làm gì:
Lộ thân tình việc xưa,
Thân tình việc vẫn chưa,
Sáo ngữ mua thiện cảm,
Bất lực tự đổ thừa.
Kẻ chỉ biết nói giỏi
Đụng việc lại phớt lơ
Bốn bằng hữu tự nhận
Người trí phải làm ngơ.
Lại như kẻ nịnh hót
Có bốn trường hợp sinh:
Đồng ý việc làm ác,
Việc thiện chẳng đồng tình,
Trước mặt đi tán thán,
Chỉ trích ngay sau lưng,
Bốn bằng hữu tự nhận
Bậc trí xem người dưng.
Kẻ tiêu pha xa xỉ
Có bốn trường hợp sau:
Bạn đam mê uống rượu,
Phi thời phố phường lao,
Bạn la cà hí viện,
Bạn cùng thói bạc cờ.
Bốn bằng hữu tự nhận
Người trí phải làm ngơ.

Lớn nhỏ gì cũng lấy
Nói giỏi chỉ khoanh tay
Khéo đưa lời nịnh hót
Xa xỉ phí của này.

Bốn trường hợp làm bạn
Người trí nên tránh xa
Như tránh con đường dữ
Đừng đem hại vào nhà.

Hỡi này gia chủ tử!
Có bốn loại bạn này
Được xem là chân thật
Thiện hữu lòng thẳng ngay:

Người thường xuyên giúp đỡ,
Chung thủy trong khổ vui,
Bạn thường khuyên ích lợi,
Lòng thương tưởng không lùi.

Có bốn trường hợp sau
Được xem là người bạn
Thường hay giúp đỡ ta
Lúc ốm đau, hoạn nạn:

Che chở khi phóng dật,
Giữ của lúc buông lung,
Nương tựa khi sợ hãi,
Cho hơn hai lần mong.

Lại có bốn trường hợp
Gọi người bạn thủy chung
Trong khổ - vui không khác
Vượt bão tố mịt mùng:

Nói ra điều bí mật,
Giữ bí mật cho ta,
Không bỏ khi khốn khó,
Hy sinh mạng vì ta.

Lại có bốn trường hợp
Lợi ích biết bảo khuyên
Nên xem bạn chân thật
Giúp đời ta được yên:

Ngăn ta làm điều ác,
Khuyên làm thiện tốt hiền,
Cho nghe điều chưa biết,
Chỉ đường sanh cõi thiên.

Lại có bốn trường hợp
Người bạn biết tưởng thương
Nên xem bạn chân thật
Cuộc sống cần dựa nương:

Không vui ta gặp nạn,
Vui mừng ta được may,
Chặn đứng kẻ nói xấu,
Khuyến khích người khen hoài.

Người thường xuyên giúp đỡ,
Chung thủy trong khổ vui,
Bạn thường khuyên ích lợi,
Lòng thương tưởng không lùi.

Người trí đối bạn hữu
Như mẹ hiền thương con
Biết gìn giữ giới luật
Như đồi cao, núi non.

Tài sản dần tích trữ
Cùng bạn bè sẻ san
Như ong chăm lấy mật
Niềm hạnh phúc vô vàn,
Tài sản chia làm bốn:
Sử dụng trước cho mình,
Hai phần cho công việc,
Phần tư phòng nạn sinh.
Hỡi này người gia chủ!
Pháp hộ trì sáu phương
Thánh đệ tử phải thường
Thọ trì và thành tín:
Phương Đông là cha mẹ,
Phương Nam bậc Đạo sư,
Tây là con và vợ,
Bắc là phương bạn bè,
Phương dưới là tôi tớ,
Phương trên thờ Sa-môn.
Lễ lạy sáu phương cõi
Tịnh tín nơi tâm hồn.
Có năm cách như sau
Gọi chữ hiếu dạt dào
Cung dưỡng cho cha mẹ
Như phương Đông đầy sao:
Cha mẹ nuôi dưỡng ta
Ta phải nuôi dưỡng lại,
Biết vuông tròn bổn phận,
Giữ truyền thống tiên gia,

Biết thừa tự tài sản
Không để thất thoát ra,
Lo tang khi đến lúc
Cha mẹ theo ông bà.
Lại cũng có năm cách
Cha mẹ đối với con
Tình thương như núi non
Như trùng dương biển lớn:
Ngăn con làm điều ác,
Khuyên làm thiện tốt hiền,
Dạy con nghề nghiệp giỏi,
Cưới gả đúng lương duyên
Chọn người thật xứng đáng
Cho con thật đẹp xinh,
Lựa đúng thời trao của
Thừa tự tài sản mình.
Lại còn có năm cách
Đệ tử báo ơn thầy
Như phương Nam diệu mát
Nắng ấm và xanh mây:
Biết đứng dậy cúi chào,
Hầu hạ chẳng núng nao,
Hăng hái trong học tập,
Phục vụ thầy trước sau,
Thật chú tâm tiếp nhận
Nghề giỏi của thầy trao,
Biết ơn thầy như thế
Như sóng khơi ba đào.

Ngược lại bậc Sư trưởng
Tình thương dành trò ngoan
Có năm điều thương tưởng
Cho hậu sinh hoàn toàn:
Tháng ngày khéo huấn luyện
Như thân mình trước kia,
Dạy cho sự bảo trì,
Thuần thục trong nghề nghiệp,
Khen với người quen biết
Tài hay của học sinh,
Bảo đảm đường nối tiếp
Mọi mặt khi vào đời.
Lại có năm cách này
Như lễ lạy phương Tây
Cách chồng đối với vợ
Thương yêu quả ngọt ngay:
Biết kính trọng không chê,
Thủy chung vẹn câu thề,
Không bất kính với vợ,
Quyền bình đẳng phu thê,
Sắm nữ trang, vải vóc,
Chăm lo việc trong ngoài
Xứng danh người gách vác
Bậc trượng phu tương lai.
Cũng vậy người hiền nữ
Năm điều đối với chồng
Phải thọ trì vâng giữ
Xây hạnh phúc mênh mông:

Thi hành đúng bổn phận
Của người vợ hiền ngoan,
Bà con khéo đón tiếp,
Lòng thủy chung hoàn toàn,
Giữ tài sản gia đình,
Tiết hạnh thật trung trinh
Khéo léo trong nội trợ
Nhanh nhẹn xong việc mình.
Lại có năm phương cách
Đối xử với bạn bè
Như lễ lạy phương Bắc
Vui buồn cùng chở che:
Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng sự,
Không gạt lường của ai,
Năm điều làm không sai.
Bạn có lòng thương tưởng
Lại có năm cách sau
Dùng đối xử với nhau
Như đệ huynh thủ túc:
Che chở khi phóng túng,
Hộ tài lúc buông lung,
Nương tựa khi nguy khốn,
Gần khi khó muôn trùng,
Biết kính trọng gia đình
Nơi nam tử được sinh.
Năm cách trên như vậy
Xứng đáng bạn chân tình.

Có năm cách đối xử
Với tôi tớ, làm thuê
Như phương dưới không khác
Lòng thương thật đề huề:
Giao việc đúng sức lực,
Cho ăn và trả lương,
Điều trị khi họ bệnh,
Tặng món lành thơm hương,
Thỉnh thoảng cho nghỉ phép,
Mới xứng gọi tình thương
Những người là tôi tớ
Cũng kiếp sinh một đường.
Ngược lại phận tôi tớ
Hết lòng vì chủ nhân
Có năm cách phải nhớ
Phục vụ thật chuyên cần:
Dậy trước khi chủ dậy,
Đi ngủ sau mọi người,
Tự bằng lòng của cho,
Khéo hoàn thành công việc,
Luôn đem danh tiếng tốt
Về cho người chủ gia.
Tốt đẹp năm cách đó
Đáng tôi tớ trong nhà.
Lại có năm phương cách
Tôn thờ gọi phương trên

Đối xử bậc Sa-môn
Kính vì lòng trong sạch:
Luôn thể hiện lòng từ
Xuyên suốt trong hành động,
Xuyên suốt trong lời nói,
Xuyên suốt trong suy tư,
Luôn để cửa rộng mở
Đón chào bậc Sa-môn,
Cúng dường vật cần thiết
Tín tâm mãi sớm hôm.
Bậc Sa-môn phải biết
Năm cách đối thiện nam:
Ngăn họ ác không làm,
Khuyên thiện hành tinh tấn,
Thương họ bằng từ bi,
Khéo dạy lẽ huyền vi,
Làm thân tâm thanh tịnh,
Chỉ cõi trời họ đi.
Phương trên được che chở
Bởi bóng mát Sa-môn
Thoát khỏi mọi sợ hãi
An vui tận tâm hồn.
Phương Đông là cha mẹ,
Phương Nam bậc Đạo sư,
Tây là con và vợ,
Bắc là phương bạn bè,

Phương dưới là tôi tớ,
Sa-môn bậc phương trên
Lễ lạy sáu phương cõi
Phước báu giữ làm nền.
Vì gia đình nên tập
Đảnh lễ sáu phương này
Kẻ trí biết giữ giới
Và trì luật thẳng ngay,
Hạnh từ tốn an hòa
Biện tài đẹp như hoa
Biết khiêm nhường, nhu thuận
Được xưng danh sáng lòa.
Siêng năng sáng sớm dậy
Giữ giới tánh hiền lương
Giữa nguy nan bất động
Danh xưng xứng gọi thường.
Kết duyên nhờ nhiếp chúng
Tâm từ ái, bao dung
Khuyên dẫn người vào đạo
Danh xưng thật oai hùng.
Tu bố thí, ái ngữ
Đồng sự và lợi hành
Đối nhân tùy trường hợp
Nhiếp phục hết xung quanh.
Như bánh xe vận chuyển
Nhờ trục chính giữ yên,

Thiện hành này nếu mất
Như bánh xe mất niềng
Nếu thiện hành này mất
Cha mẹ thật xót xa
Không còn được hưởng thọ
Chữ hiếu con trong nhà.
Do vậy bậc Hiền trí
Nhiếp pháp phải kính vâng
Khéo hành trì, học tập
Xứng danh khắp xa gần.
Khi nghe lời Phật dạy
Gia chủ tử hỷ hoan
Đảnh lễ bậc Thiện Thệ
Nói lời tán thán rằng:
- Lành thay! Vi diệu thay!
Những lời Thế Tôn thuyết
Như người dùng cánh tay
Dựng đứng những gì ngã,
Những điều bị che lấp
Đều đã được phơi bày,
Như đèn vào bóng tối
Bừng lên ánh sáng này
Cho mắt người còn tỏ
Liền nhận biết sắc ngay.
Cũng vậy lời Phật thuyết
Đủ phương tiện trình bày,

Giải thích nghĩa tường tận
Thật đủ đầy thiết thi
Con nay xin kính lạy
Và trọn đời quy y.
Con xin quy y Phật,
Quy y Pháp Phật truyền,
Quy y Tăng hòa hợp,
Tam bảo thật thiêng liêng.
Mong Thế Tôn nhận con
Làm một người đệ tử
Từ nay đến mạng chung
Xin trọn lòng quy ngưỡng.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

2. KINH THÔN TIÊN

(Trích KINH *TRUNG BỘ*, SỐ 116)

Một thời đức Thế Tôn
Ngự đỉnh núi Thôn Tiên
Gần nơi thành Vương Xá
Vây quanh là Thánh hiền.
Phật gọi chư Tỳ-kheo
Cất lên câu hỏi rằng:
- Đỉnh núi Phú Trọng này
Các ông có thấy chăng?
- Con thấy, bạch Thế Tôn!
Các Tỳ-kheo vâng đáp.
- Đây chỉ là một tên
Núi xưa nay không khác.
Phật lại hỏi Tỳ-kheo:
- Núi Bạch Thiện, Quảng Phổ
Núi Thôn Tiên, Linh Thứu
Các ông có thấy chăng?

- Con thấy, bạch Thế Tôn!
Các Tỳ-kheo vâng đáp.
- Đây chỉ là một tên
Núi xưa nay không khác.
- Vào thuở rất cổ xưa
Năm trăm Độc Giác Phật
Trong thời gian dài lâu
Ngự đỉnh Thôn Tiên này.
Các Ngài đi vào núi
Thời không thấy trở ra,
Danh xưng có từ đấy
Thôn Tiên lan gần xa.
Nay Ta sẽ thuyết giảng
Đầy đủ mọi tôn danh
Của các Phật Độc Giác
Lắng tâm nghe chí thành.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!
Các Tỳ-kheo đồng đáp.
Với pháp âm thù diệu
Phật bèn thuyết như sau:
1. Đây là A-lợi-sá
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.
2. Đây là Bà-lợi-sá
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

3. Ta-ga-rá-sí-khi
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

4. Đây là Da-sát-si
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

5. Với tôn danh Thiện Kiến
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

6. Đây Pi-da-đát-si
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

7. Đây là Gan-đà-ra
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

8. Đây là Bin-đô-la
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

9. Đây U-pa-sá-bà
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

10. Với tôn danh Ni-tha
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

11. Với tôn danh Tá-tha
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

12. Đây là Su-ta-va
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

13. Đây Ba-vi-tát-ta
Là tên Phật Độc Giác
Đã an trú lâu ngày
Trên đỉnh núi Thôn Tiên.

- Tinh hoa các hữu tình
Vượt tham ái và khổ
Chứng đắc tự riêng mình
Trí tuệ bậc Độc Giác.

Chư Thánh nhân cao thượng
Vượt ngoài mũi tên nhanh
Lắng tâm nghe lời thuyết
Ta xướng các tôn danh:

A-lợi, Bà-lợi-sá,
Ta-ga-rá-sí-khi,
Da-sát-si, Thiện Kiến,
Cùng Pi-da-đát-si,

Gan-đà, Bin-đô-la,
U-sá-pà, Ni-tha,
Tá-tha, Su-ta-va,
Ba-vi-tát-ta Phật.

- Lại thêm các tôn danh
Đoạn trừ nguồn tái sanh
Chư vị Phật Độc Giác
Quá khứ xưa đã thành:
Hiệu Sum-ba, Su-ba,
Tôn hiệu Mê-thu-la,
A-thát-su-mế-gá,
Cùng hiệu A-thát-mà,
Tôn danh A-ní-ga,
Cùng hiệu Su-đa-tha
Các vị Phật Độc Giác
Dòng sanh tử đã qua.
- Các Ngài Đại Uy Lực:
Hin-gu và Hin-ga,
Cùng với hai ẩn sĩ
Đều tôn danh Già-ly,
Đến Ngài Át-tha-ca
Đức Phật Kô-sa-la
Tôn danh Su-ba-hú
Tôn hiệu được gọi là.
Ngài U-ba-nê-mí
Cùng với Ngài Nê-mi
Ngài San-ta-chít-tá
Giải thoát chẳng sánh vì.

Các bậc Thầy chân thực
Sống ly trần, như chân
Xứng gọi bậc Hiền triết
Tôn danh sáng cõi trần.
- Các Ngài bỏ chấp thủ
Là cội gốc khổ đau
Vượt cõi đời vần vũ
Giải thoát chốn ba đào:
Tôn danh Ngài Ka-la,
Cùng U-pa-ka-la,
Đức Ngài Vi-chi-tá,
Và tôn danh Chi-tà,
An-ga cùng Pan-ga,
Và Gu-ti-chí-tá,
Cùng với Ngài Bát-sí
Hạnh đức thật sáng lòa.
- Đánh bại lực ma quân
Tôn danh khắp xa gần:
A-pa-ra-chi-tá
Hành đạo thật chuyên cần.
Sát-tha, Ba-vát-ta,
Cùng Sa-ra-ban-ga,
Ngài Lô-ma-han-sá,
Út-chan-ga-má-dà,
Đức Ngài A-si-tá,
Cùng A-na-sá-va,
Ngài Ma-nô-má-dá,
Đoạn trừ nạn gần xa.

Các Ngài Ban-thu-ma,
Ta-gia-đi-mút-ta,
Đều là vô cấu uế
Cùng Ngài Kê-tu-ma.

- Kê-tum-ba-gá-ra,
Man-ta A-rí-da,
A-cút-ta cùng hiệu,
A-cút-ta-gá-mà,
Tôn hiệu Gia-ma-ca,
Cùng Su-man-ga-lá,
Đa-bi-lá tôn hiệu,
Su-ba-tít-thí-tà,
Tôn hiệu A-xây-ha,
Khê-ma-bi-ra-tá,
Sô-ra-ta cùng xưng,
Đu-ran-na-giá Phật,
Tôn hiệu Ngài Săn-ga,
Cùng Ngài U-cha-giá,
Đến ẩn sĩ Xây-ha,
Thật phi thường can đảm!
A-nan-đa, Nan-đà,
Cùng U-ba-nan-đa
Tất cả mười hai vị
Tôn danh thật rộng xa.
- Thọ trì thân cuối cùng
Danh đồn cả không trung
Ngài Ba-ra-va-chá
Vượt thoát chốn lao lung.

Tôn danh Ngài Bồ-đề
Cùng với Ma-ha-nam
Và Ba-ra-va-chá
Bậc thượng thắng già-lam.
Các Ngài có chóp tóc
Rạng ngời khắp đảnh môn,
Vẻ đẹp bừng như nắng
Cả bên trong tâm hồn.
Tôn danh Ngài Tít-sa,
Ngài U-ba-tít-sa,
U-ba-si-đa-rí
Cùng Ngài Si-đá-ri,
Đoạn hết hữu kiết sử
Mọi tham ái diệt vong
Tôn danh rất cao quý
Giải thoát thẳng một dòng.
- Đức Phật Man-ga-la
Đoạn trừ mọi tham tâm,
U-ba-sa diệt khổ
Tận trừ mọi gốc căn,
Ngài U-ba-ni-tá
Tự chứng đắc nơi thân
An tịnh ngôi giải thoát
Đạo lộ đã trọn phần.
- Ngài U-bô-xá-tha,
Cùng Ngài Sun-đa-rá,
Ngài Xát-cha-na-má,
Giê-ta, Già-dan-ta,

Tôn danh Ba-đu-ma,
Cùng Ngài Úp-ba-la,
Ba-đu-mút-ta-rá,
Và Ngài Rát-khi-ta,
Tôn danh Pha-ba-tá,
Cùng Ma-na-thát-đa,
Cùng Ngài Xô-bi-tá,
Và Vi-ta-rá-ga,
Đức Phật hiệu Kan-ha
Với tâm được giải thoát,
Những vị này, vị khác
Sanh tử đều vượt qua,
Các Ngài đều chứng quả
Phật Độc Giác cùng danh
Những bậc Đại Uy Lực
Đoạn tận nguồn tái sanh.
- Đảnh lễ hết chư vị
Thắng mọi trận vẻ vang
Vô lượng Đại Ẩn Sĩ
Đã đạt Bát-niết-bàn.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

3. KINH HY HỮU VỊ TẰNG HỮU PHÁP

(Trích *KINH TRUNG BỘ*, SỐ 123)

Một thuở nọ Tăng đoàn hưng thịnh
Chúng Tỳ-kheo tươi tỉnh sắc thần
Sớm chiều chuyển hóa tham sân
Ba y, một bát xa gần du phương.
Lúc bấy giờ tại vườn Cô Độc
Chúng Tỳ-kheo tu học đông nhiều
Nhập dòng Thánh đức cao siêu
Thiện nam, tín nữ kính yêu phụng thờ.
Một hôm nọ sau giờ khất thực
Chư Tỳ-kheo các bực khải hoàn
Khẩu hành từ ái nghiêm trang
Giảng đường Thị Giả luận bàn kệ kinh.
Một câu chuyện phát sinh hiện khởi
Về Như Lai vời vợi diệu kỳ

Những lời tán tụng thiết thi
Hạnh lành cao thượng được ghi như vầy:
- Hy hữu thay! Hỡi này Hiền giả
Tằng hữu thay! Đạo quả nhiệm mầu
Đại thần thông lực thâm sâu
Đại hùng uy lực nhiếp thâu về Ngài
Vì Thế Tôn hiển bày Pháp nhãn
Liễu tường về muôn vạn kiếp xưa
Biết rằng chư Phật có thừa
Trong thời quá khứ như vừa gặp đây.
Chư Phật đó hiện nay nhập diệt
Trong Vô-dư cõi Niết đã rồi
Đoạn các hý luận chấp tôi
Đoạn luôn chướng đạo; luân hồi dứt đi.
Chư Phật đó thoát ly mọi khổ
Được Thế Tôn khai ngộ rõ ràng:
"Các Ngài sanh tánh đoan trang
Danh tánh, tộc tánh trong hàng thượng nhơn
Giới hạnh đó nguồn cơn như vậy
Pháp hạnh kia lừng lẫy khắp trời
Tuệ hạnh to lớn trùng khơi
Trú hạnh viên mãn sáng ngời không trung
Chư Thế Tôn vô cùng cao quý
Nhập thiền-na tâm ý sáng ngần
Nào đâu có niệm tham sân
Các Ngài giải thoát muôn phần thơm hương."

Đức A-nan hiện đương có mặt
Khi nghe xong lòng thật vui mừng
Nói lời mát diệu gió xuân:
- Này chư Hiền giả! Xa gần lắng nghe
Lời tán dương chỉ e hữu hạn
Hạnh Như Lai xứng đáng bội lần
Các pháp hy hữu vẹn phân
Vị tằng hữu pháp toàn phần Thế Tôn.
Câu chuyện ấy vô ngôn luận giải
Chư Tỳ-kheo thư thái vô cùng
Bỗng nhiên gián đoạn hồi chung
Đến chiều xế bóng tao phùng đệ huynh.
Rồi Thế Tôn tự mình giá đáo
Xuất cõi thiền nhẹ rảo oai nghi
Khoan thai từng bước chân đi
Vào ngồi pháp tọa thiết thi thân vàng.
Đức Thế Tôn gọi hàng đệ tử:
- Chư Tỳ-kheo! An ngự đúng thời
Các ông bàn luận thảnh thơi
Chuyện gì đang nói mà giờ lặng im?
Ngài A-nan trang nghiêm kính đáp:
- Bạch Thế Tôn! Chuyện hạp đạo mầu
Chúng Tăng tu học mau lâu
Đều tán dương Phật bằng câu chân tình
Hy hữu thay! Oai linh Toàn Giác
Tằng hữu thay! Anh lạc thùy từ

Như Lai là bậc Đạo Sư
Đủ đầy tuệ đức ví như mặt trời.
Câu chuyện này đang lời tán thán
Xúc cảm nên gián đoạn nửa chừng
Và rồi đại chúng vui mừng
Đón Thế Tôn đến sáng bừng tôn dung.
Đức Thế Tôn vô cùng hoan hỷ
Cho chư Tăng tùy ý luận bàn:
Dạy rằng: - Này hỡi A-nan!
Hãy nói thêm nữa muôn ngàn điều hay.
Những đặc tính Như Lai hy hữu
Những hạnh lành đầy đủ cao sâu
Những vị tằng hữu tròn câu
Cho niềm tịnh tín ngõ hầu thêm tăng.
Tâm A-nan như trăng chiếu diệu
Dụng ngôn từ mấy điệu sen thanh
Hướng về Điều Ngự trọn lành
Tuân theo lời Phật kính thành tán dương:
- Bạch Thế Tôn! Con thường hầu cận
Bên Như Lai tường tận lời vàng
Tận tai nghe thấy rõ ràng
Tận mặt được biết trường hàng lại đây:

(1)

Từ chánh niệm hiện ngay thiên giới
Nhẹ nhàng thay như cỡi mây lành
Cõi trời Bồ-tát hóa sinh

Hiệu là Đâu-suất ngự mình thơm hương.
Ngài tỉnh giác miệng thường hoan hỷ
Tịnh sắc thân vô úy diệu kỳ
Thật là hy hữu dung nghi
Thật là tằng hữu thiết thi sáng ngời.

(2)
Từ chánh niệm cõi trời an trú
Giữa chư thiên cư ngụ thân vàng
Âm trời những khúc ca vang
Thật là hy hữu lạc bang muôn điều.

(3)
Từ chánh niệm thương yêu thiên chúng
Trụ nơi này uy dũng vô song
Trải qua ngày tháng mênh mông
Tròn câu thọ mạng, trọn xong một đời.
Trong tỉnh giác giữa trời Đâu-suất
Kiếp sống này đến mức triệu năm
Thật là hy hữu quang âm
Thật là tằng hữu thậm thâm oai hùng.

(4)
Từ tỉnh giác thiên cung vòi vọi
Hạnh từ bi vào cõi ta-bà
Kết duyên Thánh mẫu Ma-da
Chuyển thân nhơn loại để mà thọ sanh.

(5)

Khi thọ thai điềm lành vô lượng
Một hào quang muôn trượng tốt hiền
Xông lên khắp chốn chư thiên
Oai lực thần diệu vượt miền trời cao
Hào quang ấy đượm màu cao quý
Cõi Phạm thiên, thậm chí Ma vương
Hạ giới cũng chiếu tỏ tường
Thế gian nhân loại mười phương sáng bừng.
Các Sa-môn vui mừng hoan hỷ
Bà-la-môn thuận ý vừa lòng
Chư thiên các cõi hư không
Nương hào quang ấy nhập dòng vô ưu.
Đến thế giới mịt mù tăm tối
Khốn cùng thay các cõi ngục hình
Nơi này có các chúng sinh
Khổ đau quằn quại u minh suốt đời
Dẫu ánh sáng mặt trời thượng đẳng
Ánh trăng rằm cũng chẳng đến đây
Hào quang thiên chúng hiển bày
Cũng không rọi đến cõi này đọa sâu.
Hào quang Phật ngày đầu nhập dạ
Từ Thánh thai thấu cả muôn loài
Nhờ nương ánh sáng chiếu soi
Chúng sanh thấp kém được ngoi mắt nhìn
Chúng được thấy thân hình cùng loại

Bèn thốt lên: - Tại cõi thấp này
Cũng có kẻ sống nơi đây
Lặn ngụp trong vũng sình lầy nghiệp duyên.
Ngàn thế giới bỗng nhiên chấn động
Ánh sáng này to rộng, lớn cao
Thật là hy hữu biết bao
Thật là tằng hữu dạt dào tâm can.

(6)
Khi Bồ-tát an khang Thánh dạ
Bốn chư thiên gác cả bốn thành
Không cho phiền nhiễu phát sanh
Cấm ngăn quấy phá xung quanh cung vàng.

(7)
Khi nhập thai muôn ngàn giới đức
Thánh Ma-da tột bực siêu phàm
Tấm lòng chẳng khởi dục tham
Năm điều giới đức thuận làm hồn nhiên:
Không uống rượu, cữ kiêng nói dối
Sát, đạo, dâm chẳng lỗi phạm vào
Thật là hy hữu biết bao
Thật là tằng hữu đức cao, chí bền.

(8)
Thánh Ma-da tạo nền thiện nghiệp
Không nhiễm tâm duyên hiệp hạnh tà

Những người nam giới lạ xa
Không làm sinh khởi đọa sa lòng phàm.

(9)
Thánh Ma-da việc làm cao quý
Sự thanh nhàn tùy hỷ phát sinh
Năm dục trưởng dưỡng quang minh
Luôn luôn đầy đủ bên mình mẫu thân.

(10)
Thánh Ma-da tinh thần sáng suốt
Luôn kính yêu quyến thuộc họ hàng
Thọ thai lại rất đoan trang
Tâm hồn mát mẻ khởi ngàn niềm vui.
Bà chăm sóc dưỡng nuôi thai trẻ
Thấy hài nhi sức khỏe đủ đầy
Thấy hết từng ngón chân tay
Làn da, màu mắt hình hài con thơ.
Như châu ngọc tôn thờ cao thượng
Loại bảo trân không vướng vết tì
Thế gian cũng chẳng sánh vì
Thánh thai Bồ-tát diệu kỳ xiết bao.

(11)
Rồi ngày tháng qua mau mãn kiếp
Sau bảy ngày duyên hiệp đản sinh
Ly tan là chuyện hữu tình

Ma-da lìa thế đăng trình cõi thiên
Tâm Thánh mẫu xa miền tục lụy
Về cõi trời vô úy hưởng an
Cõi thiên Đâu-suất rỡ ràng
Thật là hy hữu sen vàng ngát hương.

(12)
Trong nhơn loại thông thường trở dạ
Chín tháng tròn với cả mười hôm
Trọn ngày nở nhụy hoa đơm
Chào đời con trẻ lòng thơm mẹ hiền.
Nhưng Bồ-tát nhập duyên thai mẫu
Mười tháng trường hoàng hậu cưu mang
Tháng Tư trăng sáng rỡ ràng
Hài nhi khai nhụy an khang mọi điều.

(13)
Khi sinh nở trái chiều thế tục
Mẹ chẳng nằm hay lúc ngồi sinh
Ra đời trong tướng quanh minh
Mẹ Ngài sanh đứng oai linh vô cùng.

(14)
Khi hiện thế không trung tỉnh thức
Chúng chư thiên oai đức hạ trần
Dùng tay đỡ lấy Thánh thân
Rồi sau mới đến thế nhân chạm Ngài.

(15)

Khi đản sinh thần oai chấn động
Bốn vị thiên nhấc bổng Ngài lên
Chân không chạm đất gập ghềnh
Đặt Ngài trước mẹ, đứng bên thốt rằng:
- Ôi! Hoàng hậu muôn phần Thánh đức
Đã hạ sinh một bực Thánh hiền
Muôn loài trong cảnh đảo điên
Về sau sẽ gặp nhân duyên diệu kỳ.

(16)

Khi đản sinh thân ly uế trược
Không dính vào các nước bợn nhơ
Làn da sáng mịn trẻ thơ
Hoàn toàn sạch sẽ trong giờ thoát thai
Như hòn ngọc được mài được giũa
Đặt nhẹ nhàng lên lụa trắng tinh
Ngọc không thay đổi ánh hình
Lụa không cấu tạp, trung trinh một màu.
Không ô nhiễm trước sau màu sắc
Đều viên dung bản chất tự nhiên
Thật là hy hữu vô biên
Thật là tằng hữu tốt hiền viên dung.

(17)

Hai dòng nước không trung xuất hiện
Giờ khai hoa tự hiển oai thần
Nhẹ nhàng tắm sạch toàn thân
Mẹ con tươi nhuận muôn phần tịnh thanh.

(18)

Vừa thoát dạ tuổi xanh vững chãi
Hướng Bắc phương phong thái nhu mì
Khoan thai bảy bước Ngài đi
Bảy đài sen báu diệu kỳ đỡ chân.
Ngài nhìn khắp toàn phần nhân loại
Khắp mười phương các cõi trên đời
Một tay chỉ thẳng lên trời
Một tay chỉ đất thốt lời vĩ ngôn:
- Ta là bậc tối tôn, tối thượng
Bậc tối cao khó tưởng, khó cầu
Luân hồi bất tận dài lâu
Đây là kiếp chót qua cầu tử sanh.

(19)

Khi Bồ-tát trọn thành thân tướng
Vừa chào đời xuất tượng hào quang
Điềm lành sáng rực thênh thang
Uy lực thần diệu vượt màn trời cao
Hào quang ấy đượm màu vòi vọi
Cõi Phạm thiên, cùng cõi Ma vương
Hạ giới cũng chiếu tỏ tường
Thế gian nhân loại mười phương sáng bừng.
Các Sa-môn vui mừng hoan hỷ
Bà-la-môn thuận ý vừa lòng
Chư thiên các cõi hư không
Nương hào quang ấy nhập dòng vô ưu.

Đến thế giới mịt mù tăm tối
Khốn cùng thay các cõi ngục hình
Nơi này có các chúng sinh
Khổ đau quằn quại u minh suốt đời
Dẫu ánh sáng mặt trời thượng đẳng
Ánh trăng rằm cũng chẳng đến đây
Hào quang thiên chúng hiển bày
Cũng không rọi đến cõi này đọa sâu.
Hào quang Phật ngày đầu xuất dạ
Từ Thánh nhi thấu cả muôn loài
Nhờ nương ánh sáng chiếu soi
Chúng sanh thấp kém được ngoi mắt nhìn
Chúng được thấy thân hình cùng loại
Bèn thốt lên: - Tại cõi thấp này
Cũng có kẻ sống nơi đây
Lặn ngụp trong vũng sình lầy nghiệp duyên.
Ngàn thế giới bỗng nhiên chấn động
Ánh sáng này to rộng, lớn cao
Thật là hy hữu biết bao
Thật là tằng hữu dạt dào tâm cang.

(20)
Do vậy hỡi A-nan đệ tử!
Hãy thọ trì từng chữ, từng câu
Việc này hy hữu thâm sâu
Việc này tằng hữu nhiệm mầu Như Lai.
Các cảm thọ thường hay sinh khởi

Được Thế Tôn biết tới rõ ràng
Chúng được biết chỗ trú an
Biết nơi diễn xuất từ ngàn thọ duyên.
Khi biết đến chúng liền tan hoại
Đến "tưởng" kia cùng loại các "tầm"
Chúng lại an trú trong tâm
Chúng lại biến hoại âm thầm tan đi.
Đức A-nan thọ trì lời dạy
Cảm thọ cùng vạn đại tưởng tri
Các tầm sanh diệt hữu vi
Hiện lên, an trú, rồi đi hoại dần.
Đức A-nan xong phần trùng tụng
Các pháp lành uy dũng Như Lai
Biết bao điều tốt hiển bày
Cho ngàn đệ tử ngày mai tin tường.

Đức Thế Tôn hoằng dương Chánh pháp
Chấp nhận lời rất hạp ý Ta
Tỳ-kheo giữa chốn thiền-na
Vui mừng tín thọ lời A-nan truyền.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

4. KINH ĐẦU NGỌN CỜ

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG SAKKA*)

Một thời bậc Đạo Sư
Trú gần thành Xá-vệ
Tại tịnh xá Kỳ Viên
Vườn ông Cấp Cô Độc.
Thế Tôn gọi chư Hiền:
- Thuở xưa cõi chư thiên
Xảy ra trận đấu lớn
A-tu-la và tiên.
Từ trời Ba Mươi Ba
Cung điện lớn rộng xa
Thiên chủ là Đế-thích
Gọi chư thần nói ra:
- Hỡi này các thân hữu
Khi lâm chiến cuộc này
Nếu có lòng sợ hãi
Hãy theo cách sau đây!

Hãy nhìn đầu ngọn cờ
Của ta đang tung gió
Mọi sợ sệt rụng rơi
Uy lực đều từ đó.
Sợ hãi hay rối loạn
Lông tóc dựng ngược lên
Mịt mù do hốt hoảng
Đều tan biến nhẹ tênh.
Nếu không nhìn cờ ta
Đừng lo lắng chi xa
Hãy nhìn lá cờ khác
Thiên chủ Va-ru-nà.
Trời Pa-già-pa-ti
I-sà-na thiết thi
Các thiên vương oai đức
Sợ hãi đều tan đi.
- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Khi chư thiên nhìn cờ
Của các Thiên vương ấy
Sợ hãi vẫn còn theo.
Có khi sợ tan biến
Có khi vẫn còn vương
Tại cớ sao như vậy?
Vì ác pháp nhiễu nhương.
Thiên vương chủ Đế-thích
Chưa đoạn tham, sân, si
Còn nhát gan, hoảng hốt
Chưa tự tại được gì.

- Hỡi này các Tỳ-kheo!
Hãy vâng giữ hành theo
Chốn độc cư xa vắng
Pháp đây thoát hiểm nghèo.
Nếu nơi chỗ gốc cây
Bãi tha ma, nhà trống
Sợ hãi có khởi sinh
Hãy quán niệm pháp này:
Đây là đức Thế Tôn
Là bậc A-la-hán,
Tôn xưng Chánh Đẳng Giác,
Minh Hạnh Túc hoàn toàn,
Thiện Thệ, Thế Gian Giải,
Vô Thượng Sĩ diệu vời,
Bậc Điều Ngự Trượng Phu,
Thiên Nhân Sư cao vợi,
Cùng hiệu Phật, Thế Tôn
Niềm tin sâu tâm hồn
Suốt đời con xin nguyện
Đệ tử bậc Sa-môn.
Nhờ niềm tin bất động
Lạc trú thật mênh mông
Sợ hãi kia tan biến
An vui mãi sáng lòng.
Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Cần tư niệm đêm ngày
Độc cư nơi xa vắng
Với Pháp của Như Lai:

Pháp Thế Tôn khéo thuyết,
Thiết thực hiện tại ngay,
Thời gian không biến đổi,
Đến để thấy rõ bày,
Có khả năng hướng thượng,
Cho người nghe dựa nương
Kẻ trí tự giác hiểu,
Đạo lộ thẳng một đường.
Ai tin diệu pháp này
Bất động tâm thẳng ngay
Hiện tại đắc tuệ giác
Xứng đệ tử Như Lai
Nhờ niềm tin bất động
Lạc trú thật mênh mông
Sợ hãi kia tan biến
An vui mãi sáng lòng.
Lại nữa, các Tỳ-kheo!
Vị Thánh đệ tử cần
Đêm ngày nên quán niệm
Với đoàn thể chúng Tăng
Người xuất gia chân chính
Là đệ tử Như Lai
Có đức tính cao dày
Chúng sanh cần niệm tưởng:
Đó là chân Diệu hạnh,
Trực hạnh tâm thẳng ngay,
Ứng lý hạnh hiển bày,
Chơn chánh hạnh, lành thay!

Gọi bốn đôi, tám vị
Xứng đáng được cúng dường
Xứng đáng được tôn trọng
Và các lời tán dương
Đáng được người chắp tay
Là phước điền vô thượng
Bậc cao quý thuần tịnh
Nhơn thiên xứng bậc Thầy.
Nhờ niềm tin bất động
Lạc trú thật mênh mông
Sợ hãi kia tan biến
An vui mãi sáng lòng.
- Này các thầy Tỳ-kheo!
Như Lai bậc Ứng Cúng
Tôn hiệu Chánh Biến Tri
Đã tận trừ phiền não,
Tận trừ tham sân si
Không nhát gan, hoảng hốt
Không hoảng sợ, hoảng chạy
Ác pháp chẳng còn gì.
- Thiện Thệ nói vậy xong
Niềm an vui tốt ròng
Bậc Đạo Sư diễn kệ
Pháp âm tuôn một dòng:

Giữa rừng nơi gốc cây
Bãi tha ma, nhà trống
Khi các con thiền tọa
Sợ hãi có khởi vây,

Hãy niệm tưởng Như Lai
Bậc Chánh Giác đời này
Bậc Ngưu Vương thuần tịnh
Hết sợ, lòng tịnh ngay.

Hãy niệm tưởng Giáo pháp
Lời dạy của Như Lai
Các sợ hãi liền diệt
Tâm hồn an tịnh ngay.

Hãy niệm tưởng Chúng Tăng
Là phước điền vô thượng
Các sợ hãi liền diệt
Tâm hồn an tịnh ngay.

Tư niệm ngôi Tam bảo
Hốt hoảng và ưu não
Sợ dựng ngược tóc lông
Không bao giờ dấy khởi.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

5. KINH THÍCH TỬ MA-HA-NAM

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG DỰ LƯU)*

Một thuở nọ Ca-tỳ-la-vệ
Đức Như Lai hiện thế độ đời
Vườn đa lộng gió ngàn khơi
Chúng dân họ Thích thọ lời Thế Tôn.
Ma-ha-nam tâm hồn hoảng loạn
Dâng Thế Tôn mấy đoạn trần tình:
- Kinh thành đang lúc đẹp xinh
Bỗng đâu biến cảnh hữu tình rối ren.
Khắp đường sá đua chen giẫm đạp
Vạn sinh linh bão táp trút đầu
Ngựa voi cuồng loạn từ đâu
Cỗ xe lớn nhỏ gieo sầu cho dân.
Ca-tỳ-la muôn phần phồn thịnh
Dân chúng đông thị chính phú cường

Nào ngờ gặp cảnh tan thương
Vật, nhơn cuồng loạn khôn lường hiểm nguy.
Từ tịnh xá thần uy bóng Phật
Con hầu kề phẩm vật kính dâng
Hộ trì đến chúng Hiền Tăng
Xế chiều từ biệt rảo chân ra về.
Nào hay đâu bốn bề voi ngựa
Người cùng xe như lửa lan rừng
Tâm con hoảng hốt vô chừng
Hoang mang tột độ lòng bừng xốn xang
Tâm nghĩ Phật hoang mang chao đảo
Bị hoang mang Pháp bảo Phật truyền
Hoang mang Tăng bảo không yên
Tâm con khởi ý ưu phiền xin thưa:
"Nếu chẳng may nghiệp thừa đã mãn
Thân xác con bỏ mạng giữa trời
Mệnh chung tâm ý rối bời
Đời sau sanh xứ về nơi cõi nào?"
Đức Thế Tôn trên cao giảng dạy:
- Ma-ha-nam! Chớ hãi, chớ kinh
Chớ nên lo sợ tâm mình
Cái chết không ác hữu tình là ông.
Khi mệnh chung lòng không còn ác
Chết như vầy an lạc vô biên
Những ai tu tập tánh hiền
Lâu ngày trọn vẹn lòng yên mãn đời.
Tâm hoàn hảo một lời uy tín

Trọn giới lành, văn thính pháp âm
Trọn bề thí xả nhiều năm
Tu hành trí tuệ nảy mầm Thánh nhân.
Với người ấy dù thân tứ đại
Do mẹ cha hợp lại dưỡng sinh
Lại do cơm cháo nuôi mình
Vô thường có hoại, đoạn hình, diệt tiêu.
Dẫu thân xác bị diều quạ rúc
Ác điểu ăn, chó hút ruột lòi
Phơi thây mưa nắng đầy giòi
Hay muông thú vật xé lôi từng phần.
Tâm vị ấy "bội trần hiệp giác"
Biết lo tu dứt ác, lìa mê
Sở văn, tín, giới trọn bề
Vẹn toàn thí xả, đề huề trí minh.
Tâm thượng thặng phát sinh viên mãn
Tâm cao vời thù thắng biết bao
Sáng ngời như những vì sao
Bừng trong đêm tối một màu thuần lương.
Ví như kẻ giữa đường mang vác
Ghè sữa bơ, dầu lạc đầy vung
Nhận chìm ghè ấy xuống bùn
Giữa hồ nước đục tận cùng đáy sâu.
Rồi đập bể ghè dầu, bơ đó
Các mảnh ghè hồ nọ chìm ngay
Sữa bơ từng cụm nổi đầy
Không ai đủ sức dùng tay nhấn chìm.

Với những kẻ bền tim ghi khắc
Pháp môn tu vắng bặt lỗi lầm
Sở văn, tín, giới nhiều năm
Sở tri, thí xả thậm thâm vô cùng.
Dẫu gặp cảnh mạng chung đột tử
Tâm vững yên tĩnh lự lìa trần
Từ tâm cho đến ngoài thân
Đến nơi cao diệu vẹn phần công phu.
Ma-ha-nam hạnh tu viên mãn
Tâm của ông xán lạn pháp mầu
Sở văn, tín, giới, trí sâu
Vẹn tròn thí xả ngõ hầu trường thiên.
Nên chớ sợ đến miền tái tạo
Không ác là sinh đạo của ông
Mệnh chung tâm sẽ thong dong
Nên đừng sợ hãi do không ác hành.
Ma-ha-nam phụng hành lời dạy
Bèn đứng lên lễ lạy ba lần
Trở về nhẹ cả tâm thân
Bao nhiêu sợ hãi nghiệp trần dứt tiêu. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

6. KINH LỖ ÁCH

(Trích *KINH TƯƠNG ƯNG BỘ, TƯƠNG ƯNG SỰ THẬT)*

Một thời Phật ở Đại Lâm
Giảng đường Trùng Các pháp âm hiển bày:
- Ví như có một khúc cây
Ngoài xa trôi nổi lắc lay giữa dòng
Có một lỗ hổng bên trong
Trăm năm rùa nổi chờ mong chui vào
Con rùa mù mắt hanh hao
Cầu mong thoát chốn ba đào cuốn trôi
Trăm năm mới đủ sức ngoi
Hỏi xem rùa ấy có ngồi bộng cây?

Tỳ-kheo cung kính chắp tay
Thưa rằng: - Nan giải rùa này nổi lên
Cây kia chìm nổi bấp bênh
Trăm năm rùa khó được lên bộng nằm.

Thế Tôn lại trỗi diệu âm:
- Ta cho rùa ấy tháng năm cần cù
Rồi đây vào một chiều thu
Vào cây an ổn rùa mù an vui.
Nhanh hơn một kẻ ngược xuôi
Đọa vào ác xứ đã chui tam đồ
Ngu si bất thiện thấm vô
Làm sao rũ sạch nhiễm ô đọa đày
Lâu xa tận kiếp cao dày
Lâu hơn rùa nọ bộng cây nương mình.
Cõi kia là xứ ngục hình
Không có chánh pháp khởi sinh bao giờ
Chánh hạnh, thiện nghiệp chơ vơ
Pháp hành, phước nghiệp ngó lơ cõi lòng
Ở đấy thú tính phần đông
Nuốt nhai ăn thịt tội chồng lên nhau
Xuống tay chẳng nghĩa đồng bào
Ai mà yếu sức chịu bao xéo giày.

Lại không thấy rõ pháp này
Đó là Tứ đế hiển bày thắng tri
Nếu mà sanh tử một khi
Đọa vào ác xứ thôi thì đau thương.
Vậy nên đại chúng cần nương
Bốn Chân lý ấy phải thường quán soi
Đây là Khổ đế rặc ròi
Đây là Khổ tập một nòi nghiệp duyên

Đây là Khổ diệt vĩnh yên
Con đường diệt khổ tu liền hôm nay
Đó là Bát chánh đạo này
Niết-bàn an ngự tự rày hóa sinh
Không còn lui kiếp hữu tình
Việc làm đã mãn hàm linh xa lìa
Nhẹ vai đặt gánh nặng kia
Đắc thành Đạo quả một khuya bên rừng.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

7. KINH GIA CHỦ

(Trích KINH *TĂNG CHI BỘ*, CHƯƠNG NĂM PHÁP)

Thuở Phật ở Kỳ Viên
Cấp Cô Độc gieo duyên
Lót vàng xây tịnh xá
Dâng cúng tạo phước điền.
Cấp Cô Độc dẫn theo
Năm trăm người cư sĩ
Đến đảnh lễ Thế Tôn
Thính pháp âm cao quý.
Giữa giảng đường trang nghiêm
Đầy đủ các Thánh chúng
Xá-lợi-phất đàn đầu
Vị Tướng quân Chánh pháp.
Đức Phật bèn cất giọng
Bảo với Tôn giả rằng:
- Hỡi này Xá-lợi-phất!
Hãy chú tâm lắng nghe

Những ai là gia chủ
Mặc áo trắng giản đơn
Sở hành được an trú
Trong năm giới không sờn,
Giữ giới không khó khăn
Giữ giới không mệt nhọc
Không phí sức hộ trì
Với bốn tâm tăng thượng.
Hiện tại đắc an lạc
Tự tuyên bố về mình:
- Ta sẽ đoạn địa ngục
Đoạn tận đường súc sinh,
Đoạn tận đường ngạ quỷ
Đoạn tận các cõi sâu
Gọi cõi ác đọa xứ
Đều không thể gieo sầu,
Ta là bậc Dự lưu
Dập tắt mọi khổ ưu
Quyết chắc được Chánh giác
Thoát thối đọa mịt mù.
1. Thế nào là sở hành
Được bảo vệ trong giới
Năm điều hàng tại gia
Là những gì cần giữ?
Thứ nhất không sát sinh
Nghe xúi hay tự mình
Thấy giết không hoan hỷ
Không phạm mạng hàm linh.

Thứ hai không trộm cắp
Vật đang có chủ nhân
Tự mình hay nghe xúi
Thấy cắp không vui mừng.
Thứ ba không tà hạnh
Dục ô uế hãi hùng
Tự mình hay nghe xúi
Thấy cũng không vui cùng.
Thứ tư không nói láo
Trước mặt và sau lưng
Tự mình hay xúi giục
Thấy cũng không vui mừng.
Thứ năm không uống rượu
Các chất say gọi chung
Tự mình hay xúi giục
Thấy uống không vui cùng.

2. Thế nào gọi an trú
Trong bốn tăng thượng tâm
Không phí sức, mệt nhọc
Dễ dàng sanh thiện tầm?
Hỡi này Xá-lợi-phất!
Vị Thánh đệ tử cần
Thành tựu lòng tịnh tín
Đối với đấng Như Lai:
Đây là đức Thế Tôn
Là bậc A-la-hán
Tôn xưng Chánh Đẳng Giác
Minh Hạnh Túc hoàn toàn

Thiện Thệ, Thế Gian Giải
Vô Thượng Sĩ diệu vời
Bậc Điều Ngự Trượng Phu
Thiên Nhân Sư cao vợi
Cùng hiệu Phật, Thế Tôn
Niềm tin sâu tâm hồn
Tăng thượng tâm thứ nhất
Đệ tử bậc Sa-môn.
Nhờ niềm tin bất động
Lạc trú thật mênh mông
Tâm chưa tịnh được tịnh
Mê tối được sáng lòng.
Lại nữa, Xá-lợi-phất
Vị Thánh đệ tử cần
Thành tựu lòng tịnh tín
Với Pháp của Như Lai:
Pháp Thế Tôn khéo thuyết,
Thiết thực hiện tại ngay,
Thời gian không biến đổi
Đến để thấy rõ bày,
Có khả năng hướng thượng,
Cho người nghe dựa nương
Kẻ trí tự giác hiểu
Đạo lộ thẳng một đường.
Ai tin Diệu pháp này
Tăng thượng tâm thứ hai
Hiện tại đắc tuệ giác
Xứng đệ tử Như Lai

Nhờ niềm tin bất động
Lạc trú thật mênh mông
Tâm chưa tịnh được tịnh
Mê tối được sáng lòng.
Lại nữa Xá-lợi-phất!
Vị Thánh đệ tử cần
Thành tựu lòng tịnh tín
Với đoàn thể chúng Tăng
Người xuất gia chân chính
Là đệ tử Như Lai
Có đức tính cao dày
Tại gia cần niệm tưởng:
Đó là chân Diệu hạnh
Trực hạnh tâm thẳng ngay
Ứng lý hạnh hiển bày
Chơn chánh hạnh, lành thay!
Gọi bốn đôi, tám vị
Xứng đáng được cúng dường
Xứng đáng được tôn trọng
Và các lời tán dương
Đáng được người chắp tay
Là phước điền vô thượng
Bậc cao quý thuần tịnh
Xứng bậc thầy nhơn thiên.
Niềm tin thật sâu xa
Tăng thượng tâm thứ ba
Hiện tại đắc phước huệ
Hương lành được lan xa,

Nhờ niềm tin bất động
Lạc trú thật mênh mông
Tâm chưa tịnh được tịnh
Mê tối được sáng lòng.
Lại nữa Xá-lợi-phất!
Vị Thánh đệ tử cần
Thành tựu được giới đức
Không bể vụn một phân,
Giữ giới không sứt mẻ,
Không tì vết, nhiễm ô
Giới đem lại giải thoát
Đoạn tận nghiệp tam đồ
Người trí thường tán thán
Vì giới đem an lạc
Hướng đến các tầng thiền
Định ươm mầm tuệ giác.
Niềm tin vững nhất như
Tăng thượng tâm thứ tư
Thánh giới luôn bảo hộ
Phiền não chẳng còn dư,
Nhờ niềm tin bất động
Lạc hiện tại rộng xa
Tâm chưa tịnh được tịnh
Mê tối được sáng lòa.
Hỡi này Xá-lợi-phất!
Giới, thượng tâm ghi lòng
Người gia chủ áo trắng
Sở hành được sạch trong

Những ai là gia chủ
Mặc áo trắng giản đơn
Sở hành được an trú
Trong năm giới không sờn,
Giữ giới không khó khăn
Giữ giới không mệt nhọc
Không phí sức hộ trì
Với bốn tâm tăng thượng.
Hiện tại đắc an lạc
Tự tuyên bố về mình:
- Ta sẽ đoạn địa ngục
Đoạn tận đường súc sinh,
Đoạn tận đường ngạ quỷ,
Đoạn tận các cõi sâu
Gọi cõi ác đọa xứ
Đều không thể gieo sầu,
Ta là bậc Dự lưu
Dập tắt mọi khổ ưu
Quyết chắc được Chánh giác
Thoát thối đọa mịt mù.
Xong lời pháp cao quý
Tiếp thêm niềm hoan hỷ
Thế Tôn liền tụng kệ
Các gia chủ đồng nghe:
Người cư sĩ tại gia
Điều ác luôn tránh xa
Vì sợ hãi địa ngục
Chánh pháp niệm không nhòa.

Bậc Hiền trí từ bi
Không não hại chút gì
Với chúng sanh mọi giới
Luôn cứu vật, phò nguy
Từ bỏ việc trộm cắp
Không tà hạnh với ai
Không bao giờ nói láo
Suốt đời không chất say.
Luôn niệm tưởng đến Phật
Luôn niệm tưởng đến Pháp
Luôn niệm tưởng đến Tăng
Và niệm tưởng Thánh giới.
Tu tập tâm vô sân
Tập tập lòng nhiêu ích
Xứng đáng được sanh thiên
An vui lạc cõi trời.
Muốn công đức thù thắng
Dâng tứ sự hỷ hoan
Cúng dường bậc Chí thiện
Quả phước lớn vô vàn.
Hỡi này Xá-lợi-phất!
Ta sẽ thuyết ông nghe
Về bậc Chí thiện đó
Hạnh trăng sáng đêm hè,
Như ở giữa đàn bò
Đủ sắc lông đen trắng
Màu hung, đỏ hay đốm
Màu lông chim bồ câu,

Không cần biết màu gì
Tìm con bò khỏe mạnh
Thuần chủng và dẻo dai
Đẹp, lanh và hăng hái
Chọn sức không chọn lông
Mắc vào nó cỗ xe
Hay cái ách cày đất
Dạy bảo nó đều nghe.
Cũng vậy giữa loài người
Bất luận dòng dõi sinh
Trong bốn giai cấp đó
Đều chung gọi hữu tình
Giữa loài người đồng đẳng
Ai biết thuần phục tâm
Đủ giới đức, ngay thẳng
Diệt hết bất hại tầm
Có tàm quý, chân thật
Chánh ngữ biết tu hành
Sanh tử đã đoạn tận
Phạm hạnh đã đạt thành,
Gánh nặng đã đặt xuống
Trói buộc đã cắt xong
Việc cần làm đã mãn
Lậu hoặc thảy đều không,
Bờ kia đã đến nơi
Không chấp trước tịch tịnh
Phước điền ấy vô cấu
Quả lớn đáng cúng dường.

Những kẻ ngu vô trí
Không biết do ít nghe
Không thể gần bậc Thiện
Bố thí chỉ ngoài hè,
Những ai gần Hiền trí
Đắc tuệ và đức tin
Lòng hướng về Thế Tôn
An trú cõi tâm mình.
Nhờ niềm tin vững chãi
Kiếp sau được cõi lành
Cõi trời hay nhân gian
Đều vào gia đình tốt,
Nhờ niềm tin Thiện Thệ
Sinh đời được phước ban
Tuần tự tu định tuệ
Chắc chắn đạt Niết-bàn.
Thế Tôn thuyết như vậy,
Xá-lợi-phất hỷ hoan
Cùng với Cấp Cô Độc
Thính pháp thật nghiêm trang.
Năm trăm cư sĩ nọ
Cũng phước lạc ngập tràn
Hội chúng đồng nhiếp niệm
Thọ trì lời Phật ban.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

8. KINH NGƯỜI THỢ RÈN THUẦN-ĐÀ

(Trích KINH *TĂNG CHI BỘ*, CHƯƠNG MƯỜI PHÁP)

Một thời tại xứ Pa-va
Thế Tôn an ngự tại nhà thiện nam
Vườn xoài che mát thảo am
Thợ rèn chăm chỉ việc làm sinh nhai
Thuần-đà tên hiệu thân trai
Gia công rèn đúc miệt mài sớm hôm.

Thợ rèn đảnh lễ Thế Tôn
Ngồi bên thính pháp tâm hồn sáng tươi.
Như Lai thư thái cất lời:
- Về những tịnh hạnh các nơi trải dài
Tâm ông ưa thích hạnh ai
Người nào xứng đáng đời này ông tin?

Thợ rèn phân tỏ lòng mình
Rằng: - Con ưa thích hạnh lành phương Tây
Những người xứng gọi bậc thầy
Cùng nhau tụ hội đêm ngày lễ nghi
Người ôm bình nước ra đi,
Người đeo vòng huệ thiết thi trắng ngần,
Có người thờ lửa trong sân,
Có người xuống nước tắm thân mát lành.

Thế Tôn lời nói dịu thanh:
- Những người phương đó ở quanh xóm làng
Tổ chức tịnh hạnh pháp đàn
Có bày tế lễ đạo tràng gì không?

Thợ rèn thưa thốt một dòng:
- Họ dạy các pháp ở trong tín đồ
Để trừ các lỗi nhiễm ô
Lắng nghe ghi nhớ sâu vô tâm hồn
Bình minh vừa hé ngoài môn
Xuống giường chạm đất bồn chồn đắn đo,
Chạm cỏ còn ướt màu tro,
Thắp lên ngọn lửa trong lò đêm qua,
Cúng dường ánh nắng quanh nhà,
Thành tâm đảnh lễ để ta hưởng nhờ.

Thế Tôn thấy đúng duyên cơ
Nghiêm trang dạy bảo trong giờ thuyết kinh
Giáo khuyên lời pháp chí tình
Giúp người cư sĩ khai minh trí mầu:

- Hãy nghe tịnh hạnh tròn câu
Trong Luật bậc Thánh ngõ hầu khắc ghi.
Về ác hạnh: có mười chi
Thân tam, khẩu tứ, ý thì cũng ba.

Thân nghiệp hành ác theo ta
Tạo bất tịnh hạnh vạy tà tối tăm
Sát sinh, trộm cắp, tà dâm
Ba nghiệp vấy bẩn gây mầm khổ đau.

Khẩu nghiệp như sóng ba đào
Nói láo, thêu dệt thêm vào lưỡng ngôn
Thứ tư chửi rủa dập dồn
Bốn điều khẩu nghiệp tâm hồn ố oen.

Ý nghiệp rất đỗi hư hèn
Tham lam, sân giận, lại chèn si mê
Gốc căn bít lối trở về
Ý nghiệp bất tịnh gớm ghê thảm sầu.

Mười nghiệp ác hạnh dãi dầu
Đưa người về chốn đọa sâu không lành
Địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh
Thêm nhiều ác thú thọ sanh hãi hùng.

Hãy nghe đạo pháp hồi chung
Có mười thiện nghiệp người cùng dựa nương
Đạo vàng từ đấy thơm hương
Hạnh lành từ đấy mà thường an vui.

Thân nghiệp không giết mọi loài
Không nên trộm cắp nếu người không cho
Sống đời trong sạch ấm no
Không phạm tà dục vốn trò bướm ong.

Khẩu nghiệp ngay thẳng tấm lòng
Từ bỏ nói dối và không hai lời
Không thêu dệt chuyện khơi khơi
Không câu rủa sả để đời yên thân.

Ý nghiệp chánh niệm chuyên cần
Tham lam dứt bỏ, hận sân chẳng còn
Si mê ngày một hư mòn
Sáng bừng tuệ giác trăng tròn soi tâm.

Mười điều thiện nghiệp ươm mầm
Được sanh thiên giới tháng năm hưởng nhờ
Làm người phước báu vô bờ
Và nhiều thiện thú một giờ hóa sinh.

Thiện nam đã hiểu tận tình
Quỳ lên lạy Phật khẩn xin hồi đầu
Trọn đời giữa cõi bể dâu
Quy y Tam bảo mong cầu tu thân.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

9. KINH BÊN NGOÀI BỨC TƯỜNG

(Trích KINH *TIỂU BỘ* VÀ CHÚ GIẢI *TIỂU TỤNG*)

Một thời đức Phật độ sanh
Dẫn đoàn Tăng lữ du hành khắp nơi
Đạo vàng rực ánh tốt tươi
Bước chân độ thế đầy vơi pháp mầu.
Một hôm duyên hợp rộng sâu
Bình-sa vương nguyện thỉnh cầu Thế Tôn
Tăng đoàn cùng đến cung môn
Cúng dường trai tịnh, hàn ôn luận đàm.
Hôm sau từ chốn thảo am
Thế Tôn tùy thuận việc làm đàn-na
Đoan thân bình bát, ca-sa
Dẫn Tỳ-kheo đến ngự tòa vương cung
Dung nghi Phật tỏa oai hùng
Hiệp hòa Tăng chúng vô cùng nghiêm trang.

Trai nghi chén bạc, đĩa vàng
Thức ăn muôn ngàn thơm ngon
Cơm canh, bánh trái chu toàn
Nhà vua thành kính cúng đoàn du Tăng
Sau khi trai tịnh mãn phần
Thế Tôn dẫn chúng rảo chân tạ từ.
Đêm khuya canh vắng tàn dư
Bỗng đâu có tiếng gầm gừ ủ ê
Nhà vua đang giấc ngủ mê
Giật mình bởi tiếng gớm ghê thảm sầu
Nhà vua tột độ lo âu
Kinh hoàng tâm trí ôm đầu, bịt tai.
Hừng đông vừa chớm nắng mai
Vua tôi xa giá miệt mài rời cung
Khẩn xin tha thiết tột cùng
Giữa nơi Phật ngự hãi hùng lời thưa:
“Nửa đêm trong giấc ngủ vừa
Bỗng đâu nghe tiếng xa đưa ghê hồn
Sợ lo trống ngực đổ dồn
Chuyện gì nguy hại càn khôn trút đầu
Thân người giữa cõi bể dâu
Xin Phật chỉ bảo ngõ hầu vượt qua.”
Như Lai tôn hiệu Thích-ca
Dạy rằng: - Sự kiện xảy ra đêm rồi
Là do quyến thuộc xa xôi
Bà con kiếp trước luân hồi đến thăm
Sinh làm quỷ đói nhiều năm
Suốt trong Phật kỷ còn trầm đọa sa

Đến tìm vua, lúc hôm qua
Mong đồ cúng thí để mà no thân
Nhưng vua lo cúng Phật, Tăng
Quỷ kia đói khát thức ăn ngoài tầm
Do vì tuyệt vọng trong tâm
Nửa đêm than khóc vang rầm không trung.
Luân hồi vô thủy vô chung
Thuở xưa có kiếp sống cùng bà con
Do vì duyên nghiệp vẫn còn
Trải vô số kiếp xoay tròn xuống lên
Người vui tạo phước mà nên
Người buồn tạo tội kêu rên thảm sầu.
Nhà vua lòng bớt lo âu
Quỳ lên tha thiết khẩn cầu pháp môn
Độ loài quỷ đói oan hồn
Cách gì mong được Thế Tôn chỉ bày.
Thế Tôn lời dạy thẳng ngay
Rằng: - Vua dâng cúng Như Lai, Tăng-già
Phát lòng bố thí rộng ra
Cúng thêm quỷ đói lê la ngoài thành.
Nhà vua y giáo phụng hành
Cho người chuẩn bị sắm sanh trai đàn
Thức ăn, vật uống cao sang
Trên cúng đức Phật, cùng hàng Tỳ-kheo
Sau cúng ngạ quỷ kiết keo
Ngoài kia đang đợi mong trèo vào sân.
Thế Tôn làm quỷ hiện thân
Vào trong thọ hưởng thức ăn vua bày.

Khi vua cúng nước trên tay
Hóa hồ sen báu trước ngay cung vàng
Quỷ kia thứ tự ngay hàng
Xuống hồ sen tắm đoan trang trong ngoài
Muộn phiền, mỏi mệt, bi ai
Thảy đều tan mất, hình hài thơm tho.
Vua dâng cúng cháo thơm tho
Nguyện hồi hướng quỷ ấm no sum vầy;
Khi vua dâng cúng dép giày
Nguyện hồi hướng quỷ tự rày an vui.
Nhà vua lòng dạ bùi ngùi
Cũng sinh hoan hỷ độ rồi bà con
Trải vô lượng kiếp vẫn còn
Kiếp này độ tận sắt son một đời.
Sau giờ trai ngọ thảnh thơi
Thế Tôn khai thị một thời tuyên dương:

(1)
Ngoài kia đứng ở bờ tường
Bọn họ chờ đợi lòng thương ruột ràng
Ngã ba, giao lộ xa ngàn
Về nhà xưa cũ, chờ ngang cổng thành.

(2)
Thức ăn trai soạn tịnh thanh
Tiệc tùng mỹ vị, cơm canh đủ đầy
Chẳng ai thấy họ đứng đây
Do nghiệp nên họ trương thây khóc thầm.

(3)

Vậy nên người có từ tâm
Nhớ cho thân hữu tình thâm nhiều đời
Thức ăn, vật uống đầy vơi
Tốt đẹp thù diệu đúng thời thí ban.

(4)

Món ăn tặng đến họ hàng
Mong bà con được lạc an no lòng
Sanh loài quỷ đói ốm tong
Tề tựu chỗ đó cùng dòng quyến thân.

(5)

Cầu mong phước báu ai lân
Chúc lành đầy đủ vẹn phần cháo cơm
Cầu cho quyến thuộc hoa đơm
Sống lâu hưởng lợi bao gồm hiện nay.

(6)

Vì tâm kính lễ hiện bày
Thí chủ thọ hưởng quả này khôn nguôi
Cõi đó nghiệp báo ngậm ngùi
Không thể cày cấy, không nuôi thú cầm.

(7)

Cũng không buôn bán, làm ăn
Cũng không trao đổi tiền vàng như ta
Họ hàng ngạ quỷ gần xa
Sống nhờ bố thí đợi qua luân hồi.

(8)

Như nước đổ xuống lưng đồi
Chảy trôi tận đáy xuống rồi vực sâu
Bố thí tại chỗ mong cầu
Cấp cho ngạ quỷ hết sầu đói thây.

(9)

Như lòng sông nước tràn đầy
Xuôi nguồn về biển sum vầy đại dương
Bố thí tại chỗ này thường
Cấp cho ngạ quỷ lòng thương ruột rà.

(10)

Người ấy từng đã cho ta
Giúp cho làm việc cũng là cố nhân
Nên gọi quyến thuộc thân bằng
Bố thí ngạ quỷ, chúng hằng thực thi.

(11)

Không than khóc, chẳng sầu bi
Không thương, không tiếc cách chi buồn lòng
Dầu thương quỷ đói hằng mong
Lao tâm khổ trí cũng không ích gì.

(12)

Cúng dường vật thực thiết thi
Đến ngôi Tăng bảo trai nghi khéo bày

Lợi ích hồi hướng sâu dày
Ngạ quỷ hưởng trọn tự rày về sau.

(13)
Lời vàng vi diệu biết bao
Cội nguồn Chánh pháp dạt dào Phật ân
Độ cho quyến thuộc yên phần
Trọng người đã khuất sáng ngần thơm hương,
Chư Tăng lại biết cúng dường
Tăng lòng dõng mãnh con đường xuất gia
Công cao, đức lớn rộng xa
Người còn, kẻ mất thật là mãn viên. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

10. KINH LÒNG TỪ

(Trích KINH *TIỂU BỘ, TIỂU TẬP*)

Kinh văn uy đức lạ thường
Dạ-xoa ghê sợ bốn phương ẩn mình
Ngày đêm trì tụng chân kinh
Canh ba ngon giấc không sinh mộng sầu
Nguyện xin tụng niệm tròn câu
Hỡi chư Hiền giả tầm cầu lắng nghe:

(1-3)
Hiền nhân sáng tợ trăng hè
Cầu niềm an lạc chở che thân lành
Huân tu giáo pháp cao thanh
Nghị lực, chơn chất, lòng thành thẳng ngay
Hiền hòa, tùy thuận xưa nay
Sống không kiêu mạn, tự rày khiêm nhu
Nhẹ nhàng như gió mùa thu
Tự thân tri túc công phu vững vàng

Đạm thanh, không sống rộn ràng
Lục căn sáng tỏ bình an vô cùng
Hiển minh giữa chốn mông lung
Trí tuệ viên mãn khắp cùng châu thân
Có lòng tự trọng xa gần
Không tâm quyến niệm ân cần điều chi
Vượt xa nhận thức ngu si
Dù là ác nhỏ cũng thì lánh xa
Bậc Hiền trí chẳng ngợi ca
Lại luôn chê trách nếu ta phạm vào
Nguyện lành từ trước về sau
Sinh linh hạnh phúc, dạt dào hỷ hoan.

(4-5)
Với chúng sinh khắp muôn ngàn
Không phân phàm thánh hay hàng nhỏ to
Trung bình, cao lớn, gầy gò
Thấp cao, dài ngắn chẳng so chẳng bì
Tế thô cũng chẳng tính chi
Hữu hình, vô tướng kể gì gần xa
Muôn loài đồng đẳng thôi mà
Chưa sinh hoặc đã sinh ra thành hình
Nguyện cho tất cả sanh linh
Tràn đầy hạnh phúc hiển minh đời đời.

(6)
Chớ nên khinh rẻ mọi người
Đừng làm tàn hại để đời nhẹ yên

Cùng nhau sống trọn tánh hiền
Du phương hành đạo trăm miền an vui
Sân si đừng niệm dập vùi
Bỏ luôn hiềm hận ngậm ngùi lòng ta
Đừng mong người khổ kêu la
Cùng nhau trỗi khúc hoan ca khải hoàn.

(7)
Tình thương mở khắp thế gian
Như người hiền mẫu yêu đàn con thơ
Hy sinh vô bến vô bờ
Ấp ôm bảo dưỡng suốt đời vì con
Phát tâm vô lượng như non
Lòng từ ban rải như hòn núi cao.

(8)
Đại bi như sóng ba đào
Hồng trần khổ hải rước vào thuyền nan
Nguyện cùng khắp mọi không gian
Phương trên, phương dưới hay đang quanh mình
Hẹp hòi, oan trái bất minh
Giận hờn, căm ghét tận tình diệt tiêu.

(9)
Oai nghi từ sáng đến chiều
Nằm ngồi, đi đứng tâm đều biết ngay
Luôn luôn an trú niệm này
Tròn nên Phạm hạnh pháp đây mà thành.

(10)

Ai trừ kiến chấp cho nhanh
Khéo trì học giới tinh anh sáng ngần
Không còn ái nhiễm dục trần
Thành tựu chánh trí muôn phần tốt tươi
Dứt đường câu hữu hậu đời
Không thai sanh nữa nhẹ vơi nghiệp này.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

11. KINH CHIM KHỔNG TƯỚC

(Trích *KINH TIỂU BỘ,* CHUYỆN TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT, SỐ 159)

Thuở Thế Tôn còn thân Bồ-tát
Vạn đời xưa tu các hạnh lành
Tích gom pháp độ tinh anh
Gọi là bổ túc tác thành Như Lai.

Một kiếp nọ hình hài tác tạo
Trong loài chim hành đạo giữa rừng
Bốn mùa từ Hạ sang Xuân
An vui ca hót vui mừng thanh tao.

Đoàn thợ săn dùng bao phương cách
Chỉ tổn hơi phủi sạch tay không
Bảy đời mà vẫn luống công
Loài chim Khổng Tước thinh không chao mình.

Nhờ thần chú oai linh đại lực
Bảo hộ người tâm đức an nhiên
Được chư thiện trí trăm miền
Cho là thần chú Phạm thiên thọ trì.

Hãy hội họp thiết thi truyền tụng
Phụng hành kinh uy dũng phi phàm
Thần minh sáng tỏ già-lam
Mười phương chứng chiếu việc làm Hiền nhân.

"Vua độc nhất mắt thần đang tỏ
Sắc đượm màu chiếu rõ thế gian
Đất liền một dải minh quang
Nguyện xin đảnh lễ ánh vàng rạng soi.
Ngài bảo hộ thân tôi mọi lúc
Trọn ngày đêm tương tục xa gần
Thánh nhân cùng các chân nhân
Tuệ tri vạn pháp chuyên cần vô biên.
Con đảnh lễ Tôn Hiền chư Phật
Vị Bồ-đề cùng bậc Pháp Vương
Bậc Thầy Giải Thoát một đường
Như Lai đượm vị thơm hương xuất trần."

Chú bảo hộ muôn phần cao quý
Vừa đọc xong hoan hỷ tột cùng
Cúi đầu lạy tạ kính cung
Hiện thân Khổng Tước ung dung tìm mồi.

“Vua duy nhất cho đôi tròng mắt
Đang lặn dần... quả đất bừng lên
Đất liền một dải tạo nên
Nguyện xin đảnh lễ xây nền tương lai.
Vua bảo hộ trọn ngày an ổn
Sống an toàn, nguy khốn khỏi thân
Thánh nhân cùng các chân nhân
Tuệ tri vạn pháp chuyên cần vô biên.
Con đảnh lễ Tôn Hiền chư Phật
Vị Bồ đề cùng bậc Pháp Vương
Bậc Thầy Giải Thoát một đường
Như Lai đượm vị thơm hương xuất trần.”

Chú bảo hộ muôn phần cao quý
Vừa đọc xong hoan hỷ tột cùng
Cúi đầu lạy tạ kính cung
Hiện thân Khổng Tước ung dung giấc nồng.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

12. KINH RẢI TÂM TỪ ĐẾN CÁC LOÀI RẮN CHÚA

(TRÍCH *KINH TIỂU BỘ*)

(1-2)

Hỡi chư Hiền giả thiện tri
Thường nên chánh niệm thọ trì lời kinh
Như là thiên dược, chú linh
Dứt tiêu nọc độc, cảnh tình nguy nan
Hộ ta trước những tai nàn
Ác trùng, thú dữ... vô vàn chướng duyên
Tụng kinh thân thể bình yên
Nhất tâm kính bái chư Hiền lắng nghe:

(3)

Tâm từ rải rộng xa
Mười phương cõi bao la
Hướng tới dòng rắn chúa
Hiệu Vi-rù-bắc-kha.

Tâm từ rải rộng xa
Mười phương cõi bao la
Hướng tới dòng rắn chúa
Hiệu Ê-rà-ba-tha.
Tâm từ rải rộng xa
Mười phương cõi bao la
Hướng tới dòng rắn chúa
Hiệu Chắt-già-pút-ta.
Tâm từ rải rộng xa
Mười phương cõi bao la
Hướng tới dòng rắn chúa
Cang-hà Gô-ta-ma.

(4)

Tâm từ vô lượng diệu oai
Tôi xin rải đến các loài không chân,
Rải tâm đến khắp xa gần
Chúng sinh lưỡng túc muôn phần tốt tươi,
Rải tâm chân thiện nụ cười
Đến loài tứ túc vạn đời vĩnh yên.
Tâm từ rải khắp trăm miền
Chúng sinh đa túc thảy liền lạc bang.

(5)

Nguyện xin chủng loại các hàng
Không chân thấp bé mọi đàng nhỏ nhoi
Hai chân được tính một loài,

Bốn chân cũng vốn cùng nòi ước mong,
Nhiều chân cũng tính một dòng
Xin đừng làm khổ đến đồng loại nhau
Sinh thân giữa cõi ba đào
Đừng làm tôi khổ, lúc nào cũng vui.

(6)

Tâm từ không sụt, không lùi
Nguyện xin ban rải ngược xuôi khắp cùng
Mọi loài vô thủy vô chung
Đều là sinh mạng tương phùng dựa thân
Các loài hiện hữu cõi trần
Nguyện đều gặp cảnh vẹn phần đẹp xinh
Không ai trong các hữu tình
Gặp điều đau khổ, nhẹ mình khoan thai.

(7)

Con thường đem hết tâm này
Niệm Ba ngôi báu đêm ngày không quên:
Thánh Ân Phật bảo vững bền
Thánh Ân Pháp bảo đường lên Niết-bàn
Thánh Ân Tăng bảo chứa chan
Ba ngôi cao quý các hàng về nương.
Nguyện cho sinh chúng các đường:
Rắn, rết, bò cạp, ễnh ương, tắc kè
Chuột, mèo, ong, nhện, bọ que…
Muôn loài máy cựa kết bè nghiệp duyên

Các loài thú tính chẳng hiền
Xin đừng làm hại để yên con nhờ.

(8)

Con quỳ giữa cõi trùng khơi
Thành tâm lạy Phật mãi lời kính tôn
Từ thân cho đến phần hồn
Hồi đầu theo đức Thế Tôn tu hành.
Thời gian là nước trôi nhanh
Từ vô thủy đến hiện hành kiếp nay
Bảy ngôi Đại Giác Như Lai
Con xin đảnh lễ kiếp này nương thân
Có nơi bảo hộ yên phần
Có nơi trì hộ tinh thần như non
Niềm tin bất động hằng còn
Một lòng kính niệm sắt son tận tình
Nguyện cầu tất cả chúng sinh
Tránh xa đừng hại thân mình đời tôi.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

MƯỜI ĐIỀU PHÁT NGUYỆN

(1)

Một nguyền phát thệ Quy y
Trước đài sen báu con quỳ kính dâng
Quay về theo Phật - Pháp - Tăng
Trang nghiêm, thanh tịnh, thường hằng cao ngôi. O

(2)

Hai nguyền giữ giới trọn đời
Năm điều đạo đức và mười thiện duyên
Phát tâm trì thọ tốt hiền
Cho thân khẩu ý xa miền trần ai. O

(3)

Ba nguyền diệt ác sâu dày
Từ vô thủy kiếp đến nay rất nhiều
Thân tâm khổ biết bao nhiêu
Ngũ triền, tam độc thảy đều diệt tan. O

(4)

Bốn nguyền nương bóng y vàng
Tu hành thiện đức muôn ngàn pháp môn
Việc lành ngày tháng luyện ôn
Nguyện làm tất cả cho hồn sáng trong. O

(5)

Năm nguyền giữ sạch tấm lòng
Tâm con phẳng lặng tốt ròng như gương
Tâm này như đóa hướng dương
Suốt đời chỉ hướng một phương Phật đài. O

(6)

Sáu nguyền tin chắc không sai
Niềm tin bất động với Ngài Đạo sư
Tăng là một cõi tâm từ
Xả thân sẽ hưởng Vô-dư Niết-bàn. O

(7)

Bảy nguyền hòa hợp lạc bang
Bàn tay kết nối với hàng đệ huynh
Chung nhau một kiếp hữu tình
Bát y nối bước lộ trình vô ưu. O

(8)

Tám nguyền vượt thoát mây mù
Sáu thời tinh tấn công phu vuông tròn

Hành thiền chỉ quán sắt son
Dù sinh, dù tử mãi còn khôn nguôi. O

(9)
Chín nguyền nghĩ đến vạn người
Tâm từ ban rải khắp nơi thái hòa
Giúp đời trọn khúc hoan ca
Hóa sinh Phật cảnh trên tòa sen thiêng. O

(10)
Mười xin nghĩ đến mọi miền
Phước này hồi hướng tạo duyên Bồ-đề
Chúng sinh vượt bến sông mê
Đường trần trở gót quay về Phật môn.O

NAM-MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT. OOO

PHỤC NGUYỆN

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật tác đại chứng minh! Nam-mô đức Tổ sư Minh Đăng Quang khai sáng Phật giáo Khất sĩ Việt Nam tác đại chứng minh! Nam-mô chư vị đức Thầy, Thánh hiền Tăng tác đại chứng minh!

Hôm nay duyên lành hội đủ
Chúng con quỳ dưới đài sen
Thành tâm phúng tụng chân kinh
Thực hành Chánh pháp một thời
Thọ dụng pháp hỷ sung mãn
Thọ trì kinh văn, sám nguyện
Cùng niệm chư Phật hồng danh.
Giờ này vì chúng hữu tình
Nguyện dâng ngũ phần hương báu
Đại chúng nhất tâm phục nguyện
Cúng dường lên ngôi Tam bảo:

Phật bảo Tôn hiệu Thích-ca
Pháp bảo như ngọc sáng loà
Tăng bảo lục hoà thanh tịnh.
Nguyện đền Tứ ân vô lượng
Noi theo hạnh nguyện Tổ sư
Báo hiếu phụ mẫu hiện tiền
Cầu siêu Cửu huyền quá vãng.
Nguyện vì chúng sanh ba cõi
Lục đạo trôi nổi không cùng
Bao đời vô thuỷ vô chung
Khổ đau không lời xiết kể.
Nương thuyền từ bi, trí tuệ
Trở gót quy hướng Phật-đà
Nương nhờ đạo lực thiền-na
Tốc xả mê đồ tăm tối
Dứt sạch trần lao trọng tội
Tịnh Cư bất thoái vãng sanh
Hạnh nguyện tu tập chóng thành
Niết-bàn Vô dư sớm đắc.
Phổ nguyện khắp trời Phạm vũ
Tăng chúng hòa hợp thanh tu
Đạo pháp ngàn năm vĩnh thạnh
Lạc bang khắp cả trời người.
Nguyện cầu các cõi nhân thiên
Chúng sinh trong ba đường khổ
Ngạ quỷ và chúng Tu-la
Cùng hàng thiên long bát bộ

Tất thảy quy y Tam bảo
Trọn đời nghiêm trì giới luật
Thiền định, trí tuệ bừng soi
Giải thoát tri kiến thanh tịnh.
Nguyện cho các chúng hữu tình
Khắp cùng pháp giới chúng sinh
Âm siêu, dương thới tròn xong
Tất thảy trọn thành Phật đạo. O

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT O

TAM TỰ QUY Y

Tự quy y Phật
Cầu cho chúng sanh
Hiểu rõ đạo lành
Phát lòng vô thượng. O

Tự quy y Pháp
Cầu cho chúng sanh
Kinh luật hiểu rành
Trí huệ như biển. O

Tự quy y Tăng
Cầu cho chúng sanh
Hiệp chúng đồng tình
Chẳng hề trở ngại. OOO

PHỤ LỤC I
NGUỒN GỐC & Ý NGHĨA 32 KINH THƠ TRÍCH TỪ TẠNG KINH (*SUTTANTAPIṬAKA*)

*Tất cả 32 bài kinh thơ trong quyển **"Kinh Phật tuyển tụng"** này được trích dẫn từ 5 bộ **Nikāya** bản dịch Việt ngữ của HT. Thích Minh Châu.*

1. Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt

- Nguồn gốc: *Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*, dịch từ Pāli là *Sigālovāda Sutta*, kinh số 31, trong *Kinh Trường bộ (Dīghanikāya)*,

- Ý nghĩa: *Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt* trình bày một cách tổng quan các mối quan hệ song phương được tổng hòa trong nhịp sống chung của con người. Các mối quan hệ ấy không phải xuôi theo một chiều nào hay ngược hướng một phương nào mà các bên phải giữ tròn bổn phận với nhau theo 5 chi pháp cụ thể. Và trên nền tảng 6 phương, đức Phật thí dụ cho 6 mối quan hệ căn bản nhất trong xã hội: cha mẹ - con cái, thầy - trò, vợ - chồng, anh - em, chủ - tớ, Sa-môn - cư sĩ.

2. Kinh Tất cả lậu hoặc

- Nguồn gốc: *Kinh Tất cả lậu hoặc,* dịch từ Pāli là *Sabbāsava Sutta* thuộc kinh số 2 trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Đức Phật khẳng định Ngài giảng dạy về sự diệt tận cho người trí chứ không phải cho kẻ ngu. Như vậy, các loại lậu hoặc khởi sinh do con người không như lý tác ý mà thành và người có như lý tác ý sẽ khéo đoạn trừ các lậu hoặc này. Trên nền tảng đó, đức Phật dạy có bảy pháp cách đoạn trừ lậu hoặc do: tri kiến, phòng hộ, thọ dụng, kham nhẫn, tránh né, trừ diệt và tu tập.

3. Kinh Thừa tự pháp

- Nguồn gốc: *Kinh Thừa tự pháp*, dịch từ Pāli là *Dhammadāyāda Sutta,* kinh số 3, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Đây là bài kinh đức Phật dạy một vị đệ tử xuất gia chân chính cần phải là người thừa tự Pháp và Luật của Như Lai, không phải là kẻ thừa tự tài vật cho dù đó là y bát. Nhờ sự thừa tự pháp đó mà thế gian tán thán Thầy và trò xuất gia vì mục tiêu giác ngộ, giải thoát, không phải vì manh áo, chén cơm.

4. Kinh Niệm xứ

- Nguồn gốc: *Kinh Niệm xứ*, dịch từ Pāli là *Satipaṭṭhāna Sutta,* kinh số 10 trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: *Kinh Niệm xứ* là một lộ trình vô cùng quan trọng xây dựng đường lối tu tập thiền chỉ và thiền quán đưa đến mục tiêu Niết-bàn tối hậu. Đức Phật khẳng định đây là con đường độc nhất để vào Tứ quả Sa-môn, chấm dứt vòng luân hồi ngay trong hiện tại. *Kinh Niệm xứ* dạy bốn pháp quán: quán thân trên thân, quán thọ trên cảm thọ, quán tâm trên tâm và quán pháp trên pháp.

5. Kinh Tư lượng

- Nguồn gốc: *Kinh Tư lượng*, dịch từ Pāli là *Anumāna Sutta*, kinh số 15, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Đây là bài kinh do Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thuyết giảng cho các Tỳ-kheo đồng Phạm hạnh và tân học tại Vườn Nai. Ngài đã nêu ra 16 ác pháp làm cho một Tỳ-kheo biến thành khó dạy, khó bảo và không thể tiến thủ trên con đường giải thoát. Do đó, người tu hành cần phải đoạn trừ 16 ác pháp này một cách chủ động, như người mỗi sáng soi mặt trong gương hay dưới ao nước để kịp thời thấy rõ bụi bẩn bám trên mặt mà rửa sạch.

6. Đại kinh Thí dụ lõi cây

- Nguồn gốc: *Đại kinh Thí dụ lõi cây*, dịch từ Pāli là *Mahāsāropama Sutta*, kinh số 29, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Nhân sự kiện Đề-bà-đạt-đa dẫn 500 tân học Tỳ-kheo ra đi rời bỏ Tăng đoàn, đức Phật đã tuyên thuyết lời dạy về thí dụ lõi cây. Người xuất gia lấy mục tiêu giải thoát làm đầu cũng như thợ gỗ đi tìm lõi cây. Tuần tự cành lá tượng trưng cho lợi dưỡng và cung kính, vỏ ngoài là giới đức, vỏ trong là thiền định, giác cây là tri kiến, lõi cây là bất động tâm giải thoát. Nếu dừng lại tự mãn ở giai đoạn nào cũng dễ rơi vào ác pháp tự khen mình chê người và bị rời khỏi

con đường chí thiện. Chỉ khi nào vị Tỳ-kheo đạt được *Bất động tâm giải thoát* mới thật sự chấm dứt đau khổ hoàn toàn.

7. Tiểu kinh Người chăn bò

- Nguồn gốc: *Tiểu kinh Người chăn bò*, dịch từ Pāli là *Culāgopālaka Sutta*, kinh số 34, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Đứng trước dòng sông Hằng chảy xiết, đức Phật lấy hình ảnh hai người mục đồng lùa bò qua sông với sự ngu muội hay thông minh. Kẻ ngu muội không biết được dòng chảy và bãi bờ an toàn nên lùa bò qua sông ở chỗ hiểm nguy làm cả bầy bị nước cuốn trôi. Ngược lại, người thông minh nhờ hiểu rõ thủy trình và bãi cạn nên lùa bò qua sông một cách an toàn. Dòng sông biểu trưng cho ma vương và tử thần, nhờ giáo pháp của đức Phật mà con người lội cắt qua dòng sông này theo các hạng bậc từ A-la-hán dần xuống A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn và bậc Hiền nhân thành tựu *tùy pháp hành*, *tùy tín hành*.

8. Kinh Thôn Tiên

- Nguồn gốc: *Kinh Thôn Tiên*, dịch từ Pāli là *Isigili Sutta*, kinh số 116, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Đây là bài kinh xướng tụng tôn hiệu của các vị Phật Độc Giác đã chứng đắc tại đỉnh núi Thôn Tiên. Mỗi danh hiệu các Ngài được thốt lên có vô lượng thần lực và oai đức lớn. Một số quốc gia Nam truyền sử dụng bản kinh này vào nghi thức trì tụng như là một bản kinh Hộ trì chính thống.

9. Kinh Hy hữu vị tằng hữu pháp

- Nguồn gốc: *Kinh Hy hữu vị tằng hữu pháp*, dịch từ Pāli là *Acchariya – Abhuta Dhamma Sutta*, kinh số 123, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Nhân sự kiện chư Tỳ-kheo bàn luận về thần lực khó nghĩ bàn của Như Lai khi Ngài biết rõ danh tánh của vô lượng chư Phật đời quá khứ, đức Thế Tôn bèn dạy Tôn giả A-nan hãy nói lên các điều khó thấy khó gặp của đức Phật để chư Tỳ-kheo-tăng thêm niềm tịnh tín. Tôn giả A-nan đã thuật lại 19 điều hy hữu vị tằng hữu của Như Lai từ khi Ngài hóa sanh ở cõi trời Đâu-suất rồi thọ thai vào Thánh mẫu Ma-da cho đến khi đản sanh. Đức Phật xác chứng các điều đó và nói lên điều hy hữu vị tằng hữu thứ 20 của Ngài.

10. Kinh Khất thực thanh tịnh

- Nguồn gốc: *Kinh Khất thực thanh tịnh*, dịch từ Pāli là *Piṇḍapātapārisuddhi Sutta*, kinh số 151, trong *Kinh Trung bộ (Majjhimanikāya).*

- Ý nghĩa: Tôn giả Xá-lợi-phất là một trong các vị Thánh đệ tử vô cùng lỗi lạc được đức Phật khen tặng là Tướng quân Chánh pháp với trí tuệ đệ nhất. Một hôm, nhân sự kiện Tôn giả Xá-lợi-phất kính đáp bản thân an trú phần lớn với Không trú, đức Thế Tôn bèn dạy rằng: Từ chỗ trú xứ cho đến nơi khất thực và từ nơi khất thực trở về trú xứ, một Hiền giả cần phải suy tư, quán sát những pháp môn tu tập từ căn bản đến thâm sâu. Đặc biệt, Hiền giả cần phải tự hỏi bản thân đã chứng đạt Minh và Giải thoát hay chưa? Đây là pháp làm cho việc khất thực được thanh tịnh.

11. Kinh Bộc lưu

- Nguồn gốc: *Kinh Bộc lưu*, dịch từ Pāli là *Oghataraṇa Sutta*, kinh số 1, phẩm Cây lau, chương I: Tương ưng Chư thiên, thiên Có kệ, trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya)*.

- Ý nghĩa: Bộc lưu là một xoáy nước dữ dội cuốn chìm vào đó tất cả mọi sinh vật và đồ vật trôi qua trên dòng sông. Theo *Chú giải Kinh Tương ưng (Sāratthadīpanī)* của Ngài Sāriputta Thera thế kỷ XII, chìm xuống *(saṃsīdati)* hay trôi dạt *(nibbuyhati)* vô định đều là những ách nạn. Theo bản *Chú giải* "chìm xuống" là tham ái, thường kiến, lười biếng, lợi dưỡng và ác hiệp thế; còn "trôi dạt" là tà kiến, đoạn kiến, phóng dật, khổ hạnh và thiện pháp hiệp thế. Lý tưởng tối hậu để không rơi vào bộc lưu chính là tinh thần vượt qua *(tarati)*, còn gọi là vượt chấp trước ở đời.

12. Kinh Đầu ngọn cờ

- Nguồn gốc: *Kinh Ngọn cờ*, dịch từ Pāli là *Dhajagga Sutta*, kinh số 3, phẩm Thứ nhất, chương XI: Tương ưng Sakka, thiên Có kệ, trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya)*.

- Ý nghĩa: Đức Phật lấy chuyện chiến đấu của thiên nhân và a-tu-la để nói lên uy đức của Tam bảo. Thiên chủ Đế-thích ở cõi trời Ba Mươi Ba bảo thiên chúng khi lâm trận nếu có sợ hãi hãy nhìn lên lá cờ của mình hoặc lá cờ của các thiên vương khác thì nỗi sợ sẽ tiêu tan. Tuy nhiên, khi nhìn cờ, nỗi sợ ấy có khi biến mất có khi vẫn còn vì các Thiên vương vẫn chưa thoát ly sinh tử. Chỉ có oai đức Tam bảo mới có năng lực thù thắng bảo hộ cho hiền giả mỗi khi niệm tưởng nhất là khi độc cư nơi xa vắng.

13. Kinh Vô ngã tướng

- Nguồn gốc: *Kinh Vô ngã tướng*, dịch từ Pāli là *Anattalakkhaṇa Sutta*, thuộc kinh số 7: Kinh Năm vị (Vô ngã tưởng), phẩm Tham luyến, phần B: Năm mươi kinh ở giữa, chương I: Tương ưng Uẩn, thiên Uẩn trong *Kinh*

Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya).

- Ý nghĩa: Tại vườn Lộc Uyển, đức Phật giảng *Kinh Chuyển pháp luân* cho năm vị tu sĩ trước đây đã từng sống chung tu theo pháp khổ hạnh với mình. Đức Phật lưu lại đây và giảng tiếp *Kinh Vô ngã tướng*, nhằm mục đích giúp cho tất cả các vị ẩn sĩ được bước vào dòng Thánh. Như thế, *Kinh Vô ngã tướng* chính là bản kinh thứ nhì trong *Tam tạng kinh* điển. Kinh này lấy ngũ uẩn làm đối tượng quán chiếu để thấy rõ tam tướng: vô thường, khổ và vô ngã. Từ đó, các vị Tỳ-kheo đắc ngay A-la-hán quả hay 3 quả vị thấp hơn còn lại tùy theo căn cơ của từng người.

14. Kinh Lửa cháy

- Nguồn gốc: *Kinh Lửa cháy*, dịch từ Pāli là *Aditta-pariyaya Sutta*, kinh số 28: Bị bốc cháy, phẩm III: Tất cả, thiên Sáu xứ, trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya).*

- Ý nghĩa: Vài tháng sau khi giác ngộ, đức Phật giảng bài pháp này cho 1.000 tu sĩ theo phái thờ thần lửa. Qua lối giảng siêu việt, đức Phật đã dùng ví dụ về lửa cháy (lửa tham, lửa sân, lửa si) để dạy về tâm xả ly đối với các cảm thọ qua sáu căn. Sau khi nghe bài giảng này, toàn thể thính chúng đều đắc quả A-la-hán.

15. Kinh Ví dụ khúc gỗ thứ nhất

- Nguồn gốc: *Kinh Khúc gỗ*, dịch từ Pāli là *Kaṭṭha Sutta*, kinh số 200: Khúc gỗ, phẩm IV: Rắn, chương I: Tương ưng Sáu xứ, thiên Sáu xứ, trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya).*

- Ý nghĩa: Khi Tăng đoàn đang ở bên bờ sông Hằng, đức Thế Tôn chỉ tay vào một khúc gỗ dưới dòng sông và bảo chư Tỳ-kheo: Nếu không sa vào tám nạn thì khúc cây sẽ trôi ra biển vì sông Hằng chảy thẳng ra đó. Cũng vậy, nếu không sa tám chướng ngại, vị Tỳ-kheo sẽ thể nhập Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì chánh tri kiến hướng thẳng đến Niết-bàn.

16. Kinh Bệnh

- Nguồn gốc: *Kinh Bệnh*, dịch từ Pāli là *Gilāna Sutta*, kinh số 16: Bệnh (3), phẩm II: Phẩm về bệnh, chương II: Tương ưng Giác chi, thiên Đại trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya).*

- Ý nghĩa: Trong một lần đức Thế Tôn trở bệnh nặng, Tôn giả Thuần-đà đến viếng thăm. Tôn giả Thuần-đà thuyết tuần tự về Bảy giác chi theo lời yêu cầu của đức Phật. Sau khi nghe lời tuyên thuyết xong, đức Thế Tôn xác nhận đây là Bảy giác chi do Như Lai chơn chánh nói ra và sau đó cơn bệnh liền tiêu tan.

17. Kinh Thích-tử Ma-ha-nam

- Nguồn gốc: *Kinh Thích-tử Ma-ha-nam*, dịch từ Pāli là *Mahānāma Sutta*, kinh số 21: Ma-ha-nam (1), phẩm III: Saraṇāni, chương XI: Tương ưng Dự lưu, thiên Đại trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya)*.

- Ý nghĩa: Sau khi lễ Phật trở về nhà, Thích-tử Ma-ha-nam gặp một đám đông cuồng loạn gồm người, xe và thú vật giẫm đạp lên nhau tìm sinh lộ làm tâm hồn ông hoảng loạn. Khi ấy, ông không thể nhớ niệm ngôi Tam bảo nên hối hả trở lại tịnh xá kính hỏi đức Thế Tôn rằng nếu chết trong tâm trạng ấy thì sẽ ra sao? Đức Phật liền an ủi: "Không ác và hiền thiện là cái chết của ông." Ngài lại dạy: người cư sĩ cần phải tu tập trọn vẹn về tín, giới, sở văn, thí xả và trí tuệ thì tâm sẽ trở nên thù thắng. Nhờ đó, Ma-ha-nam lấy lại được tâm định tĩnh.

18. Kinh Chuyển pháp luân

- Nguồn gốc: *Kinh Chuyển Pháp luân*, dịch từ Pāli là *Dhammacakkappavattana Sutta*, kinh số 11: Như Lai thuyết, phẩm II: Chuyển pháp luân, chương XII: Tương ưng Sự thật, thiên Đại, trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya)*.

- Ý nghĩa: *Kinh chuyển Pháp luân* là bài thuyết Pháp đầu tiên của đức Phật Thích-ca Mâu-ni sau khi Ngài đã đắc quả Chánh đẳng giác. Ngài đã thuyết giảng bài kinh này cho 5 người bạn đồng tu khổ hạnh với Ngài trước kia là Kondañña (Kiều-trần-như), Bhaddiya, Vappa, Mahanama, Asaji tại vườn Lộc Uyển (Deer Park). Với tiêu đề trừ bỏ hai cực đoan khổ hạnh và dung dưỡng, đức Thế Tôn trình bày con đường Trung đạo trên nền tảng là Tứ diệu đế. Với ba chuyển và mười hai hành, đức Thế Tôn đã vận chuyển bánh xe chánh pháp lần đầu tiên, mở ra con đường giải thoát cho chúng sinh tại cõi ta-bà.

19. Kinh Lỗ ách

- Nguồn gốc: *Kinh Lỗ ách*, dịch từ Pāli là *Chiggaḷa Sutta*, kinh số 47: Lỗ ách (2), phẩm V: Vực thẳm, chương XII: Tương ưng Sự thật, thiên Đại trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya)*.

- Ý nghĩa: "Kinh Lỗ ách" đề cập đến chuyện ách cây có lỗ hay bộng cây nổi và con rùa mù. Hình ảnh này được đức Phật dùng để thí dụ cho nhiều sự kiện mà nổi bật nhất là một khi mất thân người muôn kiếp khó lấy lại, Như Lai khó xuất hiện ở đời hay Pháp và Luật của Thế Tôn khó được nghe. Tuy nhiên, bài kinh này lại nói đến việc một khi chúng sinh bị sa đọa vào 4 đường ác thì chịu sự khổ hình khốc liệt còn lâu xa hơn vô số lần so với con

rùa mù tìm được bọng cây đó. Do vậy, đức Phật dạy ngay trong đời này phải tu tập cho được liễu tri Tứ thánh đế.

20. Kinh Rừng Sim-sa-pa

- Nguồn gốc: *Kinh Rừng Sim-sa-pa*, dịch từ Pāli là *Siṃsapā Sutta,* kinh số kinh 31: Siṃsapā, phẩm VI: Rừng Siṃsapā, chương XII: Tương ưng Sự thật, thiên Đại, trong *Kinh Tương ưng bộ (Saṃyuttanikāya)*.

- Ý nghĩa: Sim-sa-pa là loại gỗ thường thấy trong rừng Ấn Độ khá giống với loài gỗ trắc đỏ ở Việt Nam. Tại xứ Kiều-thưởng-di, đức Phật thường cùng Tăng đoàn tĩnh tọa trong rừng cây này. Một hôm, đức Phật hốt một nắm lá rừng để nói cho các Tỳ-kheo biết rằng pháp mà Ngài nói ra dù chỉ là số ít như trong một nắm tay nhưng chúng đều liên hệ đến mục đích cứu cánh Niết-bàn, còn pháp mà Ngài thắng trí dẫu nhiều vô số như lá cây rừng nhưng Ngài không nói vì chúng không liên hệ đến mục tiêu giải thoát.

21. Kinh Thuận dòng

- Nguồn gốc: *Kinh Thuận d*òng, dịch từ Pāli là *Anuvāta Sutta*, kinh số 5: Thuận dòng, phẩm I: Bhandagana, chương Bốn pháp, trong *Kinh Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya)*.

- Ý nghĩa: Đức Phật tuyên thuyết có 4 hạng người có mặt trên đời: kẻ thuận dòng đời là đang thụ hưởng dục lạc, người đi ngược dòng đời là dừng lại sự hưởng dục để chuyên lo tu hành, người lội ngang dòng là vị đã đoạn trừ 5 hạ phần kiết sử đắc quả A-na-hàm, vị qua bờ đứng trên cao là đã đoạn trừ 10 kiết sử đắc quả A-la-hán.

22. Kinh Tôn giả Ưu-đà-di

- Nguồn gốc: *Kinh Tôn giả Ưu-đà-di*, dịch từ Pāli là *Udāyī Sutta*, kinh số 159: Tôn giả Udāyī, phẩm XIII: Bệnh, chương Năm pháp, trong *Kinh Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya)*.

- Ý nghĩa: Bài kinh này đức Phật dạy vị giảng sư thuyết pháp cần phải tác ý 5 điều: Lời nói theo tuần tự thứ lớp, văn cú rõ ràng, nói bằng tâm từ, không vì lợi dưỡng, thuyết vì lợi ích cho mình và người bằng thiện nghiệp.

23. Kinh Gia chủ

- Nguồn gốc: *Kinh Gia chủ*, dịch từ Pāli là *Gahapati Sutta*, kinh số 179: Gia chủ, phẩm XVIII: Nam cư sĩ, chương Năm pháp, trong *Kinh Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya)*.

- Ý nghĩa: Đây là bài kinh đức Phật thuyết cho cư sĩ Cấp Cô Độc và các

người bạn của ông. Đức Phật nói lên tố chất của người Phật tử phải đầy đủ Tam quy, Ngũ giới và Bốn đức tin tuyệt đối bất động về Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Cuối bài kinh đức Thế Tôn hướng các vị nghe pháp đến mục tiêu quả Dự lưu, từ đây có thể tự tuyên bố chấm dứt khổ đau nơi 4 cõi ác.

24. Kinh Tiếng rống sư tử

- Nguồn gốc: *Kinh Tiếng rống sư tử*, dịch từ Pāli là *Sīhanāda Sutta,* kinh số 11: Sau khi an cư, phẩm II: Tiếng rống sư tử, chương Chín pháp, trong *Kinh Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya).*

- Ý nghĩa: Nhân sự kiện một Tỳ-kheo vu oan cho mình, Tôn giả Xá-lợi-phất đã thể hiện tâm đức qua 9 ví dụ về tính khiêm hạ dưới sự chứng minh của đức Thế Tôn. Ngang qua đó, chỉ những ai không có thân hành niệm mới làm tổn hại người khác, còn Tôn giả Xá-lợi-phất luôn an trú thân hành niệm nên không hề thương tổn một ai.

25. Kinh Người thợ rèn Thuần-đà

- Nguồn gốc: *Kinh Người thợ rèn Thuần-đà,* dịch từ Pāli là *Cunda Kammaraputta Sutta*, kinh số 176: Cunda - người thợ rèn, phẩm XVII: *Jāṇussoṇi*, chương Chín pháp, trong *Kinh Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya).*

- Ý nghĩa: Nhân duyên trú chân trong ngôi nhà cỏ của người thợ rèn Thuần-đà, đức Thế Tôn hỏi về đời sống tâm linh của người gia chủ. Khi biết người thợ rèn ngưỡng mộ các vị thầy ở hướng Tây theo các chủ trương và lễ nghi tà kiến, đức Phật đã tuyên thuyết về mười nghiệp ác và mười nghiệp thiện. Nghe xong thời pháp, Thuần-đà khởi lên chánh tri kiến và xin quy y Tam bảo.

26. Kinh Người xuất gia luôn quán sát

- Nguồn gốc: *Kinh Người xuất gia luôn quán sát,* dịch từ Pāli là *Pabbajitaabhiṇha sutta*, kinh số 48: Các pháp, phẩm IV: Upāli và Ananda, chương Mười pháp, trong *Kinh Tăng chi bộ (Aṅguttaranikāya).*

- Ý nghĩa: Kinh này nói lên mười điều niệm tưởng vô cùng thiết yếu của người xuất gia. Từ việc quán chiếu tự ngã trên tinh thần vô thường, khổ, vô ngã đến bản thể của nghiệp và tự soi lòng về đức hạnh của bản thân mình. Nhất là khi đến cuối đời, phải tự hỏi ta có thành tựu được con đường Phạm hạnh chút nào chưa để không hổ thẹn khi có người hỏi đến.

27. Kinh Hạnh phúc

- Nguồn gốc: *Kinh Hạnh phúc*, dịch từ Pāli là *Maṅgala Sutta*, kinh số 5,

trong Kinh Tiểu tụng *(Khuddakapāṭha)* thuộc *Kinh Tiểu bộ (Khuddakanikāya).*

- Ý nghĩa: Đây là bài kinh nói đến 38 pháp hạnh phúc vô cùng căn bản. Kinh này nằm trong các bài kinh Hộ trì thuộc truyền thống Nam truyền và được trì tụng trong các khóa lễ của Phật giáo Quốc tế. Ước mong hạnh phúc không chỉ ở loài người mà còn có ở loài trời. Một vị trời đã đặt câu hỏi về hạnh phúc chân thật và được đức Phật dạy có đến 38 điều để đạt được hạnh phúc tối thượng.

28. Kinh Châu báu

- Nguồn gốc: *Kinh Châu báu*, dịch từ Pāli là *Ratana Sutta,* kinh số 6, trong Kinh Tiểu tụng *(Khuddakapāṭha)* thuộc *Kinh Tiểu bộ (Khuddakanikāya).*

- Ý nghĩa: Nhân sự kiện dân chúng tại Tỳ-xá-ly chịu ba thảm nạn: hạn hán, dịch bệnh và ác dạ-xoa, đức Thế Tôn dạy bài *Kinh Châu b*áu cho Tôn giả A-nan dẫn 500 vị A-la-hán trì tụng xung quanh thành Tỳ-xá-ly. Sau thời kinh, một cơn mưa lớn trút xuống cuốn sạch nhiễm ô, dịch bệnh và quét sạch các loại ác dạ-xoa. Từ đó, vua quan nơi này cũng quy y theo đức Phật. *Kinh Châu b*áu nói lên oai đức của Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo có khả năng hộ trì cho chúng sinh tránh được mọi nạn khổ ở đời.

29. Kinh Ngoài bức tường

- Nguồn gốc: *Kinh Ngoài bức tường*, dịch từ Pāli là *Tirokudda Sutta,* kinh số 7, trong Kinh Tiểu tụng *(Khuddakapāṭha)* thuộc *Kinh Tiểu bộ (Khuddakanikāya).*

- Ý nghĩa: Sau khi cúng dường trai phạn lên đức Phật và Tăng đoàn tại hoàng cung, đêm đó Vua Tần-bà-sa-la (Bình-sa vương) nghe tiếng kêu than thảm thiết từ ngoài bức tường thành vọng vào. Sáng hôm sau, với tâm trạng hoảng hốt, vua đến tịnh xá kính hỏi đức Phật và được biết đó là bà con nhiều kiếp lâu xa bị đọa trong loài quỷ đói đến tìm vua mong được giúp đỡ. Sau đó, vua thỉnh Phật trở lại hoàng cung để làm pháp sự bố thí cho loài ngạ quỷ được siêu thoát. Sau khi làm xong pháp sự, đức Phật dạy phải thường xuyên rải tâm từ đến các loài ngạ quỷ vì đó có thể là quyến thuộc của chúng ta. Tại cõi đấy chỉ có chịu khổ chứ không thể tu các phước lành. Họ chỉ biết trông chờ sự hồi hướng của nhân loại ở cõi này.

30. Kinh Lòng từ

- Nguồn gốc: *Kinh Lòng từ*, dịch từ Pāli là *Mettā Sutta,* kinh số 9, trong Kinh Tiểu tụng *(Khuddakapāṭha)* thuộc *Kinh Tiểu bộ (Khuddakanikāya).*

- Ý nghĩa: Đây một trong các bài kinh Hộ trì rất quan trọng. Kinh này

nói đến tố chất của bậc Hiền trí là tự thân tu học có đủ khả năng để rải lòng từ cứu độ muôn phương. Người tu hành cần phát khởi tâm đại từ đại bi vì các chúng sinh mà tìm phương trợ lực giúp đỡ họ đến cõi an vui.

31. Kinh Khổng tước

- Nguồn gốc: *Kinh Khổng tước*, dịch từ Pāli là *Mora Sutta,* kinh số 159: Chuyện con công *(Tiền thân Mora)*, phẩm IV: Dalha, chương II: Hai bài kệ: Chuyện tiền thân II thuộc *Kinh Tiểu bộ (Khuddakanikāya),* bản dịch Việt của HT. Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan.

- Ý nghĩa: Trong thời kỳ bổ túc các pháp độ, tiền thân đức Phật sinh ra là một loài chim công có bộ lông vàng, cánh viền đỏ. Vẻ đẹp này là do Ngài giữ giới trong kiếp quá khứ. Nhờ thần chú bảo hộ từ khi mổ vỏ trứng nở ra cho đến trưởng thành mà chim công thoát được các thợ săn tìm cách bắt mình. Sau đó, chim công còn thuyết pháp cho Vua Khe-ma (Thái Hòa) tại xứ Ba-la-nại được thấm nhuần đạo lý của giới đức rồi chim công bay về hòn núi vàng ở Dandaka. Hiện kiếp chim công (khổng tước) là đức Phật, còn nhà vua là Tôn giả A-nan. Đây cũng là một trong những bài kinh Hộ trì căn bản trong hệ thống kinh tụng Nam truyền.

32. Kinh Rải tâm từ đến các loài rắn chúa

- Nguồn gốc: *Kinh Rải tâm từ đến các loài rắn chúa*, dịch từ Pāli là *Khandha Sutta,* kinh số 203: Chuyện tu tập từ tâm (Tiền thân khandhavatta), phẩm IX: Dalha, chương II: Natamdalha: Chuyện tiền thân II thuộc *Kinh Tiểu bộ (Khuddakanikāya),* bản dịch Việt của HT. Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan.

- Ý nghĩa: Nhân sự kiện một Tỳ-kheo bị rắn cắn chết, đức Phật dạy chư Tỳ-kheo phải khởi tâm từ đến 4 gia đình vua rắn. Như vậy ở tại nơi đâu cũng không bị rắn làm hại. Sau đó, Ngài còn dạy rải tâm từ đến tất cả các loài không chân, hai chân, bốn chân và nhiều chân để thân thể không bị xâm hại bởi bất kỳ sinh vật nào. Đây cũng là một trong những bài kinh Hộ trì căn bản trong hệ thống kinh tụng Nam truyền.

PHỤ LỤC 2
CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

1. **A-nan** (S=P. Ānanda): Còn viết là A-nan-đà hoặc A-nan-đa. A-nan-đa là cách phiên âm của người Việt. Ānanda là vị thị giả cần mẫn suốt 25 năm cuối của đức Phật. Tôn giả Ānanda cũng là vị trùng tuyên Pháp tạng trong kỳ kiết tập Kinh điển lần thứ nhất tại hang Thất Diệp thuộc thành Vương Xá vào mùa hạ thứ nhất sau khi đức Phật vừa Vô dư Niết-bàn. Trường phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ suy cử Tôn giả là vị đệ nhị Tổ sư. Phật giáo thiền tông Ấn - Hoa cũng suy tôn Ngài là vị Tổ sư thứ hai.
2. **An tịnh** (P. *passaddhi,* E. *tranquillity*): Vắng lặng, yên ổn. Thân và tâm người thế tục thường rất động, không yên. Đức Phật dạy pháp môn tu niệm hơi thở vô, hơi thở ra v.v... để làm cho cả thân và tâm đều được an tịnh.
3. **A-la-hán** (P. *Arahant*, S. *Arhant*, E. *a liberated saint*): Bậc giác ngộ, người đã dứt trừ hoàn toàn các lậu hoặc, đoạn tận mười kiết sử. Đây là bậc đã đặt gánh nặng sanh tử xuống, việc cần làm đã xong, không còn trở lui lục đạo nữa, vòng luân hồi chấm dứt từ đây.
4. **A-na-hàm** (S=P. *Anāgāmi,* E. *Non-returner*): Vị chứng đắc quả vị này đoạn trừ hoàn toàn năm kiết sử đầu (ngũ hạ phần kiết sử). Khi bỏ báo thân, vị ấy không còn trở lại cõi đời này mà được hóa sanh lên cõi trời Tịnh Cư thuộc sắc giới, nên còn gọi là "Bất Lai" hoặc "Bất Hoàn". Ở đó, hành giả chứng quả vị A-la-hán, giải thoát vòng luân hồi.
5. **A-tu-la** (S=P. *asura,* E. *an assembly of asuras*): Hạng chúng sanh này phước báu hơn người, nhưng đức trí kém hơn người. Họ cũng có thần thông và thường gây gổ đánh nhau với chư thiên. Người nam của cảnh giới này cực kỳ xấu và người nữ cực kỳ đẹp. Đây cũng là một cảnh giới được đức Phật xếp vào bốn cõi tối tăm, đau khổ.
6. **Ái ngữ** (P. *peyyavajja,* S. *priya-vādya,* E. *kindly speech*): Lời

nói dịu ngọt, êm tai xuất phát từ tâm chân thật, không phải lời điêu ngoa lấy lòng người.

7. **Ác báo** (P. *atidāruṇa kamma,* S. *atidāruṇa karma,* E. *evil karma*): Nói và hành động về một điều gì bất thiện, xấu ác thì sẽ bị điều ấy xảy ra với quả báo khổ đau do ác nghiệp của chính mình gây ra.
8. **Ác hữu** (P. *atidāruṇa mitta*, E. *bad friend*): Bạn xấu hay xúi giục làm điều ác. Bạn ác cũng có thể hiểu là kẻ ngăn trở ta tiến tới giác ngộ.
9. **Ăn mòn** (P. *vinsāsa*, E. *erosion*): Chỉ cho là sự gặm nhấm vào thân tâm làm cho thân tâm càng ngày càng trở nên mệt mỏi và phiền não.
10. **Ăn năn** (P. *anutappati*, E. *to regret*, *to feel remorse*): Sự hối tiếc, ăn năn, sự thay đổi trong tư tưởng và hành động, chỉnh sửa những sai trái để được tha thứ.
11. **Ân đức** (P. *guṇavant*, E. *virtuous*): Chỉ cho người có công ơn, đức độ, tình nghĩa và phẩm hạnh trước sau vẹn toàn.
12. **Ẩn cư** (P. *vivekacariyā*, E. *live in seclusion*): Lui về nơi sơn dã, không bận việc đời.
13. **Ẩn dật** (P. *abhinikkhamati*, E. *to renounce the household life*): Yên vui ở một nơi hẻo lánh, rời khỏi đời sống thế tục. Lui về sống ở nơi vắng vẻ, xa lánh việc đời để vui với cảnh an nhàn cho tâm tư thanh thản.
14. **Ẩn sĩ** (P. *t*āpasa, E. *an ascetic*): Chỉ chung cho những người đang sống ẩn dật, tách rời khỏi thế sự nhân gian và thường sống ở những vùng rừng sâu, hoang vắng.
15. **Ba-la-nại** (P. Bārāṇasī): Đây là kinh đô của vương quốc Ca-thi, một trong 16 nước lớn của Ấn Độ thời Phật còn tại thế.
16. **Bà-la-môn** (S=P. *Brāhmaṇa*, E. *Brahmin*): Giai cấp đứng đầu trong bốn giai cấp của xã hội Ấn Độ, chuyên về việc nghi lễ tôn giáo, cúng tế thần linh bằng các tập tục lâu đời. Những người trong giai cấp này không hẳn là giới tu sĩ, nhưng họ được đặc ân của thế tập cha truyền con nối. Thuật ngữ Bà-la-môn còn được dịch là Phạm chí.
17. **Bạt-kỳ** (P. Vajjī): Tên một bộ tộc mà cũng là địa danh tại Vaisali, một trong 16 nước lớn ở Ấn Độ vào thời đức Phật.
18. **Bát chánh đạo** (P. *Ariya aṭṭhaṅgika magga,* E. *the Noble eightfold path*): Con đường Thánh chơn chánh có 8 yếu tố đưa đến giải thoát khổ, tiến tới Niết-bàn, gồm: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Cũng được dùng để chỉ một mức thành tựu của Tuệ minh sát siêu thế.
19. **Bảy đức Phật quá khứ** (P. *satta atītā Buddhā,* E. *Seven Buddhas*

in the past): Bảy đức Phật, gồm: Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni.

20. **Băng hoại** (P. *skada*, E. *endamage*): Hư hỏng, mất đi tính cách, đạo đức.
21. **Bậc đáng quý mến** (P. *p*āhuneyyo, E. *worthy of hospitality*): Chỉ cho người đức hạnh giúp ích cho đời, các bậc Thánh nhân.
22. **Bậc Chân nhân** (P. *Sappurisa*, E. *a Worthy man*): Chỉ cho người có lòng tin, có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, nghe nhiều, siêng năng tinh cần, có niệm, có trí tuệ hoặc là người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, từ bỏ uống rượu và khuyến khích người khác thực hành theo (Trích *Kinh Tăng chi*, chương 4 pháp).
23. **Bậc Hữu học** (P. *Sekha*, E. *One who has not yet attained Arahantship*): Bậc Thánh cần được tu tập thêm, bậc đang thực hành Tam vô lậu học, bao gồm các bậc đã đạt 3 đạo và 3 quả Thánh đầu tiên; trong khi bậc Vô học hay Siêu học, đã hoàn thành việc tu học, là bậc đạt A-la-hán quả.
24. **Bậc Thánh nhân** (P. *Ariya*, E. *the Sainthood*): Vị này đã làm cho xa lìa các ác pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh (Trích *Kinh Trung bộ*, số 39, "Đại kinh Xóm Ngựa").
25. **Bậc sinh thành** (P. *pitā*, E. *father*): Đấng sinh thành, ở đây chỉ người cha.
26. **Bình-sa vương** (P. Seniya Bimbisāra*):* Vị vua trị vì nước Ma-kiệt-đà, cha của Vua A-xà-thế.
27. **Bồ-tát** (P. *Bodhisatta*, S. *Bodhisattva*, E. *a being who aspires to enlightenment*): Chỉ cho người đã giác ngộ, không còn bị sanh tử chi phối. Theo Phật giáo Đại thừa, khái niệm này chỉ cho những vị đã thành tựu các công hạnh lớn, phát nguyện trở lại cõi này tùy duyên hoá độ như Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Địa Tạng,... Trong *Kinh Hiền nhân ở Chuyện tiền thân* của đức Phật, khái niệm "Bồ-tát" thuộc cách dùng của Thượng Toạ bộ, chỉ cho hữu tình giác (*bodhisatta*), tức hữu tình trong quá trình đang tu tập hướng đến giác ngộ tối thượng.
28. **Bố thí** (S=P. *d*āna, E. *charity, benefaction*): Sự cho đi rộng khắp.
29. **Bốn đôi tám vị** (P. *cattāri purisayugāni, aṭṭha purisapuggalā*; E. *the four pairs and eight levels of the holy monk*): 4 đạo (đạo Tu-đà-hoàn, đạo Tư-đà-hàm, đạo A-na-hàm và đạo A-la-hán) và 4 quả (quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-

đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán).

30. **Bốn pháp thành tựu bậc Dự lưu** (P. *sotāpattiyaṅga, cattāri sotāpannassa aṅgāni*, E. *Factors of Stream-Entry*): (1) *Sappurisasaṃseva:* Thân cận bậc chân nhân; (2) *Saddhammassavanna*: Lắng nghe chánh pháp; (3) *Yonisomanasikāra*: Khéo tác ý; (4) *Dhammānudhammapaṭipatti:* Thực hành tuần tự pháp. Nghĩa là theo một cách có hệ thống cho tất cả các trình độ và khía cạnh của giáo pháp, đều phù hợp với mục đích tương ứng; sống phù hợp với giáo pháp.
31. **Bổn sư** (P. *Upajjhāya*, E. *Master*): Vị Thầy ban đầu, ở đây chỉ cho đức Thế Tôn.
32. **Pháp độ (ba-la-mật)** (P. *p*āramī, pāramitā, S. *p*āramitā, E. *perfection*): Trung Hoa dịch là "đáo bỉ ngạn", nghĩa là "qua đến bờ bên kia", dịch chính xác là "hoàn hảo" "tối thắng". Cách dịch "đáo bỉ ngạn" chỉ là cách dịch ý, dùng hình tượng để biểu đạt sự giải thoát, giác ngộ, qua được sông mê bể khổ. Một vị Bồ-tát tu tập 6 pháp ba-la-mật theo quan điểm của Phật giáo Bắc truyền hoặc 10 pháp ba-la-mật theo quan điểm của Phật giáo Nam truyền sẽ có thể thành tựu quả vị Phật, qua được sông mê để đến bờ giải thoát.
33. **Bộc lưu** (P. *ogha,* E. *a flood of water which sweeps a man away from emancipation*): Dòng chảy xối xả, dòng nước lũ. Bộc lưu trong đạo Phật chỉ cho dòng sanh tử luân hồi. Xem ý nghĩa *Kinh bộc l*ưu ở Phụ lục 1.
34. **Buông lung** (P. *pamāda*, E. *dissolute*): Lối sống buông thả, phóng túng, chạy theo ham muốn dục vọng, thỏa mãn sở thích mà không màng đến hậu quả tổn hại mình và người.
35. **Ca-tỳ-la-vệ** (P. Kapilavatthu, S. Kapilavastu): Kinh thành của bộ tộc Thích-ca, nay thuộc đất nước Nepal.
36. **Cảm thọ** (S=P. *vedanā*, E. *sensation*): Cảm giác dễ chịu, khó chịu hoặc trung tính gây ra do tác động của một trong năm giác quan hoặc tâm ý. Cảm thọ có nghĩa tương đồng với "cảm giác" nhưng không đồng nghĩa với "cảm xúc". Bất kỳ cảm xúc nào cũng sẽ đi kèm với một số cảm giác. Nếu dùng "cảm xúc" thì chỉ mô tả những cảm giác phát sinh từ giác quan vật lý, đặc biệt là qua tiếp xúc. Là một trong năm nhóm tổ hợp của hiện hữu.
37. **Cấp dưỡng** (P. *poseti*, E. *nourish*): Cung cấp, dưỡng nuôi bằng cơm ăn, áo mặc, chỗ ở và thuốc men.
38. **Cấp Cô Độc** (P. Anāthapiṇḍika): Đây là tên của nhà triệu phú Sudatta (S=P) và cũng là một đại

tín chủ cúng dường, ủng hộ cho Tăng đoàn bậc nhất trong thời đức Phật còn tại thế. Ông đã bỏ ra cả kho vàng mua khu vườn của Thái tử Kỳ-đà (Jetakumāra) và cất một ngôi tịnh xá rất lớn đầu tiên tại nước Kiều-tát-la (Kosala) để cúng dường Phật và chúng Tăng. Trong Phật giáo, ông là biểu tượng của hạnh ban bố và giúp đỡ chúng sanh.

39. **Chánh Biến Tri** (P. Sammāsambuddho, S. Saṃyak-sambuddha, E. The Perfectly Enlightened One): Nghĩa là bậc có trí tuệ đúng đắn và rộng khắp. Một trong mười danh hiệu của đức Phật.
40. **Chân hạnh phúc** (P. *uttama sukha*, E. *true happiness*): Hạnh phúc chân thật có được từ sự thực tập làm những điều thiện lành, tin nhân quả, học tập kinh điển ứng dụng và thực hành Chánh pháp trong đời sống, chí đến sự thành tựu Niết-bàn, giải thoát.
41. **Chấp trước** (P. *abhinivesa,* E. *Adherence, inclination*): Thiên chấp, nghiêng về. Dính mắc vào tư tưởng cho rằng vạn hữu là thật. Khi đối duyên xúc cảnh mình cho rằng đó là của mình, là mình, là tự ngã của mình mà không thấy được mọi sự mọi việc như nó đang diễn ra để rồi sanh tâm phiền não.
42. **Chim khổng tước** (P. mayūra, E. peacock): Chim khổng tước hay còn gọi là chim công, tượng trưng cho vẻ đẹp cao quý. Xem ý nghĩa *Kinh Khổng tước* ở Phụ lục 1.
43. **Chơn lý** (P. *avisaṁvāda, sacca*, E. *the truth*): Sự thật.
44. **Chốn thiền-na** (P. *jhānavihāra*, E. *a meditative abode*): Chốn thiền, cửa thiền; chỉ nơi tu tập, tu viện của Phật giáo.
45. **Chế ngự** (P. *abhimaddati*, E. *tame*): Ngăn chặn, kiềm chế những hành động, lời nói, suy nghĩ bất thiện để không cho phát sinh những điều phiền não đến cho mình và người khác.
46. **Chơn như** (S=P. *tathatā*, E. *suchness*): Bản chất thực sự của thực tại.
47. **Chuyển pháp luân** (P. *dhammacakkappavattana*, E. *setting the wheel of dhamma in motion*): Nghĩa là "Vận chuyển bánh xe pháp". Cụm từ này lúc đầu được dùng để chỉ đức Phật tuyên thuyết giáo pháp thậm thâm, vi diệu của Ngài lần đầu tiên tại Vườn Nai. Về sau, các hoạt động hoằng pháp của đức Phật để hóa độ nhân thiên, đều được gọi là công việc chuyển pháp luân.
48. **Chư tiên đọa xứ** (P. Isipatana, E. Sacred Garden): Một vùng gần Benares, nay là Sarnath - Vườn Nai, nơi đức Phật giảng *Kinh chuyển pháp luân* và *Kinh vô ngã tướng*.
49. **Chư thiên** (S=P. *devā*, E. *deities*,

gods): Chỉ cho chúng sanh hữu tình có phước đức lớn hơn loài người. Các vị này sống dưới sự cai quản của một vị vua có uy đức lớn nhất ở cõi đó.

50. **Chư Hiền giả** (P. *paṇḍitā*, E. *good and wise men*): Những người thiện lành, sống đạo đức đang trong lộ trình thực hành lời Phật dạy.
51. **Cõi ta-bà** (P. *saha-lokadhātu*, E. *an enduring world*): Sự bền lâu, chỉ cõi giới mà nơi ấy chúng sanh có khả năng nhẫn nhịn và chịu đựng mọi sự thống khổ.
52. **Cõi u minh** (P. *naraka*, E. *the hell*): Cảnh giới tối tăm u ám thường chỉ cho cảnh địa ngục.
53. **Công phu** (P. īhā*ya kiccaṃ karoti*, E. *diligent efforts to do something*): Sự nỗ lực, rèn giũa chỉ về tâm trên bước đường tu tập tâm.
54. **Cúng dường** (P. *p*ūjā, E. *offerings*): Sự hiến cúng, cung cấp tứ vật dụng (ăn, mặc, ở, bệnh) để nuôi dưỡng; thường chỉ sự dâng cúng cho bậc trên.
55. **Cửu huyền thất tổ** (E. *nine life's generations and seven life's ancestors*): Ông bà cha mẹ tổ tiên nhiều đời.
56. **Diệt tận** (P. *khīṇa*, E. *destroyed*): Đã tiêu tan hết (phiền não).
57. **Diệu hạnh** (P. *Supaṭipanna, Kalyāṇa kiccaṃ karoti*, E. *Good conduct*): Phẩm hạnh thù thắng được Thánh hiền tán thán.
58. **Diệu pháp** (P. *Saddhamma*, E. *the true doctrine*): Pháp sự thật, pháp chân lý, nghĩa là pháp hướng đến giác ngộ, giải thoát như Tứ Thánh đế, Bát chánh đạo.
59. **Du phương** (P. *paribbajati*, E. *to travel, wander about*): Đi khắp phương trời.
60. **Dục lậu** (P. *k*āmāsava, E. *the canker of sensuality*): Lậu hoặc phát sinh từ tham dục, nó phát sinh rỉ chảy qua hành động, lời nói, ý nghĩ mà mình không hay biết.
61. **Dục ái** (P. *k*āma-taṇhā, E. *thirst after sensual pleasure*): Lòng yêu thích, mong muốn, khao khát hưởng thụ lạc thú trần gian.
62. **Đài sen** (P. *padmassa pīṭha*, E. *sepal lotus*): Biểu tượng của sự thanh cao, thoát tục, không nhiễm bụi trần.
63. **Đáng chắp tay** (P. *a*ñjalikaraṇīyo, E. *worthy of being honoured*): Đáng được chắp tay lễ bái.
64. **Đại Lâm** (P. Mahā-vana): Khu rừng phụ cận thành Tỳ-xá-ly, Trung Ấn. Rừng này không phải do con người trồng mà là rừng nguyên sinh, kéo dài từ vương quốc Ca-tỳ-la-vệ đến dãy Tuyết Sơn, nên có tên là Đại Lâm.
65. **Đản sinh** (P. *Buddhassa jāti*, E. *Buddha's birth*): Chỉ sự ra đời của đức Bồ-tát, sau này lớn lên thành Phật.
66. **Đâu-suất thiên** (P. Tusita, E. The fourth deva world of the Kāmadhātu): Trời Đâu-suất,

tầng trời thứ 4 trong 6 tầng trời ở cõi dục. Chư thiên ở cõi này luôn sống trong hỷ lạc, vật chất sung mãn, tinh tấn tu tập Bát chánh đạo nên gọi là Hỷ Lạc thiên. Các Bồ-tát giáo hóa ở cõi này thường tu tập hỷ nên còn gọi là Hỷ Túc thiên.

67. **Đến để mà thấy** (P. *ehipassiko*, E. *that which invites every man to come and see*). Một trong sáu đặc tính của pháp, nó có nghĩa là hành giả đến hành trì pháp, tự cảm nhận và kinh nghiệm lấy.
68. **Điều Ngự Trượng Phu** (P. Purisadammasārathi, S. Puruṣa-damya-sārathi): Bậc đã điều phục chính mình và có khả năng điều phục, nhiếp hóa người khác. Một trong mười danh hiệu của đức Phật.
69. **Đồng sự** (P. *samānattatā*, S. *samānārthatā*, E. *sociability, participation*): Bình đẳng với mọi người trong mọi công việc, trong vui khổ, hoạn nạn hướng đến một mục tiêu tốt đẹp.
70. **Độc cư nhàn tịnh** (P. *jīvati vivekaṃ ca nissaddatā*, E. *live alone and placid*): Hạnh sống một mình, yên lặng, không bị bức bách vì đua tranh.
71. **Độc Giác Phật** (P. Paccekabuddha, S. Pratyekabuddha, E. One who is enlightened but does not preach truth to the world): Độc Giác Phật, một bậc giác ngộ đơn độc hoặc riêng mình, tức vị này giác ngộ rồi mà không thuyết giảng sự thật cho thế gian. Đây là thuật ngữ chỉ một vị A-la-hán, đã chứng ngộ Niết-bàn mà không cần nghe Phật pháp từ người khác. Vị này thấu hiểu Tứ diệu đế một cách cá nhân (một mình, riêng một = *pacceka* = *paṭi* + *eka*), không phụ thuộc vào bất kỳ vị thầy nào, bằng nỗ lực của chính mình. Tuy nhiên, vị này không có khả năng tuyên bố giáo lý một cách hiệu quả cho người khác, và do đó không trở thành "Thiên Nhân Sư", đức Phật Toàn Giác. Độc Giác Phật được mô tả là kiệm lời, ưa thích sự cô độc. Theo truyền thống, các vị này không có mặt khi giáo lý của đức Phật Toàn Hảo được biết đến; nhưng để đạt được quả vị của mình sau nhiều kiếp nỗ lực, họ phát một lời nguyện trước một đức Phật Toàn Giác.
72. **Đuốc Sen** (E. *Lotus Torch*): Đây là cách gọi khác của "Ngọn đèn chơn lý", biểu tượng chính của hệ phái Phật giáo Khất sĩ Việt Nam. Từ năm 2010, Phật giáo Khất sĩ thành lập tập san Đuốc Sen mỗi năm 3 kỳ nhằm quy tụ tài năng - trí tuệ của Tăng Ni Khất sĩ và cư sĩ để viết các bài nghiên cứu Tam tạng, Chơn lý, sáng tác văn học Phật giáo và các Phật sự nơi các Giáo đoàn.
73. **Gia chủ** (P. *agārika, gahapati*,

E. *householder*): Người chủ nhà, người chủ của một gia đình, cư sĩ tại gia.

74. **Già-lam** (P. *saṅghārāma*, *ārāma*, S. *saṃghārāma*, *ārāma*, E. *a temple* or *monastery*): Khu vườn rừng của Tăng chúng; kết hợp của hai từ *Saṅgha* (Tăng chúng) và *ārāma* (khu rừng). Nghĩa rộng là nơi được kiết giới làm chốn cư ngụ lâu dài cho Tăng đoàn. Đất già-lam còn được bao bọc xung quanh bởi bốn trụ giới kết nối lại thành cương giới (*sīma*).
75. **Giáo pháp** (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, E. *Doctrine*): Xem nghĩa từ Diệu pháp.
76. **Giải thoát** (P. *vimokkha*, S. *vimokṣa*, E. *liberation*): Nghĩa là không còn bị các nhiễm ô trong tâm thức, dứt hết mọi triền phược. Đây là trạng thái tâm lý hoàn toàn không còn khổ não, sầu muộn. Trạng thái tâm lý này tùy thuộc vào quả vị của hành giả nên có những cấp độ giải thoát khác nhau.
77. **Giới-định-tuệ** (P. *s*īla-samādhi-paññā, E. *morality-meditation-wisdom*): Tam vô lậu học gồm phần giới (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng); phần định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định); phần tuệ (chánh kiến, chánh tư duy).
78. **Giới đức** (P. *caraṇa*, E. *morality*): Đức hạnh nhờ vào sự nghiêm trì giới luật.
79. **Hai cực đoan** (P. *dve antā*, E. *two extremes*): Hưởng thụ dục lạc và ép xác khổ hạnh.
80. **Hạ niên** (P. *vassa*, E. *age of retreat season*): Tuổi hạ của vị Tỳ-kheo, còn gọi là hạ lạp.
81. **Hồi quy** (P. *paccāgacchati*, E. *come back*): Trở về.
82. **Hộ pháp** (P. *dhammaṃ rakkhati*, E. *protection of the Buddha's dhamma*): Hộ trì Phật pháp.
83. **Hiền Vương** (P. *Paṇḍita bhūmipa*, E. *Sage king*): Vị vua trị nước bằng đức, bằng chánh pháp, không phải bằng vũ khí, bạo lực. Cụm từ *"Chánh Đẳng Hiền Vương"* trong bài kinh chỉ cho đức Phật.
84. **Hiển linh** (P. *uṭṭhāti*, E. *epiphany*): Sự xuất hiện ngay khi nghĩ tới (xuất hiện linh thiêng cho mọi người thấy).
85. **Hướng thượng** (P. *opanayika*, E. *forward*): Chỉ cho sự thực tập hướng đến chấm dứt phiền não và sanh tử luân hồi.
86. **Hữu dư y Niết-bàn** (P. *sa-upādisesa-nibbāna*, S. *rupadhiśeṣa-nirvāṇa*, E. *Nibbana with remainder*). Niết-bàn tịch diệt, tâm đã hoàn toàn giải thoát nhưng vẫn còn thân tứ đại.
87. **Hữu lậu** (P. *bhavāsava*, E. *canker of existence*): Vì dính mắc các trạng thái thiền chứng và những quan điểm thế gian mà sinh ra phiền não. Một dạng

phiền não muốn mình hiện hữu, bản ngã trường tồn, vĩnh cửu. Phiền não này liên hệ đến sắc giới và vô sắc giới.

88. **Hữu tình** (P. *sappāṇa*, E. *beings, sentient beings*): Chúng sanh có thức tánh.
89. **Hy hữu pháp** (P. *abbhūtadhamma*, E. *rare dharma, incredible dharma*): Pháp hy hữu duy nhất hoặc là hiếm có như sự kiện đức Bồ-tát ra đời.
90. **Kham nhẫn** (P. *khantī*, E. *patience*): Sự chịu đựng, chấp nhận, nhẫn chịu trước những điều không như ý.
91. **Khả ý, khả ái** (P. *kalyāṇa*, E. *endearing*): Khả ý: thích ý, hợp ý; Khả ái: đáng yêu, đáng ưa thích.
92. **Không trú** (P. *suñña agāra*, E. *placelessness*): Sống trong vô ngã.
93. **Không tánh** (P. *suññat*ā, E. *emptiness*): Tự tánh của không tức là thực tánh của vô ngã.
94. **Khổ ưu** (P. *dukkha-domanassa*, E. *suffering and distress*): Cảm giác khổ đau nơi thân và tâm.
95. **Kinh Luật Luận** (P. *Tipiṭaka, Sutta-vinaya-abhidhamma*, E. *Sutra-vinaya-sastra*): Tam tạng Thánh điển của Phật giáo được truyền thừa ban đầu với hình thức khẩu truyền và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ.
96. **Kiêu mạn** (P. *mada*, E. *haughty*): Kiêu căng, ngạo mạn.
97. **Kiến lậu** (P. *diṭṭhāsava*, E. *false vision*): Dòng chảy ô nhiễm của tâm thuộc về quan kiến, cái thấy; quan niệm làm chúng sanh rơi rớt trong ba cõi, trầm luân trong sanh tử.
98. **Kiến hoang vu** (P. *diṭṭhikantāra*, E. *false view like desert*): Tà kiến khiến bước vào con đường hiểm nạn, vùng hoang vu như sa mạc.
99. **Kiến kiết phược** (P. *diṭṭhisaṁyojana*, E. *the fetter of false views*): Kiết sử tà kiến. Chỉ cho các tà kiến trói buộc tâm thức giải thoát.
100. **Kiết sử** (P. *saṃyojana*, E. *fetters*): Gồm 10 điều sai sử, trói buộc chúng sanh trong sinh tử luân hồi. Gồm có: thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân, sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Năm kiết sử đầu gọi là năm hạ phần kiết sử, năm kiết sử sau gọi là năm thượng phần kiết sử.
101. **Kẻ trí tự giác hiểu** (P. *viññū paccattaṃ vedeti*, E. *The wise understand self-consciously*): Người trí tự chứng ngộ lời Phật dạy qua sự thực hành thì mới có thể giải thoát khổ.
102. **Khất thực** (P. *piṇḍapātika*, E. *collecting alms*): Hạnh khất thực. Đây là truyền thống các nhà sư ở Ấn Độ. Các vị mỗi ngày đều đi khất thực (xin ăn) để vừa duy trì sự sống vừa gần gũi quần chúng để hóa độ
103. **Khiêm nhường** (P. *nīca*, E. *humble*): Đúng mức trong đối xử ngang qua cách biết nhường

nhịn, từ tốn đối với người khác.

104. **Ko-sam-bi** (P. Kosambī, E. Kosambi): Tên một thành phố mà đức Phật đã an cư vào hạ thứ 9. Nơi đây đức Phật và Tăng đoàn cũng nhiều lần ghé lại để giáo hóa. Kosambi do Vua Udena cai trị thuộc vương quốc Vamsa. Kosambi cách Bồ-đề Đạo Tràng khoảng 370km.
105. **Kỳ-đà Lâm** (P. Jetavana, E. A park in Sāvatthi, in which the Anāthapiṇḍikārāma was built): Thắng Lâm, Kỳ Viên hay Kỳ Hoàn tịnh xá do trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) mua lại từ khu vườn của Thái tử Kỳ-đà gần thành Xá-vệ dâng cho đức Phật.
106. **Lạc bang** (P. *sukhabhūmi*. E. *happy land*): Cõi nước an vui, thái bình, ấm no, hạnh phúc.
107. **Lậu hoặc** (P. āsava, S. āsrava, E. *cankers*): Lậu là rỉ chảy, sét gỉ, dơ bẩn. Thuật ngữ "lậu hoặc" chỉ cho các dòng chảy nhiễm ô phiền não của tâm thuộc 4 khía cạnh: (1) sự ham thích các thú vui trần thế, (2) sự hiện hữu hay sanh hữu, (3) quan kiến riêng lầm lạc, gồm 62 tà kiến (4) sự mơ hồ, si ám, không hiểu biết Tứ Thánh đế. Một bậc chứng quả A-la-hán thì đoạn trừ tất cả lậu hoặc trong tâm.
108. **Lẽ huyền vi** (P. *rahassaṃ*, E. *mysterious thing*): Triết lý huyền thâm diệu nghĩa muôn trùng thâm thúy.
109. **Lễ nghi** (P. *p*ūjāniyama, E. *ritual*): Nghi thức tiến hành một cuộc lễ.
110. **Linh Thứu** (P. Gijjhakūṭa, E. Vulture's Peak): Còn gọi là núi Kỳ-xà quật, đỉnh núi dài phía Đông Tây, hẹp ở Nam Bắc. Núi có hình đầu như con chim Thứu, là nơi huân tập phước đức trí tuệ, cũng là trụ xứ của chư Phật Thánh Tăng từ xưa nay. Đức Phật an trụ nơi đây cùng với một muôn hai nghìn chúng đại Tỳ-kheo, tuyên thuyết Diệu pháp.
111. **Liễu tri** (P. *pariññā*, E. *full understanding*): Sự hiểu biết trọn vẹn, tức sự hiểu biết của Phật.
112. **Lõi cây** (P. *sā*ra, E. *tree core*): Phần trong cùng của cây. Tâm giải thoát bất động chính là mục đích của Phạm hạnh này, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của Phạm hạnh. (Trích *Kinh Trung bộ*, số 29, *Kinh thí dụ lõi cây*).
113. **Lợi hành** (P. *atthacariyā*, S. *artha-caryā*, E. *wise* or *beneficial conduct; life of service*): Hành động thông qua thân và khẩu mang lại lợi ích cho người khác.
114. **Lợi dưỡng** (P. *lā*bha, E. *profit*): Lấy lợi từ người khác để nuôi sống bản thân.
115. **Lộc Uyển** (P. Migadāya, S. Mṛgadāva, E. Deer Park): Vườn Nai, nơi đức Phật chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên.

116. **Lục hòa** (P. *chasārāṇiyadhamma*, E. *six dharmas of harmony*): Sáu pháp hòa hợp kính trọng lẫn nhau trong sinh hoạt của người đệ tử Phật, gồm có: Thân hòa đồng trú, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải và lợi hòa đồng quân.
117. **Lục căn** (P. *salāyatana*, E. *six sense-organs*): Sáu căn môn hay sáu giác quan của con người, gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
118. **Lục đạo** (S. *ṣaḍ-gati*, E. *the six realms of rebirth or the six ways of sentient existence*): Sáu nẻo luân hồi hay sáu đường tái sanh khi chưa giải thoát, gồm: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, trời, người.
119. **Lục phương** (P. *cha disā*, E. *six directions*): Sáu phương hướng của quả địa cầu, gồm: Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới.
120. **Lục trọng tội** (P. *cha aparādhā*, E. *six felories*): Sáu trọng tội, gồm: Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu.
121. **Luân hồi** (S=P. *saṃsāra*, E. *round of rebirth, cycle of birth and death*): "sự lưu chuyển, sự chuyển tiếp", một thuật ngữ chỉ cho vòng tái sanh, vòng sanh tử khổ đau.
122. **Ma-ha Ma-da** (S=P. Mahāmāyā): Hoàng hậu ở Ca-tỳ-la-vệ, mẹ của Thái tử Tất-đạt-đa. Sau khi sanh hạ Thái tử Tất-đạt-đa được bảy ngày thì bà băng hà và được sanh lên cõi trời Đao-lợi.
123. **Ma-ha-nam** (P. Mahānāma)*:* Ông là anh em chú bác với đức Phật, anh em ruột với Tôn giả A-Nan và A-na-luật, ông đã chứng quả Bất hoàn. Xem ý nghĩa *Kinh Thích tử Ma-ha-nam ở* Phụ lục 1.
124. **Ma-kiệt-đà** (P = S. Magadha): Chỉ cho nước của Vua Ajātasattu (A-xà-thế), hiện giờ là xứ Bihar, một trong bốn vương quốc lớn tại Ấn Độ thời Phật tại thế.
125. **Ma vương** (P. Māra, E. the Evil One): Đồng nghĩa với Ác ma (P. *Pāpimā māra*). Nam và Bắc tạng đều ghi Ma vương chỉ cho vị chúa của loài ma. Đây là cảnh giới cao nhất của dục giới, gọi là Tha Hóa Tự Tại thiên. Trong các bản chữ Hán thường dịch nghĩa là Ma vương cõi này là Thiên ma Ba-tuần (P. Devaputtamāra). Theo kinh điển ghi lại, khi đức Phật sắp thành đạo quả Vô thượng giác thì chính Ma vương Ba-tuần này đã sai khiến con gái của mình đến quyến rũ đức Phật trở về đời sống thế tục. Sau khi đức Phật thành đạo, Ma vương xuống thỉnh đức Phật nhập Niết-bàn. Khi đức Phật tới tuổi 80, Ma vương lại đích thân thỉnh đức Phật nhập Niết-bàn. Có thể chia thành 5 loại Ma vương: (i) Phiền não ma hay nhiễm ô ma (*kilesa-māra*), (ii) Ngũ uẩn ma

(*khandha-māra*), (iii) Hành nghiệp ma (*abhisaṅkhāra-māra*), (iv) Tử ma (*maccu-māra*), và (v) Thiên ma (*devaputta-māra*). Ba loại đầu thuộc nội ma và loại thứ tư, thứ năm thuộc ngoại ma.

126. Ma giới (P. *m*āradheyya, E. *the realm of the Mara*): Cảnh giới của Ác ma.

127. Mạ lị (P. *durutta*, E. *abusive language*): Lời nhục mạ, hạ nhục kẻ khác.

128. Mãn phần (P. *kālaṃ karoti*, E. *to pass away*): Kết thúc. Ở đây chỉ cho kết thúc mạng sống.

129. Minh Đăng Quang (Minh Dang Quang): Tôn hiệu vị Tổ sư khai sáng Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam. Ngài sinh năm 1923 tại Vĩnh Long. 15 tuổi đi tầm đạo, 20 tuổi xuất gia, 22 tuổi thể nhập chơn như tại Mũi Nai – Hà Tiên. Ngài lấy tôn hiệu Minh Đăng Quang vào đời giáo hóa chúng sanh với chí nguyện: "Nối truyền Thích-ca chánh pháp, Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam". Năm 1954 Ngài vắng bóng khi tròn 32 tuổi.

130. Minh Hạnh Túc (P. Vijjā-caraṇasampanna, S. Vidyā-caraṇa-saṃpanna, E. Impeccable in Conduct and Understanding): Nghĩa là bậc trí tuệ và đức hạnh viên mãn. Một trong mười danh hiệu của đức Phật.

131. Mô phạm (P. *paṇḍita*, E. *wise*): Người có trí tuệ sáng suốt, có đức hạnh đáng để mọi người nương tựa và noi theo.

132. Mục-kiền-liên (P. Moggallāna, S. Maudgalyāyana, E. Maudgalyayana): Trong kinh điển Pāli và Sanskrit, Ngài là bậc có thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử của đức Phật. Ngoài ra, theo kinh điển Đại thừa, Ngài là biểu tượng của hạnh hiếu thảo. Để phân biệt với nhiều vị có cùng họ, nên Ngài thường được gọi là Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna).

133. Mục đồng (P. gopa, E. pastor): Người chăn bò, chăn trâu, chăn gia súc trong xã hội Ấn Độ cổ.

134. Nam-mô (P. *Namo*, E. *pay homage to*): [Tôi] xin thành kính đến, xin kính lễ đến.

135. Nan-đà (P. Nanda, E. proper name, meaning 'joyfulness'): Tên một vị Tôn giả thời đức Phật.

136. Nhu thuận (P. *suvaca*, E. *obedient*): Sự dễ dạy, sự tùy thuận.

137. Nhu mì (P. *soracca*, E. *gentleness*): Sự nhã nhặn, sự hiền hòa.

138. Như Lai (S=P. Tathāgata, E. the One who has "thus gone"): Một trong mười danh hiệu của đức Phật. Danh hiệu này là từ đức Phật tự xưng mình với các đệ tử. *Kinh Kim cang* định nghĩa là "Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai" nghĩa là bậc từ không có chỗ đến mà cũng không có chỗ đi, gọi là Như Lai. Một số kinh điển Bắc truyền viết về trạng

thái của Như Lai như sau: Như Lai là trạng thái cao quý, Như Lai là trạng thái mát mẻ, Như Lai là trạng thái không nóng bức, Như Lai là trạng thái không còn khóc than. Kinh tạng Pāli định nghĩa Như Lai là một bậc làm sao nói vậy, nói sao làm vậy.

139. Như lý tác ý (P. *yoniso manasikāra,* E. *proper attention*): Tác ý theo chân lý, sự thật, Thánh đế, hay tác ý với trí tuệ. Khi tác ý lậu hoặc chưa sinh không sinh khởi, đã sinh được trừ diệt (tức là tư duy chơn chánh ly dục tầm, ly sân tầm, ly hại tầm và chú tâm hợp theo sự thật đang diễn ra mà không có bản ngã trong đó). Không như lý tác ý là tác ý không theo chân lý, sự thật, Thánh đế, hay tác ý không với trí tuệ; khiến cho lậu hoặc chưa sinh thì phát sinh, lậu hoặc đã sinh thì tăng trưởng.

140. Niết-bàn (P. *Nibbāna,* S. *Nirvāṇa,* E. *Nirvana, Deathless*): Đây là trạng thái tịch tịnh vắng lặng của một bậc A-la-hán, nên người Hoa cũng dịch là "tịch tịnh". Niết-bàn có hai loại: Hữu dư Niết-bàn: Trạng thái Niết-bàn chứng được ngay khi hành giả còn sống, còn có thân thể năm uẩn. Vô dư Niết-bàn: Trạng thái Niết-bàn chứng đạt ngay khi hành giả từ bỏ cõi sống, từ bỏ xác thân. Trạng thái này không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ mà phải thân chứng. Khái niệm này thường để chỉ cho đức Phật khi nhập diệt, Trung Hoa dịch là "diệt độ" hoặc "thị tịch".

141. Niềm tin (P. *saddhā,* E. *confidence*): Đức tin, sự tin tưởng.

142. Niệm (P. *sati,* E. *mindfulness*): Sự ghi nhớ và chú tâm.

143. Nương tựa (P. *sarana,* E. *refuge*). Xem nghĩa từ Quy y.

144. Ngôi Đại Giác (P. *Buddhaphala,* E. *fruit of the Buddha*): Quả Chánh Đẳng Giác mà đức Bồ-tát giác ngộ.

145. Ngũ phần hương (E. *five kinds of incense*): Năm loại hương cúng dường chư Phật, đó là hương của giới, hương của định, hương của tuệ, hương của giải thoát và hương của giải thoát tri kiến.

146. Ngũ dục (P. *pañca kāmā,* E. *five desires*): Tham muốn sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon và xúc chạm êm dịu.

147. Ngũ giới (P. *pañcasīla,* E. *the five moral precepts*): Năm giới luật hay năm nguyên tắc đạo đức mà một Phật tử phải tuân thủ, bao gồm: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu.

148. Ngũ uẩn (P. *pañcakkhandha,* S. *pañca-skandha,* E. *5 groups of existence*): Năm nhóm hay năm tập hợp. Năm uẩn gồm sắc uẩn (P. *rūpakkhandha*), thọ uẩn

(P. *vedanākkhandha*), tưởng uẩn (P. *saññākkhandha*), hành uẩn (P. *saṅkhārakkhandha*) và thức uẩn (P. *viññāṇakkhandha*).

149. **Ngũ triền cái** (P=S. *pañca nīvaraṇa*, E. *5 hindrances, 5 qualities which are obstacles to the mind and blind the mental vision*): Năm chướng ngại thiêu đốt, trói cột, làm trở ngại cho việc tu tập thiền của hành giả, gồm có: Tham dục (P. *kāmacchanda*), sân hận (P. *byāpāda*), hôn trầm, thụy miên (P. *thīna-middha*) trạo hối (P. *uddhacca-kukkucca*), và nghi ngờ (P. *vicikicchā*).
150. **Ngưu vương** (P. āsabha, S. *ārṣabha*, E. *bull-like, bull*): Đức Thế Tôn thuyết Pháp vững vàng như thế của con bò lớn.
151. **Oai đức** (*uy đức*) (P. *guṇānubhāva*, E. *majesty and virtue*): Đức độ của một người.
152. **Oai nghi** (*uy nghi*) (P. *iriyāpatha*, E. *four postures: walking, standing, sitting and lying down*): Cử chỉ, hành vi, động tác của một người rất nghiêm trang. Trong Phật giáo thường chỉ đến phong thái, tác phong có nề nếp, chuẩn mực ngang qua việc đi, đứng, nằm, ngồi.
153. **Oai phong** (P. *ariyo*, E. *august*): Dáng mạnh mẽ và có uy.
154. **Oai thần** (P. *balatā*, E. *might*): Thần lực, năng lực. Ở đây chỉ sự thành tựu năng lực do tu tập năm căn.
155. **Ô nhiễm** (P. *kilesa*, S. *kleśa*, E. *defilements*): Sự ham muốn, sự nhơ bẩn tinh thần, sự ô uế của tâm, phiền não.
156. **Ô trược** (P. *kāḷa*, E. *impure*): Tính chất xấu xa, ô nhiễm của một thế giới uế tạp như thế giới ta-bà này.
157. **Ô uế** (P. *malina*, E. *stained*): Nhơ nhớp, bẩn thỉu, dơ bẩn như làm ô uế chỗ tôn nghiêm.
158. **Ơn đức** (P. *anuggaha*, E. *favor*): Lòng tốt cao quý giúp người.
159. **Ơn phước** (P. *sotthāna, S. svastyana*, E. *blessing*): Phước có được do mang lại điều tốt lành cho người nào đó.
160. **Phạm hạnh** (P. *Brahmacariya*, E. *moral life*): Những phẩm tính cao thượng của bậc Thánh giả A-la-hán, có tâm ly dục, ly bất thiện pháp.
161. **Phạm thiên** (S=P. Brahmā, E. Hindu Brahma): Vị trời có uy lực lớn nhất trong sắc giới. Phạm thiên cũng được tôn xưng là Đại Phạm thiên hay là Phạm vương. Theo quan điểm của đạo Bà-la-môn, Phạm thiên là vị chúa tể của trời đất, vị sáng tạo vũ trụ. Đức Phật chỉ xác nhận Phạm thiên là một vị có phước đức lớn trong cõi sắc, hoàn toàn không phải là đấng tạo hóa hay đấng sáng tạo. Trong kinh điển Phật giáo, Phạm thiên là người thỉnh cầu đức Phật chuyển pháp luân, ngay sau khi Ngài thành đạo.

162. **Phật** (S=P. Buddha, E. the Enlightened One): Bậc Giác Ngộ, phiên âm là Phật-đà và gọi tắt là Phật, cách phiên âm khác là Bụt.
163. **Phật ân** (P. *Buddhaguṇa*, E. *the Buddha's virtue*): Ân đức Phật.
164. **Pháp âm** (P. *Dhammaghosa*, E. *sound of the Dharma*): Tiếng thuyết pháp.
165. **Pháp bảo** (P. *Dhammaratana*, E. *the Dharma gem*): Là một trong ba ngôi báu. Diệu pháp của Phật quý trọng như báu vật trên đời nên gọi là Pháp bảo.
166. **Pháp và Luật bậc Thánh** (P. *Ariyadhammavinaya*, E. *the Dharma and the Law of the Englightented One*): Chỉ cho những Pháp và Luật mà theo đó thực hành, sẽ đưa tới sự thành tựu đạo quả của bậc Thánh.
167. **Pháp môn** (P. *dhammapariyāya*, E. *the dharma method*): Những phương pháp, đường lối tu tập.
168. **Pháp nhũ** (P. *dhammakhīra*, E. *the milk of dhamma*): Chánh pháp như sữa mẹ nuôi lớn pháp thân của người đệ tử Phật, chỉ cho 9 pháp siêu thế (4 đạo, 4 quả, và Niết-bàn).
169. **Pháp tín thọ** (P. *dhammaveda*, E. *knowledge of dhamma*): Trí tuệ thấy rõ sự thật của các hiện hữu. Do vì hành giả thấy rõ mục tiêu Phạm hạnh, và thấy rõ sự thật của vạn hữu mà tâm sanh hân hoan, do hân hoan mà hỷ sinh, lạc sinh, khinh an sinh, định sinh.
170. **Pháp vương** (P. *Dhammarāja*, E. *King of Dhamma*): Vua của các Pháp, chỉ cho đức Thế Tôn.
171. **Phi thời gian** (P. *akāliko*, E. *immediate*): Pháp độ cho đắc quả không chờ ngày giờ, là khi nào đắc đạo thì đắc quả mà không chậm trễ. Hoặc không có thời gian (vượt thời gian) chỉ cho pháp do đức Phật giảng dạy cho bất kỳ ai có thể áp dụng ở quá khứ, hiện tại hay vị lai.
172. **Phi như lý tác ý** (P. *niyyoniso manasikāra*, E. *No proper attention*): Tác ý theo nghĩa ngược lại với như lý tác ý, tức là tác ý không theo chân lý, chân đế, sự thật, căn nguyên, bản chất, Thánh đế; tác ý không hợp lý, không thích đáng; không tác ý với trí tuệ. Phi như lý tác ý làm sinh khởi tâm bất thiện tham, sân, si, hoặc tâm bất thiện hợp tà kiến, hợp ác ý, hợp hoài nghi, phóng dật, v.v. trong các chặp tốc hành tâm, làm tăng trưởng dục vọng và ngã chấp, đưa đến kết quả khổ đau.
173. **Phụng hành** (P. *anuvattati*, E. *obey*): Vâng lời thi hành, thực hành.
174. **Phương linh dược** (P. *jeṭṭho osadha*, E. *best medicine*): Thuốc, dược liệu tốt nhất chỉ cho pháp của Phật có thể trị tất cả phiền não của chúng sanh.
175. **Phòng hộ** (P. *saṃvarati*, E. *to restrain*): Phòng ngừa, ngăn ngừa, bảo hộ.

176. **Phóng dật** (P. *uddhacca*, E. *restlessness*): Là trạng thái trạo cử, phóng túng, lao chao, tán loạn của tâm, khiến tâm không thể tập trung vào đối tượng nào. Là sự lăng xăng không có mục đích và thiếu kiểm soát. Trong *Kinh Saṅgārava* (*A.* III. 230), đức Phật còn ví dụ một nội tâm phóng dật giống như bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng; người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình trong đó thì không thể như thật thấy biết *được*. Phóng dật cũng là một trong hai khía cạnh của tâm si, bên cạnh tâm sở hoài nghi.
177. **Quán niệm** (P. ā*nussati*, E. *contemplation*): Quan sát theo dõi đối tượng mình đang suy nghĩ trong chánh niệm như hơi thở, ân đức Phật…
178. **Quán sát** (P. *dassati*, E. *to observe*): Theo dõi những gì đang diễn ra nơi thân tâm.
179. **Quán tưởng** (P. *paṭisaṅkhā*, E. *reflection*): Là tập trung tư tưởng, suy nghĩ và suy nghiệm một vấn đề, giúp cho thân an và tâm tập trung không loạn động.
180. **Quy ngưỡng** (P. *saraṇam gacchati*, E. *to take refuge*): Quay về nương tựa (Ba ngôi báu). Xem Tam bảo.
181. **Quy y Tam bảo** (P. *ti-saraṇaṃ gacchati*, E. *to take the Three Refuges*): Quay về nương tựa đức Phật, Giáo pháp và Tăng đoàn. Xem Tam bảo.
182. **Quyến niệm** (P. *pema citta*, E. *affection thought*): Ý niệm bị vướng mắc, chấp chặt vào một điều gì đó.
183. **Quỷ đói** (P. *peta*, S. *preta*, E. *hungry ghosts*): Một trong những hình thức tái sinh; do hệ quả của lòng tham trong kiếp sống trước, phải chịu đựng sự đói, khát và luyến ái.
184. **Sa-môn** (P. *samaṇa*, S. śramaṇa, E. *a recluse*): Chỉ chung cho giới tu sĩ không tin vào thẩm quyền kinh điển Vệ-đà của đạo Bà-la-môn trong thời đức Phật. Các tu sĩ ngoại đạo thời đó thường gọi đức Phật là Sa-môn Cồ-đàm hay bậc Đại Sa-môn. Trong khi đó, đức Phật thường gọi các đệ tử nam của mình là Tỳ-kheo và các đệ tử nữ là Tỳ-kheo-ni. Về sau, từ này được sử dụng để chỉ chung cho các vị cao Tăng.
185. **Sa đọa** (P. *d*ūsita, S. dūṣita, E. *depraved*): Sa ngã, hư hỏng về lối sống lẫn tinh thần như sa đọa trong dục vọng.
186. **Sanh tử** (P. *cutūpapāta*, E. *life and death*): Sanh ra và chết đi.
187. **Sân hận** (P. *vyāpāda*, byāpāda, E. *ill-will, malevolence*): Ác tâm, ác ý, ác cảm. Có tính chất giận hờn lâu ngày trở thành hận thù.
188. **Sát-na** (P. *khaṇa*, S. *kṣaṇa*, E. *split-second*): Chỉ cho thời gian ngắn nhất mà con người có thể tưởng tưởng được.
189. **Sát sanh** (P. *p*āṇātipāta, E. *killing beings*): Sự giết sinh vật có

mạng sống, đoạn mạng sống một chúng sinh có thức tánh.

190. Sông mê (P. *taṇhānadī, taṇhāsaritā*, E. *river of passion*): Sông ái, ái hà, chỉ sự đam mê mờ mịt không dứt.

191. Sơ tổ (P. *Titthakarāna*, E. *founder of a religious order*): Vị sáng lập ra tông phái tu tập.

192. Sư trưởng (P. *Nāyaka*, E. *spiritual master*): Người hướng dẫn, Thầy Tổ.

193. Tam bảo (P. *Tiratana*, S. *Triratna*, E. *Triple Gem*): Nghĩa là Ba ngôi báu, dịch cách khác là Ba điều quý báu, đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

194. Tam đồ (E: *three evil realms*): Nghĩa là ba đường ác, chỉ cho hỏa đồ, đao đồ, huyết đồ. *Hỏa đồ* (tức đường địa ngục): Do vì chúng sanh của cõi này thường chịu nỗi khổ bức bách, nóng bỏng của lò lửa cháy, vạc dầu sôi, hoặc do vì nơi ấy lửa tích tụ rất nhiều. Đao đồ (tức đường ngạ quỷ): Do chúng sanh ở cõi này thường chịu nỗi khổ bức bách của đao gậy. *Huyết đồ* (tức đường súc sanh): Do chúng sanh ở cõi này tranh giành cấu xé lẫn nhau, người mạnh lấn áp kẻ yếu, uống máu ăn thịt nhau.

195. Tam độc (P. *tivisa*, S. *triviṣa*, E. *three poisons*): Chỉ cho ba yếu tố chính trói buộc con người vào luân hồi đó là tham, sân và si.

196. Tam minh (P. *Tevijja*, E. *possessing three superhuman knowledges*): Ba minh mà đức Thế Tôn chứng ngộ khi thành đạo, gồm: *Túc mạng minh*, là trí nhớ về và biết rõ vô lượng kiếp của tự thân; *Thiên nhãn minh*, là thấy rõ sự sống và chết của chúng sanh, tất cả đều do hạnh nghiệp của họ mà xuất hiện hạ liệt hay cao sang, đẹp đẽ hay thô xấu, may mắn hay bất hạnh; *Lậu tận minh*, là trí đoạn tận hết thảy lậu hoặc, nhờ thắng tri như thật về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, và thắng tri như thật dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; đạt giải thoát; thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."

197. Tam nghiệp (P. *trikarma*, E. *three kinds of deeds*): Ba nghiệp về thân, khẩu, ý.

198. Tam Thập Tam thiên (P. Tavatiṃsa, E. name of the second in the six heavens of the desire realm in Buddhist cosmology): Cõi trời 33, thuộc tầng trời thứ 2 trong 6 cảnh trời của dục giới.

199. Tâm giải thoát bất động (E. *unshakable freedom of mind*): Theo Sớ giải của HT. Chơn Thiện đây là quả vị A-la-hán, tâm đã đoạn trừ tất cả lậu hoặc.

200. Tà dâm (P. *kāmesumicchācāra*, E. *sexual misconduct*): Quan hệ nam nữ bất chính.

201. Tà kiến (P. *micchādiṭṭhi*, E. *false views*): Cái nhìn sai lệch, sự nhìn

nhận đánh giá không dựa trên trí tuệ thông suốt, sự hiểu biết tường tận mà xuất phát từ cảm tính. Cái nhìn đó thường không đúng với sự thật, với bản chất vốn có của nó. Cũng như quan niệm hay nhận thức không dựa trên chân lý, lý duyên khởi, lý nhân quả, tam tướng - vô thường, khổ, vô ngã; mà thuộc về 62 tà kiến.

202. **Tán dương** (P. *pasaṃsati*, E. *praise*): Khen ngợi, tán dương những ân đức của Tam bảo.
203. **Tác ý** (S=P. *manasikāra*, E. *attention*): Tác ý không như lý (*ayoniso*) là biểu hiện của thiếu khôn ngoan, bất cẩn và chỉ tập trung vào những hình thức bên ngoài, vì vậy phát sinh các phiền não trong tâm. Tác ý như lý (*yoniso*) là biểu hiện của thông minh, cẩn trọng, tìm kiếm và chú ý các đặc điểm của pháp, do đó không sinh phiền não.
204. **Tăng-già** (P. *Saṅgha*, E. *the Buddha's community*): Đoàn thể xuất gia đệ tử Phật, thọ Cụ túc giới, sống chung hòa hợp, thanh tịnh.
205. **Tần-bà-sa-la** (P. Seniya Bimbisāra): Tên gọi khác là Bình-sa vương, ông trị vì nước Ma-kiệt-đà. Cha của Vua A-xà-thế.
206. **Tôn dung** (P. *sumukha*, E. *countenance*): Gương mặt cao quý.
207. **Tôn trọng** (P. āhuṇeyya, E. *worthy of adoration*): Sự đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác, thể hiện lối sống văn hóa của mỗi người.
208. **Thanh bần** (E. *honourable poverty*): Nghèo mà trong sạch.
209. **Thanh tu** (E. *purity practice*): Sự tu tập trong sạch.
210. **Thanh văn** (P. *Sāvaka*, S. Śrāvaka, E. *a Hearer*): Các vị sau khi nghe xong giáo pháp của đức Phật, chứng quả A-la-hán, nhưng chưa chứng được quả vị giác ngộ tối thượng. Theo cách phân chia giáo pháp của các nhà Đại thừa, giáo pháp của đức Phật chia thành 5 nhóm tương ứng với năm đối tượng: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa.
211. **Thành tín** (P. *saddhā*, E. *confidence*): Đức tin, niềm tin, sự tin tưởng chân thành những người có đức hạnh như Phật và các vị Thánh.
212. **Thánh nhân** (P. *Ariya*, S. ārya, E. *a Noble man*): Chỉ cho các hành giả đã chứng được quả Dự lưu trở lên.
213. **Thánh đa văn đệ tử** (P. *Ariyasāvaka*, E. *a disciple of the noble ones*): Vị đệ tử của đức Phật đã đạt được một trong bốn quả Thánh, tinh thông giáo pháp và có khả năng diễn giảng giáo pháp dưới nhiều khía cạnh khác nhau.
214. **Thắng tri** (P. *Abhiññā*, E. *supernormal knowledge*): Thông hiểu

rõ rệt. Theo định nghĩa Hòa thượng Chơn Minh: Trực giác hiểu biết trực tiếp sự vật, thấy biết trong đại định từ đệ Tứ sắc định đến Tứ không định. Các bậc Thánh Hữu học và Vô học luôn thắng tri các pháp.

215. Tham ái (P. *taṇhā*, E. *lust*): Tham đắm cảnh ngũ dục, gồm: dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

216. Thất giác chi (P. *sattabojjhaṅgā*, S. *saptabdhyaṅgāni*, E. *seven factors of enlightenment*): Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, nên được gọi là bảy yếu tố giác ngộ, thuộc Đạo đế, gồm: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả.

217. Thập thiện nghiệp (P. *dasakammapatha*, E. *the ten wholesome ways of action, the ten wholesome deeds*): Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không nói đâm thọc, không rủa chửi, không nói phù phiếm, không tham lam, không sân hận, không tà kiến.

218. Thoát ly (P. *nissaraṇa*, E. *to escape*): Xa rời, giải thoát khỏi [những điều bất thiện, trói buộc].

219. Thời gian không biến đổi (P. *akāliko*, E. *timeless*): Đúng với ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Ở đây chỉ cho lời Phật dạy luôn đúng ở quá khứ, hiện tại và vị lai.

220. Thời giải thoát (P. *samayavimokkha*, E. *release as to things of time*): Giải thoát tạm thời khỏi phiền não khổ đau vào thời điểm tu tập. Thời giải thoát bao gồm 4 tầng thiền sắc giới và 4 thiền chứng vô sắc giới (*Paṭisambhidāmagga*, 227).

221. Thọ trì (P. *samādiyati*, E. *to undertake*): Nhận lãnh, chấp trì, chấp hành.

222. Thôn Tiên (P. Isigili): Tên một ngọn núi thời đức Phật. Tương truyền đây là nơi có vô số vị Độc Giác Phật tu hành trong quá khứ. Xem ý nghĩa *Kinh Thôn Tiên* ở Phụ lục 1.

223. Thế Tôn (S=P. Bhagavā, S. Lokanātha, E. the Fortunate One): Bậc được thế gian tôn kính. Thỉnh thoảng trong các bản chữ Hán và vài bản dịch tiếng Việt giữ nguyên cách phiên âm của Bhagavā là Bạt-già-phạm. Đây là một trong mười danh hiệu của đức Phật. Danh hiệu này còn là từ tôn xưng của hàng đệ tử đối với đức Phật.

224. Thế Gian Giải (P. Lokavidū, S. Lokavidu, E. The Knower of the World): Bậc tinh tường và giải thông hết thảy các pháp ở thế gian. Một trong mười danh hiệu của Phật.

225. Thiên chủ Đế-thích (P. Sakka, E. the 'King of Gods'): Chủ cõi chư thiên Tam Thập Tam hay Đao-lợi (Vua trời Đế-thích).

226. Thiên Nhân Sư (P. Satthā devamanussānaṃ, S. Śastā de-

vamanuṣyāṇām): Bậc Thầy của trời người. Một trong mười danh hiệu của đức Phật.

227. **Thiên long bát bộ** (S. *aṣṭasenā*, E. *the eight legions*): Tám loài hữu tình trong thần thoại Phật giáo. Trước kia họ hung ác, về sau được Phật chuyển hóa thành những vị thần hộ trì Phật pháp, gồm có: Trời (*deva*), rồng (*nāga*), dạ-xoa (*yakkha*), càn-thát-bà hay nhạc thần (*gandhabba*), a-tu-la (*asura*), ca-lâu-la hay kim xí điểu (*garuḍa*), khẩn-na-la hay nhân điểu (*kiṃnara*, hay *kinnara*), ma-hầu-la-già tức đại mãng xà (*mahoraga*).
228. **Thiện Thệ** (S=P. Sugata, E. the Well Gone One): Bậc khéo vượt qua sông mê bể khổ, cảnh giới luân hồi. Một trong mười danh hiệu của đức Phật.
229. **Thiện hữu** (P. *kalyāṇamitta*, E. *a good companion*): Bạn lành, bạn tốt, người có khả năng hỗ trợ ta giác ngộ.
230. **Thiện hạnh** (P. *suppaṭipanna*, E. *well-practiced*): Sự thực hành khéo léo, chơn thiện.
231. **Thiết thực hiện tại** (P. *sandiṭṭhiko*, E. *visible, actual in this life*): Pháp mà chư Thánh đã thấy chắc, biết chắc nhờ kiến tánh, chẳng phải vì nghe, vì tin kẻ nào khác, nghĩa là tự mình thấy rõ chân lý. Thiết thực hiện tại cũng có một nghĩa khác là lời Phật dạy đem ra áp dụng có kết quả thực sự ngay lập tức.
232. **Thuần-đà** (P. Cunda): Đây là tên một người thợ rèn trong bài kinh *Người thợ rèn Thuần-đà* thuộc *Kinh Tương ưng bộ*. Ông này đã cúng dường đức Phật buổi cơm cuối cùng. Xem ý nghĩa bài kinh ở Phụ lục 1.
233. **Thừa tự pháp** (P. *dhammadāyāda*, E. *heirs in the teaching*): Thừa tự sự nghiệp giác ngộ của Phật, được thể hiện qua nếp sống thực hành nghiêm túc của lộ trình Giới-định-tuệ, hướng đến mục tiêu giải thoát giác ngộ. Đức Phật đã có lời khuyên nhắc các Tỳ-kheo hãy là người thừa tự pháp chớ có thừa tự tài vật.
234. **Thượng nhân** (P. *Uttamapurisa*, E. *the highest of men*): Chỉ cho bậc cao Tăng có đầy đủ trí tuệ và đức hạnh, xứng đáng làm Thầy của chúng Tăng và mọi người.
235. **Thị Giả đường** (P. Upaṭṭhānasālā, E.Aassembly hall): Nơi vân tập, tập trung trước một buổi lễ.
236. **Tịnh tín** (P. *aveccapasāda*, E. *perfect faith*): Sự tin tưởng tuyệt đối trong sạch và sáng suốt.
237. **Tịnh Cư thiên** (P. Suddhāvāsa, S. Śuddhāvāsa, E. the residence of the pure karma sage): Đây là cõi trời cao nhất của sắc giới gồm 5 cõi: Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Hiện thiên, Thiện Kiến thiên, Sắc Cứu Cánh

thiên. Các vị Thánh chứng quả Bất lai được sinh lên các cõi trời này, để tiếp tục tu hành chứng quả A-la-hán.

238. Tịch tịnh (P. *santi, Nibbuti,* E. *peace*): Xem nghĩa Niết-bàn.

239. Tuệ giác (P. ñāṇa, E. *insight*): Theo định nghĩa của HT. Nhất Hạnh: Cái nhìn từ bên trong của sự vật, hiện tượng. Nhờ vậy mỗi người sẽ hiểu được bản chất của sự vật, hiện tượng ấy mà không phải là cái nhìn phiến diện từ bên ngoài.

240. Tuệ tri (P. *pajānāti ti,* E. *to know clearly*): Nhận biết, phân biệt, thấy rõ, thấu hiểu tường tận.

241. Tu-đà-hoàn (P. *Sotāpatti,* S. *Srotāpatti,* E. *Stream-Entry*): Được dịch là Dự lưu quả, nghĩa là vào được dòng Thánh, là quả vị đầu tiên đạt được khi hành giả đoạn trừ ba kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Vị này tối đa sanh tử 7 lần nữa rồi giải thoát, nên còn được dịch là "Thất lai".

242. Tu tập (P. *bhavati,* E. *to cultivate*): Là bước đầu phát triển những đức tính tốt đẹp của mỗi con người như thương người, bao dung, chân thật, siêng năng, từ bi, nhẫn nại, tha thứ… kế tiếp là nhận diện, chuyển hóa, dứt trừ những thói hư, tật xấu, tính ác của bản thân như ích kỷ, tham lam, cố chấp, thù hận, ganh ghét, dối trá, độc ác, lười biếng và cuối cùng là không còn tham, sân, si.

243. Tùy tín hành (P. *saddhānusāri,* E. *acting in conformity with faith*): *"Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp;* và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ *một cách hoàn toàn. Nhưng nếu vị này có đủ lòng tin và lòng thương Như Lai, thời vị này sẽ có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, vị này được gọi là người Tùy tín hành"* (trích *Kinh Trung bộ* số 70, *Kītāgiri*).

244. Tùy pháp hành (P. *dhammānusārī,* E. *acting in conformity with Dhamma*): *"Có người sau khi tự thân không chứng đắc các tịch tịnh giải thoát, vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp;* và sau khi đã thấy với trí tuệ, nhưng các lậu hoặc không được đoạn trừ một cách hoàn toàn; và các pháp do Như Lai tuyên thuyết *[chỉ]* được vị này chấp nhận một cách vừa phải với trí tuệ, dầu cho vị này có những pháp như là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, vị này được *gọi là người tùy pháp hành"* (trích *Kinh Trung bộ* số 70, *Kītāgiri*).

245. Tư-đà-hàm (P. *Sakadāgāmī,* S. *Sakṛdāgāmin,* E. *Once-returner*):

Nhất lai, Nhất vãng lai, hoặc Nhất hoàn. Ở đây vị hành giả đoạn trừ 3 kiết sử phiền não đầu tiên: thân kiến, nghi, giới cấm thủ và làm yếu dần hai kiết sử tham và sân. Vị này nếu mạng chung thì sẽ tái sanh trong cõi người một lần nữa rồi chứng quả Vô sanh, không còn luân hồi.

246. Tư lượng (P. *anumāna*, E. *Inference*): Xem ý nghĩa bài *Kinh Tư lượng* ở Phụ lục 1.

247. Từ tâm (P. *mettā*, E. *loving-kindness*): Nghĩa là tình yêu thương vị tha và thiện ý vô điều kiện. Từ tâm không phải là tình thương liên quan đến nhục dục ngũ trần, hay lòng trìu mến cá nhân, riêng tư. Đó là lòng chân thành ước mong cho tất cả chúng sanh đều được an lành, hạnh phúc.

248. Tứ ân (E. *four great favors*): Dịch nghĩa của "Tứ trọng ân", gồm có ơn Tam bảo, ơn Thầy Tổ, ơn Cha Mẹ, và ơn quốc gia (hoặc ơn tín chủ).

249. Tứ bất hoại tín (P. *abhedapasāda*, S. *abhedaprasāda*, E. *the four objects of unfailing faith*): Bốn đức tin không hư hoại ngang qua việc tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và thọ trì giới luật Phật một cách kiên định.

250. Tứ diệu đế (P. *Cattāri ariyasaccāni*, E. *Four Noble Truths*): Bốn Thánh đế, bốn sự thật cao thượng, bốn chân lý vi diệu, bao gồm: Chân lý về khổ (khổ đế), chân lý về nguyên nhân của khổ (tập đế), chân lý về sự tịch tịnh - trạng thái chấm dứt về khổ (diệt đế) và chân lý về con đường dẫn đến sự chấm dứt về khổ (đạo đế).

251. Tứ đại (P. *mahābhūta*, E. *four great elements*): (1) Địa (thể rắn); (2) Thuỷ (chất lỏng); (3) Hoả (hơi nóng); (4) Phong (gió).

252. Tứ niệm xứ (P. *Satipaṭṭhāna*, S. *smṛtyupasṭhāna*, E. *four foundations of mindfulness, i.e. contemplation of body, feeling, mind and mind-objects*): Con đường độc nhất, đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu-bi, diệt trừ khổ-ưu, thành tựu chánh lý (P. *ñāya*), chứng ngộ Niết-bàn.

253. Tứ quả Sa-môn (P. *Catubbidhaṃ ariyaphalaṃ*. E. *The fourfol noble fruition*): Bốn quả vị sai biệt của các bậc Thánh Thanh văn thừa, tùy thuộc vào trình độ căn cơ của hành giả đã đạt được sau khi tu tập. Đó là: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

254. Tự ngã (P. *attā, atta, attan*, S. *Ātman*, E. *the ego, self*): Một trong ba thuộc tính của bản ngã: của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi.

255. Tưởng (P. *saññā*, E. *perception*): Chính là khả năng nhận dạng các trần cảnh dựa trên những cái biết cũ đã được huân tập từ quá khứ. Cái biết của các giác quan là sự trực nhận đối tượng

hiện tiền không thông qua một quan niệm hay kinh nghiệm nào. Còn cái biết của tưởng là cái biết liên tưởng, tức phải dựa trên những cái biết cũ.

256. **Trần ai** (E. *lamented nature of life*): Cõi đời, hoàn cảnh vất vả gian truân.
257. **Trộm cắp** (P. *adinnādāna*, E. *theft*): Lấy vật chưa cho, lấy vật mà chủ nhân chưa đồng ý.
258. **Tri kiến** (P. ñāṇadassana, E. *knowledge and vision; knowing and seeing*): Sự biết và thấy qua tự thân tu tập, trải nghiệm thực tế và trực tiếp. Tùy mức độ, ngữ cảnh, tri kiến có thể chỉ cho 'thiên nhãn thông, hoặc tuệ minh sát, tuệ đạo, tuệ quả, tuệ duyệt xét, nhất thiết chủng trí' (*MA*. I. 335 *Ñāṇadassananti dibbacakkhupi vipassanāpi maggopi phalampi paccavekkhaṇañāṇampi sabbaññutañ-ñāṇampi vuccati*)
259. **Trí tuệ** (P. *paññā*, S. *prajñā*, E. *wisdom*): Sự thấy biết các sự vật hiện tượng đúng như thật bản chất của nó, không còn bị bản ngã si mê đánh lừa. Trí tuệ có nhiều cấp độ. Nhờ đọc, học, nghe thuyết giảng mà được sáng suốt gọi là "văn tuệ". Do tự mình suy tư [những điều đã học] mà hiểu biết thấu suốt được vấn đề, gọi là "tư tuệ"; Do tu tập [các pháp môn của đức Phật chỉ dạy] mà phát sinh trí tuệ gọi là "tu tuệ."
260. **Trung đạo** (P. *majjhimā-paṭipadā*, S. *madhyamā-pratipad*, E. *middle way*): Trong *Kinh chuyển pháp luân*, đức Phật giảng về con đường Thánh tám ngành (P. *ariya aṭṭhaṅgika magga*), gọi là trung đạo vì nó tránh xa hai cực đoan hưởng thụ dục lạc và khổ hạnh ép xác.
261. **Trù lâm kiến** (P. *diṭṭhigahanaṁ*. E. *the dense thicket of false views*): Tà kiến khó vượt qua như rừng cây rậm rạp.
262. **Trúc Lâm** (P. Veluvana, S. Veṇuvana, E. The first park accepted by the Buddha): Vườn có nhiều trúc, tại thành Vương Xá xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), được Vua Bimbisāra xứ ấy dâng cúng đức Phật và Tăng chúng để làm tịnh xá Trúc Lâm. Đây là ngôi tịnh xá đầu tiên trong lịch sử Phật giáo. Đức Phật đã trải qua nhiều mùa an cư và giảng nhiều bài pháp quan trọng tại đây.
263. **Trừ diệt** (P. *pajahati*, E. *to eliminate*): Làm biến mất hoàn toàn một thứ gì đó.
264. **Trực hạnh** (P. *Ujupaṭipanno*, E. *Upright conduct*): Hạnh chánh trực, đứng đắn.
265. **Tỳ-kheo, Tỳ-khưu** (P. Bhikkhu, S. Bhikṣu, E. a Buddhist monk): Tỳ-kheo có 3 nghĩa căn bản: Khất sĩ, bố ma và phá ác. Đây là cách gọi chung của người nam xuất gia tu theo đường lối của đức Phật. Cách gọi này hết sức

đặc thù trong Phật giáo, không tìm thấy trong các tôn giáo đương thời với đức Phật.

266. Tỳ-kheo-ni, Tỳ-khưu-ni (P. Bhikkhunī, S. Bhikṣunī): Chỉ cho người nữ xuất gia tu theo đường lối của Phật. Cũng có nội dung tương tự với nghĩa Tỳ-kheo ở trên.

267. Tỳ-xá-ly (P. Vesāli)*:* Thủ phủ của vương quốc Licchavi, một trung tâm chính trị, thương mại và văn hóa quan trọng thời Phật. Nơi đây còn là cái nôi của nền văn hóa triết thuyết Phật giáo. Tại đây, đức Phật đã tuyên bố 3 tháng nữa Ngài nhập Niết-bàn; và cũng tại đây, Đại hội Kết tập Tam tạng lần thứ 2 được tổ chức sau khi Phật nhập diệt hơn 100 năm.

268. Uế trược (P. *mala*, E. *dirty or impure*): Những thứ dục vọng phiền não mà chúng ta cần phải đoạn trừ.

269. Ưu-đà-di (S=P. Udāyi*):* Tên một vị Tôn giả đệ tử đức Phật. Xem ý nghĩa bài *Kinh Tôn giả Ưu-đà-di* ở Phụ lục 1.

270. Ứng Cúng (P. Arahaṃ, arahanta, E. worthy of offerings , a holy man, one who has attained the highest level of Nobility): Bậc A-la-hán tôn quý, đã đạt tầng Thánh cao nhất, đáng thọ lãnh của cúng dường. Một trong mười danh hiệu của đức Phật. Bậc A-la-hán hay bậc viên mãn vì những lý do sau: (1) vì sự xa cách (*āraka*) mọi cấu uế do đã triệt hết các nhiễm ô nhờ Chánh đạo, (2) vì những kẻ thù (*ari*) tức những nhiễm ô và (3) những căm xe (*ara*) tức các hành nghiệp đã được phá huỷ (*hata*) bởi đạo lộ, (4) vì Ngài xứng đáng (*araha*) được cúng dường tứ vật dụng v.v... Và (5) vì không có những ác hạnh thầm kín, bí mật (*rahābhāva*).

271. Ứng lý (P. ñāya, E. *concordant with method*): Phương châm, cách thế, cử chỉ đúng đắn. Ứng lý hạnh là một trong bốn hạnh của chúng Tăng đệ tử Phật.

272. Vạy tà (P. *vaṅka*, E. *crooked*): Không ngay thẳng.

273. Vật tài thế gian (P. *lokāmisa*, E. *worldly materials*): Nghĩa là tiền tài, của cải vật chất ở thế gian con người.

274. Viên dung (P. *Sammā*, E. *thoroughly, perfectly*): Dung hòa, dung thông.

275. Viên mãn (P. *paripuṇṇa*, E. *become full or perfect*): Đầy đủ, trọn vẹn.

276. Viễn ly (P. *paviveka*, E. *seclusion*): Sống độc cư, sự vắng vẻ và ẩn dật.

277. Vô dư y Niết-bàn (P. *Anupādisesa-nibbāna*, S. *Nirupadhiśeṣa-nirvāṇa*, E. *The full extinction of defilements*): Niết-bàn của các vị Thánh không còn ở thế gian. Niết-bàn của người đoạn tận

phiền não, không còn tham, sân, si nhưng còn ở thế gian. *"Này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là Niết-bàn giới không có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh tri. Ở đây đối với vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỉ ưa thích, sẽ được lắng dịu. Này các Tỷ-kheo,* đây gọi là Niết-bàn không có dư y". (Trích *Kinh Tiểu bộ*, "Kinh Phật thuyết như vầy" *(Itivuttaka))*.

278. Vô thường (P. *aniccatā*, E. *impermanence*): Bản chất tạm bợ, không vững chắc, không thường còn; nay có đó, mai lại mất, luôn thay đổi.

279. Vô Thượng Sĩ (S=P. Anuttara, E. without a superior): Con người siêu việt, phi phàm, không ai hơn. Một trong mười danh hiệu của Phật.

280. Vô văn phàm phu (P. *assutavāputhujjana*, E. *an ordinary non-listener*): Người không thấy các bậc Thánh, người không thiện xảo trong Chánh pháp, người không tu tập trong Chánh pháp. Bậc Thánh ở đây có thể là một vị Phật hay một vị Thanh văn đệ tử Phật đã đạt đến một trạng thái siêu thế nào đó.

281. Vô minh (P. *avijjā*, S. *avidyā*): Sự mê muội, tăm tối, không hiểu biết Tứ diệu đế v.v... Ở đây, sự vô minh không phải chỉ cho sự thiếu học hay kém văn hoá, mà là chỉ cho các pháp bất thiện tiềm ẩn từ vô thỉ kiếp che mờ trí tuệ con người.

282. Vô lậu (P. *anāsava*, S. *anāsravaḥ*, E. *ignorance*): Không còn các lậu hoặc, cấu uế phiền não trong tâm. Đây là trạng thái tâm thanh tịnh của một bậc A-la-hán.

283. Vô ngã (P. *anattā*, S. *anātman, nirātman*, E. *egolessness*): Chỉ cho tính không thực thể trong mọi sự vật, hiện tượng. Giảng giải cụ thể gồm có: Nhân vô ngã (con người không có thực thể) và Pháp vô ngã (mọi sự vật hiện tượng đều do các duyên tạo thành).

284. Vương Xá (P. Rājagaha, S. Rājagṛaha, E. A city, the capital of Magadha): Thành Vương Xá. Đây là kinh đô của Vua Tần-bà-sa-la (Bimbisāra), một trung tâm văn hóa ở Ấn Độ thời Phật tại thế. Nay là một thị trấn nhỏ thuộc bang Bihar.

285. Vườn Ghô-si-ta (P. Ghositārāma, E. Ghosita's park): Đây là khu vườn tinh xá do trưởng giả Ghosaka dâng cúng, (tại Kosambi có 3 vị trưởng giả cúng dường tinh xá cho Tăng chúng: tịnh xá Ghositārāma do trưởng giả Ghosaka dâng cúng, tịnh xá Kukkudhārāma do trưởng giả Kukkudha dâng cúng và tịnh xá

Pavarikambavana của trưởng giả Pavarika xây dựng trong vườn xoài của ông).

286. Vị tằng hữu pháp (P. *abbhūtadhamma*, E. *marvellous quality*): Các điều lạ lùng, kỳ diệu, hy hữu, hiếm khi xảy ra.

287. Xan tham (P. *macchariya*, S. *m*ātsarya. E. *selfishness*): Sự tham lam, bỏn xẻn chấp có cái gì là ta, của ta và muốn gì cho ta.

288. Xá-vệ (P. Sāvatthi, S. Śrāvastī, E. the capital town of Kosala in India and one of the six great Indian cities during the lifetime of he Buddha): Xá-vệ là thủ đô của nước Kosala (S. Kośalā), một trong sáu trung tâm học thuật, văn hóa mạnh nhất thời đức Phật.

289. Xá-lợi-phất (P. Sāriputta, S. Śāriputra): Tên vị đại đệ tử của đức Phật có trí tuệ đệ nhất, được đức Phật ban cho danh hiệu "Tướng quân Chánh pháp."

290. Xuất gia (P. *nekkhamma*, E. *renunciation*): Xuất gia có 3 nghĩa: Rời bỏ thế tục, không còn phiền não, vượt khỏi tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) tức là không còn luân hồi sanh tử.

291. Xứ Ku-ru (P. Kuru, S. Indraprasttha, E. a country, one of the sixteen large countries): Câu-lâu, một trong 16 quốc gia thời đức Phật. Xứ Kuru thuộc vùng Bắc Ấn Độ được tìm thấy gần New Delhi, Ấn Độ. Có một thị trấn tên là Kammāsadamma nơi đức Phật giảng *Kinh đại niệm xứ* và nhiều bản kinh khác.

292. Xứ Pa-va (P. Pāvā, E. an important city of the Malla tribe of ancient India): Một thành phố quan trọng của bộ lạc Malla thời Ấn Độ cổ đại.

293. Yểm ly, yếm ly (P. *nibbidā*, E. *disgust, weariness*): Sống giữa đời mà không bị dính mắc và chấp thủ bất cứ vật gì trên đời.

PHỤ LỤC 3
NGHI THỨC TRÌ TỤNG

1. Khái niệm chung

Theo *Phật Quang đại từ điển*, "kinh" tiếng Phạm là Sūtra; Hán âm: Tu-đa-la, Tố-đát-lãm, Tô-đát-la. Hán dịch: Khế kinh, Chính kinh, Quán kinh. "Kinh" chỉ cho tất cả giáo pháp do đức Phật giảng nói được ghi chép, giữ gìn và truyền lại cho đời sau; là một trong ba tạng Thánh điển của Phật giáo, một trong chín, hoặc mười hai thể tài kinh.[1]

Trong đạo Phật, ý nghĩa chữ "kinh" ban đầu rất đơn giản. "Kinh" trong tiếng Sanskrit viết là *sūtra*, và trong tiếng Pāli viết là *sutta*, chỉ có nghĩa đen là sợi dây hay những lời giảng dạy của đức Phật về đạo đức, chân lý và giải thoát. Nó liên hệ đến sự nghe, nghe những lời dạy của đức Phật. Nói cách khác, "kinh" là những lời dạy của Phật hay các vị Thánh đệ tử của Phật được thể hiện dưới dạng thức của một bài pháp thoại. Trong ý nghĩa rộng hơn, chữ "kinh" còn ám chỉ cho các thể loại văn học Phật giáo và ba kho tàng văn học Phật giáo thường được biết đến qua thuật ngữ "tam tạng" (Sanskrit: *tripiṭaka*, Pali: *tipiṭtaka*). Trong một số ngữ cảnh nhất định, "kinh" được ám chỉ cho phần pháp thoại (*sutta*) hay kinh tạng (*sutta piṭaka*), một trong ba kho tàng văn học Phật giáo. Nói đúng hơn, nó bao gồm những lời dạy của chánh pháp, những phương thức hành trì hay các pháp môn được đức Phật và các vị Thánh đệ tử của Ngài giảng dạy, dù được biểu thị dưới dạng ngôn ngữ truyền miệng hay văn tự.

Các vị Thánh đệ tử đầu tiên của đức Phật là nhóm năm anh em Kiều-trần-như, mười vị đệ tử lớn và 1250 vị Tỳ-kheo đều có nhiều cuộc đối đáp về đạo lý và con đường tu tập với các người theo Bà-la-môn giáo và các tôn

---

[1)] HT. Quảng Độ (dịch), *Phật Quang đại từ điển*, NXB. Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn, Đài Bắc, 2000, p.2645.

giáo tín ngưỡng bấy giờ. Các đối thoại mang tính cách xiển dương và truyền bá đạo pháp như vậy được xem là các pháp thoại, có giá trị tương đương với lời Phật dạy trong nhiều trường hợp cụ thể. Nên các pháp thoại đó cũng được xem là kinh.

2. Cách thức hành trì

2.1. Chuẩn bị

- Thời gian tại tịnh xá: Sáng có thể bắt đầu từ 4g00 hoặc 5g00, tối từ 18g30 hoặc 19g00 tùy theo thời khóa được sắp đặt của mỗi đạo tràng. Tại tư gia có thể theo thời khóa ở tịnh xá nhưng cũng có thể trì tụng bất cứ thời gian nào trong ngày.

- Đạo tràng: Quét lau sạch sẽ nơi thờ tự mỗi ngày. Dâng cúng nhang đèn, hoa trái đơn giản nhưng tươm tất.

- Cá nhân: Vệ sinh thân thể sạch sẽ, y áo trang nghiêm trước khi đến nơi tụng kinh.

2.2. Thời lượng

- Theo *Chơn lý*, đức Tổ sư Minh Đăng Quang quy định việc tụng kinh khá rõ như nên ngồi theo thứ lớp, ngồi theo giới phẩm, không ngồi bát nháo, lộn xộn. Đặc biệt, Ngài quy định tụng kinh chỉ trong nửa giờ (30 phút).

- Một trong những phương tiện truyền đạo hữu hiệu gắn liền với từng sơn môn pháp phái đó chính là tôn chỉ hành đạo và nghi lễ hành trì. Nếu tôn chỉ hành đạo lấy sự tu chứng và xiển dương Chánh pháp của các bậc Tổ sư thì nghi lễ hành trì là điểm khởi đầu khơi nguồn tín tâm cho hàng Phật tử ngoài xã hội. Trên lập trường tu hành, mỗi Hệ phái có lập trường lập giáo riêng nhưng đều lấy Tam tạng Thánh điển làm nòng cốt chính. Trên lập trường truyền bá đạo, mỗi vị Tổ sư hoặc chư tiền bối hữu công với kinh nghiệm tu tập và trí tuệ uyên thâm đã biên soạn và trước tác những bộ nghi thức bài bản được sử dụng trong các nghi lễ quan trọng. Một trong những nghi thức quan trọng đó chính là nghi thức tụng niệm trong hai thời công phu sáng tối. Nên có thể tùy theo điều kiện mà tùy nghi tăng giảm thời lượng tụng kinh từ 45 phút đến một tiếng đồng hồ (60 phút).

2.3. Cách thức

- Thắp hương cúng dường ngôi Tam bảo, bàn Tổ sư và bàn thờ đức Thầy. Đảnh lễ mỗi nơi 3 lạy.

- Ngồi kiết-già hoặc bán già, lưng và đầu thẳng, hai vai cân bằng, tay chắp trước ngực.

- Khi tụng cần lấy hơi điều hòa, bắt nhịp theo vần điệu chậm rãi, khoan thai chủ yếu cho rõ chữ để người sau có thể nghe và hòa giọng tụng.

- Trong phần đề kinh gồm các kệ tán dương, kệ đảnh lễ và kệ khai kinh. Sau mỗi kệ có một chữ O, đây là tín hiệu gõ 1 tiếng chuông kèm theo 1 lần kỉnh xá.

- Trong phần nội dung chính, chúng ta nên tụng theo thứ tự được sắp xếp y cứ vào bố cục của *Tam tạng Thánh điển* do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam xuất bản từ năm 2020. Những ngày kế tiếp nhau có thể bắt đầu tiếp tục theo trang kinh dở dang hôm trước.

- Phần kết kinh là bài kệ phục nguyện, kệ phát nguyện và kệ tự quy y. Sau khi kết thúc kinh chính, chúng ta nên tụng các bài kệ này.

3. Ý nghĩa tụng kinh

- Đọc hiểu lời Phật dạy để áp dụng hành trì luôn là tiêu chí của bất kỳ quyển kinh tụng nào. Ngay trong thời kinh tụng ấy, nhờ sự chánh niệm được duy trì liên tục bằng cách đọc theo từng con chữ và chú ý theo âm điệu người dẫn kinh mà chúng ta vững vàng thẩm thấu nội dung được nói đến. Ở đó, tam nghiệp thân, khẩu, ý được chiếu soi trong ánh sáng trí tuệ của đức Phật và các dục, các ác bất thiện pháp tạm thời được yểm ly. Trong giờ trì kinh, *Tứ chánh cần* được hiện bày rõ ràng, người hành giả hoàn toàn có thể chạm được Diệu pháp tuyệt vời mà đức Phật đã chỉ dạy.

- Tạm gác mọi ý niệm về việc tụng kinh để cầu phước, cầu lộc, cầu sự gia hộ nào đó của Bồ-tát, trời Phật, người trì kinh đặt niệm trọn vẹn đúng hướng bằng cách thẩm sát từng lời kinh đang hiển bày trước mắt mình. Năng lực cầu nguyện nên hướng đến một vị Đạo sư, một vị thiện tri thức, một người đồng Phạm hạnh từ những trang kinh hơn là ngóng vọng phía bên ngoài. Như vậy, việc tiếp xúc với kinh tụng trong các giờ công phu sáng tối sẽ giúp chúng ta quay về tự tánh giác ngộ vốn có sẵn ở lòng mình và sự hoát nhiên ấy có thể hiển hiện trong một buổi tối sơ thu nào đó đâu ai biết được mà ngờ…

- Hơi thở của suối nguồn diệu giác biết tìm đâu xa ngoài những trang kinh Phật? Quả thật, từng hơi thở diệu kỳ ấy luôn đặt ngay bên cạnh chúng ta trong từng ô sách nhỏ như những cửa sổ tâm hồn mà đức Phật vẫn luôn mỉm cười an nhiên bất động như đỉnh non thiêng Hy-mã ngàn đời. Chúng ta hãy sống với từng hơi thở này như một nguồn sống không thể dứt tuyệt dù chỉ một sát-na, vì chỉ cần dừng lấy một hơi thì sự sống hỏi còn đâu nữa?

- Các trang kinh ấy đôi khi lại hóa thành những trái tim máu đỏ tinh khôi thấm đượm tình yêu cha mẹ thiêng liêng, đạo tình Ân sư tôn kính, tình thương chủng tộc giống loài muôn trùng vạn đại khi các thời kinh tụng diễn ra trong các lễ tưởng niệm cho những sự mất mát chia ly hay hướng

đến thiên tai, dịch bệnh. Những giai đoạn lầm than đau khổ dù cá nhân hay đồng loại đều được những trang kinh Phật dung chứa một cách nhiệm mầu như tấm y ca-sa của đức Thế Tôn được đâu kết từ vô lượng kiếp hiện thân Bồ-tát mà Ngài bổ túc từng pháp độ vậy. Có kiếp nào mà đức Như Lai chưa sinh sống qua? Có nỗi chua cay nào mà đức Như Lai không nếm trải? Có nỗi lòng nào mà đức Như Lai chưa từng thấu cảm? Nên tụng những lời kinh Phật như đọc lại cả một bức tranh sơn thủy mang đầy những hình ảnh sống động gắn kết trọn vẹn cuộc đời sinh chúng trong vạn đời mà đức Phật đã trải qua. Và như vậy, khi nghĩ tưởng đến người thân trong giờ đọc tụng lại chính là giờ phút ta đang hướng lòng đến quyến thuộc ngàn đời để tạm gọi là thời khắc cầu siêu, cầu an cho họ.

Tóm lại, kinh Phật có vô lượng ý nghĩa mà mỗi ý nghĩa đều là một sự tỏa sáng dòng tâm thức của người hành trì. Hãy bắt đầu làm bạn với những trang kinh mỗi ngày một cách thiết tha và trân quý nhất. Mỗi một sát-na sống với lời kinh là một sát-na ta gần hơn với đấng Điều Ngự Thế Tôn, bậc Pháp Vương vô lượng từ bi và trí tuệ vậy.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. *Nghi thức tụng niệm*, Hệ phái Phật giáo Khất sĩ Việt Nam, ấn bản 1992.
2. *Nhật tụng Pāḷi - Việt*, Pa-Auk Thiền Lâm viện, xuất bản 2023.
3. *Nhật tụng Kalama* (3 tập), Toại Khanh biên soạn, xuất bản 2020.
4. *Paritta Pāḷi: Kinh Hộ trì Pāḷi - Việt*, Tỳ-khưu Thiện Hảo.
5. *Nghi thức tụng niệm trong truyền thống Phật giáo Nguyên thủy*, Tiến sĩ Bình Anson.
6. *Nghi thức tụng niệm Đại Toàn*, Hội đồng Giáo thọ Mai Thôn, xuất bản 1999.
7. *Nghi thức tụng niệm hằng ngày*, Sa-môn Thích Thiện Thanh soạn và dịch, xuất bản 2013.
8. *Những bài kinh tụng hàng ngày*, TT. TS. Thích Chân Quang, xuất bản 2008.
9. *Kinh tụng hàng ngày*, TT. TS. Thích Nhật Từ biên soạn, xuất bản 2002.
10. *Kinh Phật cho người tại gia*, TT. TS. Thích Nhật Từ biên soạn, xuất bản 2014.
11. *Phật Quang đại từ điển*, HT. Quảng Độ dịch, xuất bản 2000.
12. *Từ điển Pāli: Từ nguyên và giải tự*, Toại Khanh, xuất bản 2020.
13. *Từ điển thuật ngữ Phật học Pāḷi - Anh - Việt*, TK. Đức Hiền dịch, xuất bản 2020.
14. *Tứ kệ tĩnh tâm*, Pháp sư Giác Nhiên.
15. *Tinh hoa bí yếu*, NT. Huỳnh Liên.
16. *Nghi thức kinh tụng hàng ngày*, TT.TS. Thích Phước Tiến biên soạn, xuất bản 2017.
17. Và một số bài nghiên cứu, tham luận, biên soạn, trước tác mang nội dung nghi thức, nghi lễ hay kinh tụng được xuất bản trên sách báo và các trang mạng Internet.

MỤC LỤC

LỜI CHỨNG MINH 5
LỜI GIỚI THIỆU 7
LỜI NÓI ĐẦU 9

- TÁN DƯƠNG 11
- ĐẢNH LỄ 12
- DÂNG HƯƠNG 15
- LỄ PHẬT 16
- LỄ PHÁP 16
- LỄ TĂNG 17
- KHAI KINH KỆ 17

KINH TỤNG GIỚI XUẤT GIA

1. KINH TẤT CẢ LẬU HOẶC 21
2. KINH THỪA TỰ PHÁP 35
3. KINH NIỆM XỨ 41
4. KINH TƯ LƯỢNG 54
5. ĐẠI KINH THÍ DỤ LÕI CÂY 58
6. TIỂU KINH NGƯỜI CHĂN BÒ 73
7. KINH KHẤT THỰC THANH TỊNH 81
8. KINH BỘC LƯU 89
9. KINH VÔ NGÃ TƯỚNG 92
10. KINH LỬA CHÁY 104
11. KINH VÍ DỤ KHÚC GỖ THỨ NHẤT 113
12. KINH BỆNH 119
13. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN 122
14. KINH RỪNG SIM-SA-PA 132

15. KINH THUẬN DÒNG 136
16. KINH TÔN GIẢ ƯU-ĐÀ-DI 140
17. KINH TIẾNG RỐNG SƯ TỬ 143
18. KINH NGƯỜI XUẤT GIA LUÔN QUÁN SÁT 154
19. KINH HẠNH PHÚC 158
20. KINH CHÂU BÁU 162

KINH TỤNG GIỚI TẠI GIA

1. KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT 175
2. KINH THÔN TIÊN 193
3. KINH HY HỮU VỊ TẰNG HỮU PHÁP 202
4. KINH ĐẦU NGỌN CỜ 215
5. KINH THÍCH TỬ MA-HA-NAM 221
6. KINH LỖ ÁCH 225
7. KINH GIA CHỦ 228
8. KINH NGƯỜI THỢ RÈN THUẦN-ĐÀ 238
9. KINH BÊN NGOÀI BỨC TƯỜNG 242
10. KINH LÒNG TỪ 249
11. KINH CHIM KHỔNG TƯỚC 253
12. KINH RẢI TÂM TỪ ĐẾN CÁC LOÀI RẮN CHÚA 256
- MƯỜI ĐIỀU PHÁT NGUYỆN 260
- PHỤC NGUYỆN 263
- TAM TỰ QUY Y 266

- PHỤ LỤC 1: NGUỒN GỐC & Ý NGHĨA 32 KINH THƠ TRÍCH TỪ TẠNG KINH (SUTTANTAPIṬAKA) 267
- PHỤ LỤC 2: CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ 277
- PHỤ LỤC 3: NGHI THỨC TRÌ TỤNG 303
- THƯ MỤC THAM KHẢO 307

KINH PHẬT TUYỂN TỤNG

Tác giả - dịch giả:

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM - HỆ PHÁI KHẤT SĨ

Tỳ-kheo MINH ĐIỆP *(Thi hóa)*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập: ĐINH THỊ THANH THỦY
Biên tập: Nguyễn Thị Cẩm Hồng. **Sửa bản in**: Hồng Anh.
Bìa, **trình bày:** TỐNG VIẾT DIỄN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM.
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38247225 - Fax: 028.38222726.
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn. Website: www.nxbhcm.com.vn. Sách điện tử: www. sachweb.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1: 62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM - ĐT: 028.38256804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2: 86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q. 4, TP. HCM - ĐT: 028.39433868
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3: 88 - 90 Ký Con, Q. 1, TP. HCM - ĐT: 028.38216009
GIAN HÀNG M01 - Đường sách Thành Phố Hồ Chí Minh: Đường Nguyễn Văn Bình, Q.1, TP. HCM

Thực hiện liên kết:
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHẬT GIÁO KHẤT SĨ THUỘC VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM .
Địa chỉ: 21 Nguyễn Trung Trực, P.5, Q. Bình Thạnh, TP. HCM.

In số lượng 6000 cuốn, khổ 16 x 24cm.
Tại: CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM. Lô B5-8,Đường D4, KCN Tân Phú Trung,
xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM.
XNĐKXB số: 3389-2023/CXBIPH/02-288THTPHCM. QĐXB số: 675/QĐ-THTPHCM-2023. Ngày 10-10-2023.
ISBN: 978-604-58-6613-9. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.